| HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN<br>TỈNH HƯNG YÊN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 88/NQ-HĐND | *Hưng Yên, ngày 28 tháng 9 năm 2026* |

# NGHỊ QUYẾT
## Về việc thông qua Đề án công nhận xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III

## HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
## KHÓA XVIII KỲ HỌP THỨ TƯ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;*

*Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được sửa đổi tại Quyết định số 1832/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 836/QĐ-BXD ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Thực hiện Thông báo số 738-TB/TU ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thông qua các Đề án công nhận 25 xã là đô thị loại III;*

*Xét Tờ trình số 339/TTr-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua các Đề án công nhận 25 xã là đô thị loại III, bao gồm: Triệu Việt Vương, Châu Ninh, Phụ Dực, Quỳnh Phụ, Đông Hưng, Hoàng Hoa Thám, Lương Bằng, Hưng Phú, Mễ Sở, Việt Yên, Kiến Xương, Vũ Quý, Long Hưng, Hưng Hà, Khoái Châu, Vũ Thư, Ân Thi, Nguyễn Trãi, Tiên Tiến, Lạc Đạo, Văn Giang, Hoàn Long, Xuân Trúc, Tiên Lữ, Quang Hưng; Báo*

*cáo thẩm tra số 606/BC-BPC ngày 27 tháng 9 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Đề án công nhận xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III *(có Đề án kèm theo).*

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; rà soát, hoàn thiện hồ sơ, chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, trung thực của thông tin, số liệu và các nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh; quyết định và tổ chức công bố Quyết định công nhận xã Khoái Châu là đô thị loại III theo thẩm quyền.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVIII Kỳ họp thứ Tư nhất trí thông qua ngày 28 tháng 9 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

***Nơi nhận***:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: Xây dựng; Nội vụ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc Nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Cổng TTĐT Đại biểu Nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Báo và PTTH tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

Ký bởi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 01/10/2026 18:24:05

**Trần Quốc Văn**

| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**XÃ KHOÁI CHÂU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 12/ĐA-UBND | *Khoái Châu, ngày 26 tháng 9 năm 2026* |

# ĐỀ ÁN
# CÔNG NHẬN XÃ KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

## I. PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Sự cần thiết công nhận xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III

Xã Khoái Châu có diện tích tự nhiên khoảng 29,33 km², quy mô dân số 49.501 người, tạo lập một không gian phát triển tương đối lớn, có khả năng tổ chức thành một đơn vị đô thị có quy mô và vai trò động lực trong khu vực. Khu vực trung tâm Khoái Châu đã có quá trình đô thị hóa từ trước, hệ thống công trình công cộng, thương mại - dịch vụ, giáo dục, y tế và hạ tầng kỹ thuật từng bước được đầu tư, đây là những điều kiện quan trọng để hình thành một không gian đô thị thống nhất, có khả năng cung cấp dịch vụ cho dân cư và khu vực phụ cận. Trong hệ thống đô thị của tỉnh đã xác định khu vực Khoái Châu được xác định là đô thị trung tâm tiểu vùng, giữ vai trò trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội của khu vực Khoái Châu; đồng thời là khu vực phát triển đa ngành gồm thương mại – dịch vụ, công nghiệp, du lịch, giáo dục – đào tạo và nông nghiệp chất lượng cao. Quy hoạch xác định đô thị Khoái Châu có vai trò giao thoa, kết nối kinh tế quan trọng trên trục hành lang kinh tế – kỹ thuật Bắc – Nam của tỉnh, đồng thời có ý nghĩa kết nối với Vùng Thủ đô Hà Nội và vùng Đồng bằng sông Hồng.

Qúa trình xây dựng và phát triển xã Khoái Châu hướng tới thành lập phường đặt ra yêu cầu chuyển đổi phương thức quản lý từ quản lý địa bàn nông thôn sang quản lý và phát triển đô thị, đòi hỏi phải có hệ thống quy hoạch, quy chế quản lý kiến trúc, quản lý đất đai, hạ tầng kỹ thuật và cung cấp dịch vụ công phù hợp. Hiện xã đã triển khai đo đạc, lập bản đồ địa chính và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai, tạo tiền đề quan trọng cho quản lý không gian phát triển và kiểm soát sử dụng đất trong quá trình đô thị hóa.

Việc đánh giá Khoái Châu theo tiêu chí đô thị loại III có ý nghĩa quan trọng trong việc lượng hóa mức độ đô thị hóa, xác định rõ các tiêu chí đã đạt và chưa đạt, làm cơ sở xây dựng chương trình đầu tư và hoàn thiện hạ tầng đô thị. Thông qua Đề án, địa phương có điều kiện rà soát tổng thể hệ thống giao thông, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải và chất thải rắn, cây xanh - không gian công

cộng, nhà ở, các công trình giáo dục, y tế, văn hóa - thể thao, thương mại - dịch vụ và các thiết chế đô thị khác; từ đó xác định thứ tự ưu tiên đầu tư, tránh đầu tư dàn trải và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Đồng thời là cơ sở quan trọng để quản lý phát triển không gian, sử dụng đất, đầu tư kết cấu hạ tầng và tổ chức cung cấp các dịch vụ đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại và bền vững. Đây cũng là cơ sở để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư; thúc đẩy phát triển thương mại - dịch vụ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đô thị sinh thái và các ngành kinh tế có lợi thế; nâng cao chất lượng môi trường sống, cảnh quan và đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Đồng thời, việc công nhận đô thị loại III góp phần tạo động lực thúc đẩy quá trình đô thị hóa, tăng cường liên kết giữa Khoái Châu với các khu vực phát triển khác của tỉnh Hưng Yên, nâng cao vai trò của địa phương trong mạng lưới đô thị của tỉnh và từng bước hình thành một đô thị phát triển đồng bộ, văn minh, hiện đại, có bản sắc, thích ứng với biến đổi khí hậu và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn đến năm 2030 và các năm tiếp theo.

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính; Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị; Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050... qua đánh giá thực trạng phát triển đô thị Khoái Châu đã hội tụ đầy đủ yếu tố, tiêu chí để công nhận là đô thị loại III, hướng tới thành lập phường trong năm 2026. Sau khi được công nhận đô thị loại III, xã sẽ có thêm nhiều động lực để phát triển nhanh, bền vững hơn. Đồng thời góp phần đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa của tỉnh Hưng Yên theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên và chương trình phát triển đô thị đã được UBND tỉnh phê duyệt. Đây cũng là nguồn động viên đối với Đảng bộ và nhân dân xã Khoái Châu nói riêng, tỉnh Hưng Yên nói chung.

**2. Căn cứ pháp lý lập đề án**

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

- Luật Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 133/VBHN-VPQH ngày 03 tháng 9 năm 2025);

- Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

- Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH14 (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 33/VBHN-VPQH ngày 13 tháng 3 năm 2026);

- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11/12/2025;

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ về việc Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Kết luận 212-KL/TW ngày 18/11/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí Thư về định hướng xây dựng tiêu chuẩn của đơn vị hành chính, phân loại đơn vị hành chính và phân loại đô thị; Kết luận số 224-KL/TW ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về sửa đổi quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

- Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025;

- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính;

- Nghị định số 321/2025/NĐ-CP ngày 16/12/2025 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến Nhân dân về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới

và đổi tên đơn vị hành chính;

- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Nghị định số 269/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phát triển đô thị thông minh;

- Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27/11/2025 của Chính phủ phân loại đơn vị hành chính;

- Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;

- Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030;

- Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050;

- Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 612/QĐ-TTg ngày 04/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Công văn số 365/TTg-TCCV ngày 06/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập đơn vị hành chính đô thị;

- Công văn số 2705/BNV-CQĐP ngày 25/3/2026 của Bộ Nội vụ về việc phân loại, lập hồ sơ bản đồ địa giới, công bố số liệu diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính và thành lập đơn vị hành chính đô thị;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

- Kết luận số 378-TB/TU ngày 05/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Phương án thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026;

- Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 08/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc công bố danh mục đô thị loại II, loại III và phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại II, loại III được chuyển tiếp theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Thông báo Kết luận số 571-TB/TU ngày 12/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả rà soát sơ bộ tiêu chuẩn các xã thành lập phường thuộc tỉnh Hưng Yên năm 2026.

- Kế hoạch số 179/KH-UBND ngày 21/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026.

- Các văn bản khác có liên quan.

**3. Phạm vi lập đề án**

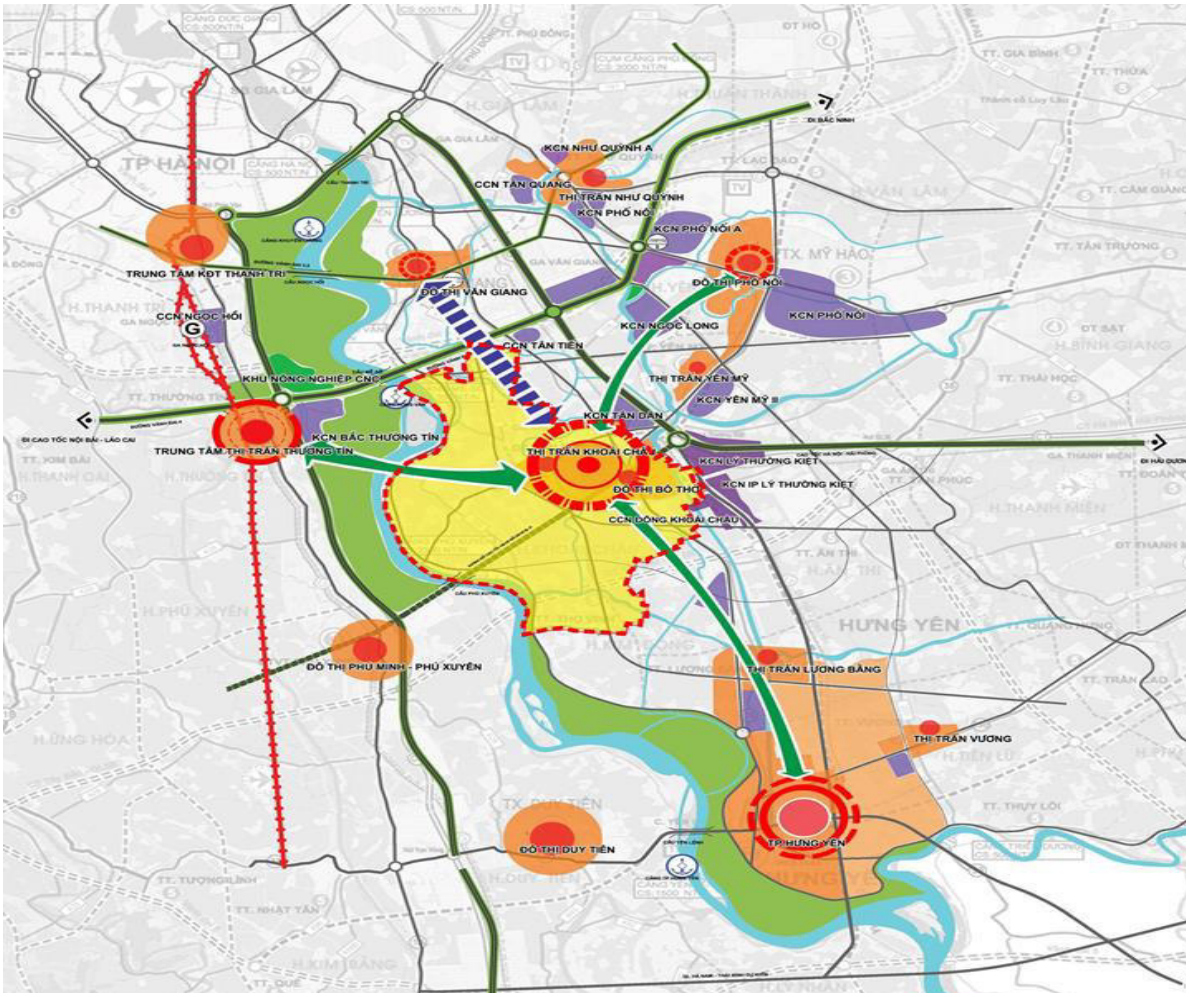
Phạm vi lập Đề án công nhận xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III: Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của xã Khoái Châu. Với tổng 29,33 $km^2$ diện tích tự nhiên và quy mô dân số 49.501 người. Ranh giới khu vực lập đề án cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp xã Việt Tiến;

- Phía Tây giáp xã Châu Ninh;

- Phía Nam giáp xã Chí Minh;

- Phía Bắc giáp xã Triệu Việt Vương.




*Hình 1: Sơ đồ vị trí ranh giới xã Khoái Châu trong tỉnh Hưng Yên*

## PHẦN II. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

### 1. Khái quát quá trình lịch sử hình thành và phát triển xã Khoái Châu

Theo những nguồn sử liệu cổ xưa, vùng đất Khoái Châu có từ thời rất sớm. Thời vua Hùng dựng nước, vùng đất này thuộc bộ Giao Chỉ, sau là Đằng Châu, lộ Khoái Châu. Năm  Minh Mạng 12 (1831), triều đình Huế thực hiện một cuộc cải cách hành chính lớn trên toàn lãnh thổ Việt Nam, trong đó có việc xóa bỏ các đơn vị tổng, trấn,... và chia cả nước lại thành 30 tỉnh. Tỉnh Hưng Yên được thành lập có phủ Khoái Châu và 5 huyện (Đông An, Kim Động, Thiên Thi, Phù Dung, Tiên Lữ).

Cách mạng Tháng Tám thành công, Chính phủ bỏ cấp phủ, từ đó Khoái Châu là 1 trong 9 ĐVHC cấp huyện thuộc tỉnh Hưng Yên. Ngày 26/01/1968, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Công hòa ban hành Quyết định số 504-QĐ/TVQH về việc hợp nhất hai tỉnh Hưng Yên và Hải Dương thành tỉnh Hải Hưng. Lúc bấy giờ, huyện Khoái Châu thuộc tỉnh Hải Hưng.

Ngày 24/02/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 70-CP về việc sáp nhập 14 xã: Hoàn Long, Yên Phú, Yên Hòa, Tân Tiến, Long Hưng, Cửu Cao, Xuân Quan, Phụng Công, Văn Phúc, Liên Nghĩa, Thắng Lợi, Mễ Sở, Việt Cường, Minh Châu của huyện Văn Yên vào huyện Khoái Châu thành huyện Châu Giang. Ngày 6/11/1996, Quốc hội khóa IX ban hành Nghị quyết về việc chia tỉnh Hải Hưng thành hai tỉnh Hải Dương và Hưng Yên. Huyện Châu Giang thuộc tỉnh Hưng Yên.

Ngày 24/9/1997, Chính phủ ban hành Nghị định số 102-CP về việc thành lập thị trấn Khoái Châu trên cơ sở xã Kim Ngưu cũ và 10,13 ha diện tích tự nhiên của xã An Vĩ. Ngày 24/7/1994 Chính phủ ban hành Nghị định số 60/1999/NĐ-CP về việc chia huyện Châu Giang thành 2 huyện Khoái Châu và Văn Giang. Lúc bấy giờ, huyện Khoái Châu thuộc tỉnh Hưng Yên có 25 ĐVHC cấp xã trực thuộc, bao gồm 01 thị trấn (Khoái Châu) và 24 xã (Đông Tảo, Dạ Trạch, Hàm Tử, Ông Đình, Bình Minh, An Vĩ, Bình Kiều, Tân Dân, Đông Kết, Tứ Dân, Tân Châu, Đông Ninh, Đại Tập, Liên Khê, Chí Tân, Nhuế Dương, Đại Hưng, Thuần Hưng, Thành Công, Phùng Hưng, Việt Hòa, Hồng Tiến, Đồng Tiến, Dân Tiến).

Ngày 24/10/2024, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1248/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023 - 2025. Theo đó, nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Bình Kiều vào thị trấn Khoái Châu.

Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Khoái Châu và các xã Liên Khê, Phùng Hưng, Đông Kết thành xã mới có tên gọi là xã Khoái Châu.

**2. Đánh giá tổng hợp về công tác triển khai đầu tư, xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị được duyệt**

***2.1. Công tác quy hoạch và phát triển đô thị***

Xã Khoái Châu được hình thành sau sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 trên cơ sở thị trấn Khoái Châu và các xã Liên Khê, Phùng Hưng, Đông Kết, tạo lập không gian phát triển đô thị có quy mô khoảng 29,33 km², dân số khoảng 49.501 người. Đây là khu vực có quá trình đô thị hóa tương đối rõ, trong đó khu vực trung

tâm thị trấn Khoái Châu trước đây đã hình thành hệ thống công trình hành chính, thương mại – dịch vụ, giáo dục, y tế và hạ tầng kỹ thuật; các khu vực Liên Khê, Phùng Hưng, Đông Kết bổ sung quỹ đất, dân cư và không gian phát triển mới.

Về công tác quy hoạch, xã Khoái Châu có cơ sở định hướng từ Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024. Quy hoạch tỉnh đặt mục tiêu đến năm 2030 tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh khoảng 60–65%, phát triển hệ thống đô thị đồng bộ, hiện đại và gắn với các hành lang, cực tăng trưởng của tỉnh.

Trên địa bàn, công tác quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch chuyên ngành đã từng bước tạo cơ sở cho quản lý đất đai, đầu tư xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng. Sau khi hình thành xã mới, việc mở rộng phạm vi quản lý lên gần 29,33 km² đặt ra yêu cầu rà soát, tích hợp các quy hoạch hiện có, bảo đảm thống nhất giữa quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị, giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước và các quy hoạch hạ tầng kỹ thuật khác.

Về tổ chức không gian đô thị, khu vực trung tâm Khoái Châu có vai trò hạt nhân hành chính, thương mại – dịch vụ và cung cấp các dịch vụ đô thị; các khu vực Liên Khê, Phùng Hưng và Đông Kết tạo không gian mở rộng cho phát triển dân cư, dịch vụ, sản xuất và nông nghiệp. Cần từng bước hình thành cấu trúc "trung tâm đô thị – các trục phát triển – khu dân cư – vùng sản xuất nông nghiệp", hạn chế phát triển dân cư tự phát dọc các tuyến giao thông và kiểm soát chặt việc chuyển đổi đất nông nghiệp.

Về phát triển hạ tầng và dự án đô thị, hệ thống giao thông, công trình công cộng, khu dân cư, thương mại – dịch vụ và hạ tầng kỹ thuật đã được đầu tư qua nhiều giai đoạn. Trong năm 2026, xã đang theo dõi, triển khai nhiều dự án trọng điểm và tiếp tục hoàn thiện hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế – xã hội. Đặc biệt, ngày 25/8/2026, đoàn khảo sát của Vụ Chính quyền địa phương – Bộ Nội vụ phối hợp với các cơ quan chuyên môn của tỉnh đã khảo sát thực địa tại Khoái Châu để đánh giá các điều kiện về diện tích, dân số, kinh tế – xã hội, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phục vụ hoàn thiện hồ sơ thành lập phường.

Kết quả nổi bật là công tác quy hoạch đã bước đầu tạo lập khung pháp lý cho phát triển không gian; hạ tầng đô thị từng bước được đầu tư; trung tâm đô thị cũ tiếp tục phát huy vai trò hạt nhân; không gian phát triển được mở rộng sau sắp xếp đơn vị hành chính. Việc triển khai hồ sơ thành lập phường tạo động lực để chuyển từ quản lý địa bàn nông thôn sang quản lý, phát triển đô thị theo hướng đồng bộ và hiện đại.

Tồn tại, hạn chế: Mức độ đô thị hóa giữa các khu vực trong xã chưa đồng đều; một số khu dân cư còn mang đặc trưng nông thôn, hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ.

Hệ thống giao thông nội bộ, thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải, cây xanh, không gian công cộng, bãi đỗ xe và các công trình dịch vụ đô thị cần tiếp tục được hoàn thiện. Công tác chỉnh trang kiến trúc cảnh quan, quản lý đất đai, trật tự xây dựng và kiểm soát phát triển dân cư cần được tăng cường.

Định hướng giai đoạn 2026–2030: Rà soát, tích hợp và đồng bộ toàn bộ hệ thống quy hoạch; xác định rõ khu vực chỉnh trang đô thị, phát triển đô thị mới, trung tâm dịch vụ – thương mại và vùng sản xuất nông nghiệp cần bảo vệ. Ưu tiên đầu tư các tuyến giao thông khung, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, điện – chiếu sáng, cây xanh và công trình công cộng; phấn đấu 100% dự án phát triển đô thị phù hợp quy hoạch được duyệt, từng bước hoàn thiện các tiêu chí hạ tầng và không gian đô thị.

Nhìn chung Công tác quy hoạch và phát triển đô thị tại xã Khoái Châu đã có nền tảng tương đối thuận lợi, phù hợp với định hướng phát triển hệ thống đô thị của tỉnh. Với 49.501 người dân, diện tích 29,33 km², vị trí trung tâm khu vực Khoái Châu và quá trình chuẩn bị thành lập phường đang được triển khai, xã có điều kiện để tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại III, hướng tới hình thành đô thị có hạ tầng đồng bộ, không gian phát triển hợp lý, quản lý hiện đại, xanh và bền vững.

***2.2. Các dự án đang triển khai theo quy hoạch trên địa bàn xã Khoái Châu***

Trên địa bàn xã Khoái Châu, công tác triển khai các dự án đầu tư theo quy hoạch đang được tập trung thực hiện, tạo động lực quan trọng cho phát triển hạ tầng, mở rộng không gian đô thị và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Theo UBND xã, đến năm 2026 địa phương đang theo dõi, chỉ đạo tiến độ 18 dự án trọng điểm, tập trung chủ yếu vào các nhóm dự án giao thông, đô thị, thương mại – dịch vụ và hạ tầng kỹ thuật. Công tác triển khai được thực hiện thông qua việc xây dựng kế hoạch tiến độ, theo dõi giải phóng mặt bằng, thi công và giải ngân vốn đầu tư; tuy nhiên, một số dự án còn gặp khó khăn, chủ yếu trong công tác giải phóng mặt bằng và thủ tục triển khai.

Trong số các dự án trọng điểm, Dự án Đường kết nối di sản xã Khoái Châu

là công trình hạ tầng quan trọng do cấp tỉnh quản lý, có ý nghĩa tăng cường liên kết giữa các khu vực có giá trị văn hóa, lịch sử, du lịch và các khu vực dân cư trên địa bàn. Cùng với đó, Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái và sân golf Khoái Châu là dự án động lực có quy mô lớn, được triển khai trên địa bàn các xã Khoái Châu, Châu Ninh và Chí Minh, với quy mô khoảng 888,5 ha, tổng vốn đầu tư khoảng 1,5 tỷ USD. Dự án định hướng hình thành tổ hợp đô thị – thương mại, dịch vụ, du lịch sinh thái, sân golf, cây xanh và không gian công cộng, tạo động lực thúc đẩy quá trình đô thị hóa và phát triển dịch vụ chất lượng cao cho khu vực.

Riêng trên địa bàn xã Khoái Châu, giai đoạn 1 của dự án khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái và sân golf có gần 83 ha đất cần thu hồi, liên quan đến 731 hộ dân thuộc thôn Trung Châu và Đông Kết. Địa phương đã tổ chức tuyên truyền, vận động, kiểm kê, lập phương án và thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân có đất thu hồi, tạo điều kiện đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng. Đây là dự án có tác động trực tiếp đến việc tổ chức lại không gian sử dụng đất và hình thành các khu chức năng đô thị mới trên địa bàn.

Nhóm dự án giao thông trọng điểm đang được triển khai gồm: Dự án xây dựng đường ĐT.384B đoạn Chợ Bến – Chí Tân; Dự án đường Chí Tân – Toàn Thắng; Dự án xây dựng đường Kênh Đông đoạn từ ĐH.57 đến ĐT.384; Dự án xây dựng ĐT.377 quy hoạch mới đoạn từ giao ĐT.377B đến giao ĐT.383; Dự án xây dựng tuyến ĐT.377 mới đoạn tuyến nối ĐT.383; Dự án cải tạo, nâng cấp ĐT.383 đoạn từ nút giao ĐT.379 đến ĐT.378. Các dự án này có vai trò từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông đối ngoại và liên vùng, tăng cường kết nối khu vực trung tâm Khoái Châu với các xã lân cận, các tuyến giao thông cấp tỉnh và các khu vực phát triển công nghiệp – dịch vụ, qua đó tạo quỹ đất và không gian thuận lợi cho phát triển đô thị theo quy hoạch.

Bên cạnh các dự án đang triển khai trực tiếp, Quy hoạch tỉnh Hưng Yên đã định hướng nghiên cứu và phát triển một số không gian đô thị quan trọng tại khu vực Khoái Châu như khu đô thị tại khu vực thị trấn Khoái Châu – Bình Kiều dọc tuyến đường tránh ĐT.377 mới; khu đô thị dọc đường Kênh Đông; khu đô thị dịch vụ thể thao, giải trí và nhà ở khu vực Kim Động – Khoái Châu; khu tổ hợp du lịch, thương mại – dịch vụ và biệt thự sinh thái; khu đô thị sinh thái Châu Giang. Đây là cơ sở quan trọng để tiếp tục thu hút đầu tư, từng bước hình thành các khu đô thị mới và các không gian dịch vụ phù hợp với định hướng phát triển chung của tỉnh.

Đánh giá chung, các dự án trọng điểm đang triển khai cơ bản phù hợp với

định hướng phát triển không gian và quy hoạch của khu vực Khoái Châu, trong đó 18 dự án trọng điểm là nguồn lực quan trọng thúc đẩy đầu tư xây dựng. Các dự án giao thông đóng vai trò hoàn thiện hạ tầng khung và mở rộng khả năng kết nối; dự án đô thị – du lịch – dịch vụ quy mô lớn tạo động lực phát triển mới; đồng thời các định hướng khu đô thị mới tạo dư địa phát triển trong dài hạn. Tuy nhiên, tiến độ thực hiện vẫn chịu tác động bởi công tác giải phóng mặt bằng, thủ tục đầu tư và nhu cầu bố trí vốn. Trong giai đoạn tới, cần tập trung hoàn thành các công trình giao thông trọng điểm, đẩy nhanh giải phóng mặt bằng, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật được đầu tư đồng bộ với các dự án đô thị, đồng thời tăng cường quản lý quy hoạch, sử dụng đất và trật tự xây dựng. Việc triển

khai hiệu quả các dự án sẽ là cơ sở quan trọng để nâng cao chất lượng hạ tầng, thúc đẩy đô thị hóa và từng bước hoàn thiện các tiêu chí của đô thị loại III đối với xã Khoái Châu.

***2.3. Công tác cải tạo nâng cấp chỉnh trang đô thị theo quy hoạch***

Trong những năm qua, công tác cải tạo, nâng cấp và chỉnh trang đô thị trên địa bàn xã Khoái Châu đang được triển khai động bộ trên các lĩnh vực, hướng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, chỉnh trang khu vực dân cư hiện hữu và hoàn thiện không gian đô thị, gắn với yêu cầu xây dựng phường Khoái Châu và nâng cao chất lượng các tiêu chí đô thị. Năm 2026, xã đang theo dõi, chỉ đạo 18 dự án trọng điểm, trong đó nhiều dự án có tác động trực tiếp đến hệ thống giao thông và tổ chức không gian đô thị; phần lớn đang triển khai theo kế hoạch, song vẫn còn vướng mắc về giải phóng mặt bằng và thủ tục đầu tư.

Các dự án cải tạo, nâng cấp hạ tầng có vai trò trực tiếp đối với chỉnh trang đô thị gồm: (1) Đường ĐT.384B đoạn Chợ Bến – Chí Tân; (2) đường Chí Tân – Toàn Thắng kết nối QL.39; (3) đường Kênh Đông, đoạn từ ĐH.57 đến ĐT.384; (4) ĐT.377 quy hoạch mới, đoạn từ ĐT.377B đến ĐT.383; (5) tuyến ĐT.377 mới nối ĐT.383; (6) cải tạo, nâng cấp ĐT.383 đoạn từ nút giao ĐT.379 đến ĐT.378. Đây là nhóm dự án được xã xác định là các dự án trọng điểm, góp phần hoàn thiện mạng lưới giao thông khung, giảm áp lực giao thông khu vực trung tâm, mở rộng không gian phát triển và tạo điều kiện chỉnh trang các khu dân cư dọc các tuyến đường.

Bên cạnh đầu tư giao thông, công tác chỉnh trang cảnh quan và công trình công cộng được thực hiện thường xuyên. Tháng 7/2026, xã đã tổ chức chỉnh trang khuôn viên Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sĩ, thực hiện phát quang, thu gom rác, cắt tỉa cây xanh, chăm sóc bồn hoa và vệ sinh các hạng mục công trình, góp phần nâng cao chất lượng cảnh quan và không gian công cộng. Đồng thời, xã triển khai Đề án đặt tên đường, ngõ và đánh số, gắn biển số nhà, công trình xây dựng trên toàn địa bàn; đây là nhiệm vụ quan trọng nhằm chuẩn hóa địa chỉ, hỗ trợ quản lý đô thị, quản lý dân cư và từng bước hình thành cơ sở dữ liệu đô thị số.

Về quản lý đất đai, không gian xây dựng và chỉnh trang khu dân cư, xã đang đẩy mạnh hoàn thiện dữ liệu địa chính, quản lý quỹ đất và kiểm soát việc xây dựng theo quy hoạch. Việc này có ý nghĩa quan trọng trong kiểm soát phát triển đô thị, hạn chế xây dựng tự phát, đồng thời tạo cơ sở để thực hiện các dự án mở rộng đường giao thông, chỉnh trang khu dân cư và bố trí các công trình công cộng.

Nhìn chung, Công tác cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang đô thị của xã Khoái Châu đã có chuyển biến rõ, từ chỉnh trang cục bộ sang đầu tư theo các trục hạ tầng và dự án trọng điểm, trong đó 6 dự án giao thông nêu trên là động lực chính. Tuy nhiên, mức độ chỉnh trang giữa khu vực trung tâm và các khu dân cư mở rộng còn chưa đồng đều; một số tuyến còn thiếu đồng bộ về vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước, thu gom – xử lý nước thải, bãi đỗ xe và không gian công cộng. Công tác giải phóng mặt bằng vẫn là điểm nghẽn của một số dự án.

Trong giai đoạn 2026–2030, cần ưu tiên chỉnh trang khu vực trung tâm xã và các trục ĐT.377, ĐT.383, ĐT.384, đường Kênh Đông; đầu tư đồng bộ mặt đường – vỉa hè – thoát nước – chiếu sáng – cây xanh – biển hiệu; cải tạo các khu dân cư hiện hữu, bổ sung công viên, vườn hoa và không gian sinh hoạt cộng đồng; đồng thời kiểm soát chặt kiến trúc, cảnh quan và trật tự xây dựng. Ngày 25/8/2026, đoàn khảo sát của Bộ Nội vụ cùng Sở Nội vụ, Sở Xây dựng đã trực tiếp kiểm tra các khu vực hạ tầng trọng điểm, công trình công cộng và hạ tầng đô thị của xã để phục vụ hoàn thiện hồ sơ thành lập phường Khoái Châu.

***2.4. Công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị theo quy hoạch***

Trong những năm qua, công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn xã Khoái Châu ngày càng được tăng cường gắn với quản lý quy hoạch, đất đai, đầu tư xây dựng và quá trình đô thị hóa. Xã Khoái Châu được hình thành trên cơ sở sắp xếp 04 đơn vị hành chính gồm thị trấn Khoái Châu, Liên Khê, Phùng Hưng và Đông Kết, tạo không gian quản lý đô thị thống nhất. Trong năm 2026, xã đang tập trung hoàn thiện các cơ sở dữ liệu đất đai, rà soát quy hoạch và quản lý các dự án đầu tư nhằm kiểm soát quá trình phát triển không gian xây dựng.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng là quản lý đất đai làm cơ sở kiểm soát trật tự xây dựng. Ngày 19/5/2026, UBND xã ban hành Kế hoạch số 78/KH-UBND về đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn. Việc xác định ranh giới, mốc giới, hiện trạng và hồ sơ từng thửa đất giúp nâng cao khả năng kiểm soát chuyển mục đích sử dụng đất, phát hiện xây dựng không phù hợp quy hoạch và phục vụ quản lý cấp phép, đầu tư xây dựng.

Công tác quản lý trật tự xây dựng được đặt trong bối cảnh địa bàn có 18 dự án trọng điểm đang được theo dõi, chỉ đạo trong năm 2026. Các dự án có liên quan trực tiếp đến tổ chức không gian đô thị gồm Đường kết nối di sản xã Khoái Châu; Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái và sân golf Khoái Châu; ĐT.384B đoạn Chợ Bến – Chí Tân; tuyến Chí Tân – Toàn Thắng kết nối QL.39; đường Kênh Đông đoạn ĐH.57 – ĐT.384; ĐT.377 quy hoạch mới; tuyến ĐT.377 mới

nối ĐT.383 và cải tạo, nâng cấp ĐT.383. Việc triển khai đồng thời các dự án này làm gia tăng yêu cầu kiểm soát chỉ giới, hành lang giao thông, sử dụng đất và xây dựng công trình dọc các tuyến, khu vực dự án. Theo báo cáo tháng 7/2026, phần lớn 18 dự án đang triển khai theo kế hoạch, tuy nhiên một số dự án còn khó khăn về giải phóng mặt bằng và hoàn thiện thủ tục đầu tư.

Đối với quản lý xây dựng trong các khu vực đô thị hóa và khu dân cư, xã đang từng bước chuẩn hóa hệ thống địa chỉ, công trình và dữ liệu quản lý. Việc đánh số, gắn biển số nhà và công trình xây dựng góp phần xác định rõ vị trí công trình, hỗ trợ quản lý dân cư, đất đai, xây dựng và cung cấp dịch vụ đô thị. Đồng thời, việc tổ chức lại hệ thống thôn, khu dân cư trong quá trình chuẩn bị chuyển đổi mô hình quản lý đô thị cũng đặt ra yêu cầu rà soát lại mạng lưới đường giao thông, khu dân cư, công trình công cộng và không gian xây dựng. Kết quả nổi bật là công tác quản lý đang từng bước chuyển từ quản lý riêng lẻ tại khu vực thị trấn cũ sang quản lý thống nhất trên toàn xã; quy hoạch, đất đai và đầu tư xây dựng được kết nối chặt chẽ hơn.

Tuy nhiên, công tác quản lý vẫn cần tiếp tục hoàn thiện do tốc độ đô thị hóa và đầu tư dự án tăng nhanh, trong khi một số khu vực còn mang đặc trưng dân cư nông thôn; nguy cơ phát sinh xây dựng tự phát, xây dựng không phù hợp mục đích sử dụng đất, lấn chiếm hành lang giao thông và phát triển công trình dọc các tuyến đường mới cần được kiểm soát thường xuyên. Hồ sơ hiện có chưa cung cấp số liệu tổng hợp riêng về số trường hợp vi phạm trật tự xây dựng, số công trình bị xử lý hoặc tỷ lệ công trình được kiểm tra, do đó cần bổ sung các chỉ tiêu này từ hồ sơ quản lý xây dựng của xã khi hoàn thiện Đề án.

Giai đoạn 2026–2030, cần xây dựng cơ sở dữ liệu GIS tích hợp quy hoạch – đất đai – xây dựng, công khai chỉ giới đường đỏ và các khu vực được phép xây dựng; tăng cường kiểm tra tại các trục ĐT.377, ĐT.383, ĐT.384, đường Kênh Đông và khu vực thực hiện các dự án lớn; kiểm soát chặt chuyển mục đích sử dụng đất, mật độ, tầng cao, khoảng lùi và kiến trúc công trình. Phấn đấu 100% công trình xây dựng mới được kiểm tra theo quy định; 100% vi phạm phát sinh được phát hiện, lập hồ sơ và xử lý kịp thời; không để hình thành các khu dân cư, công trình xây dựng tự phát trái quy hoạch. Đây là nhiệm vụ quan trọng nhằm bảo đảm xây dựng và phát triển đô thị Khoái Châu theo đúng quy hoạch, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và tạo cơ sở hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại III theo lộ trình đề xuất.

### *2.5. Hiện trạng phát triển đô thị xã Khoái Châu*

*2.5.1. Vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội*

Theo Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Khoái Châu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, khu vực xã Khoái Châu thuộc các Cực phát triển trung tâm, được định hướng phát triển đô thị dịch vụ, công nghiệp, các khu công nghiệp, kho tàng được bố trí theo định hướng của quy hoạch hệ thống các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và được bổ sung một số khu vực theo yêu cầu mới, trên cơ sở lợi thế của hệ thống giao thông đồng bộ, hiện đại; ngoài lợi thế về giao thông, khu vực xã Khoái Châu còn có lợi thế như quỹ đất rộng, có hệ thống hạ tầng đã phát triển đô thị hóa, đủ điều kiện xây dựng, nâng cấp và phát triển đô thị; khu vực xã Khoái Châu có vai trò trung tâm về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, đầu mối giao thông, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một cụm liên xã khu vực trung tâm huyện Khoái Châu cũ nói riêng và khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên hiện hữu nói chung.

Theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, xã Khoái Châu nằm ở khu vực Vùng động lực phía Bắc (Cửa ngõ vùng Thủ đô Hà Nội), hội tụ đầy đủ các điều kiện thuận lợi nhất về vị trí, hạ tầng, liên kết vùng và tiềm năng thu hút đầu tư, được xác định là vùng động lực tăng trưởng cao của tỉnh Hưng Yên; đóng vai trò là trung tâm phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistics công nghệ cao của tỉnh, cửa ngõ giao thương chiến lược kết nối trực tiếp vùng Thủ đô với khu vực đồng bằng ven biển; là hạt nhân công nghiệp công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo và logistics liên vùng, đồng thời là nơi hình thành các khu đô thị hiện đại, trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng, tạo động lực lan tỏa phát triển cho toàn bộ tỉnh Hưng Yên. Được định hướng phát triển theo trục hành lang công nghiệp - đô thị - dịch vụ, kết nối trực tiếp với Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng; phát triển theo mô hình đô thị thông minh - xanh - hiện đại, gắn với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, kết hợp hài hòa giữa sản xuất công nghiệp, dịch vụ, thương mại và không gian sống đô thị chất lượng cao; trở thành trung tâm phát triển kinh tế tri thức, với các khu nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, cơ sở giáo dục, đào tạo nghề và khu công nghệ cao. Ngoài ra, xã Khoái Châu còn được định hướng phát triển thành phường trong giai đoạn đến năm 2030.

*2.5.2. Hiện trạng phát triển kinh tế, xã hội*

2.5.2.1. Hiện trạng phát triển kinh tế

Năm 2025, trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức. Tình hình thị trường tài chính, tiền tệ biến động, lạm phát, thiên tai, bão lũ, thời tiết cực đoan diễn biến phức tạp,… Trước bối cảnh đó, được sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Khoái Châu đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ các chủ trương, chính sách, văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh; nắm chắc tình hình, chủ động có giải pháp ứng phó, thích ứng linh hoạt, kịp thời, chắc chắn trước các vấn đề phát sinh; tiếp tục đổi mới, sáng tạo, đột phá, quyết liệt chỉ đạo, điều hành trên tất cả các lĩnh vực: công tác thu chi ngân sách, đẩy mạnh rải ngân vốn đầu tư công; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy chuyển đổi số; giải quyết khó khăn, vướng mắc; rà soát các điểm nghẽn, rào cản để có giải pháp tháo gỡ kịp thời. Với sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị từ xã đến thôn, sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội của xã năm 2025 phát triển khá trên tất cả các lĩnh vực.

*a) Các chỉ tiêu phát triển kinh tế*

- Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Khoái Châu năm 2025 theo giá hiện hành đạt 4.498,90 tỷ đồng, tăng 10,30% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 2.069,49 tỷ đồng, tăng 11,10%; thương mại - dịch vụ đạt 1.664,59 tỷ đồng, tăng 10,60%, nông - lâm - thủy sản đạt 764,81 tỷ đồng, tăng 9,20% so với cùng kỳ năm 2024. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 10,12%, trong đó: năm 2023 tăng 9,90%, năm 2024 tăng 10,16% và năm 2025 tăng 10,30%.

*Bảng 1: Tổng hợp giá trị sản xuất các ngành xã Khoái Châu giai đoạn 2023 - 2025*

| Chỉ tiêu/năm | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 |
|---|---|---|---|
| **GTSX theo giá hiện hành (tỷ đồng)** | **3.681,83** | **4.069,52** | **4.498,90** |
| Thương mại - Dịch vụ | 643,73 | 700,38 | 764,81 |
| Công nghiệp - Xây dựng | 1.672,10 | 1.862,72 | 2.069,49 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| Nông - Lâm - Thủy sản | 1.366,00 | 1.506,42 | 1.664,59 |

b) Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 37,00%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 46,00% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 17,00% trong cơ cấu kinh tế của xã.

c) Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 75,15 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 84,52 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 92,20 triệu đồng/người/năm.

d) Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Khoái Châu năm 2025 đạt 680,34 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 651,25 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên đạt 263,85 tỷ đồng, chi đầu tư phát triển đạt 315,91 tỷ đồng. Cân đối có dư.

đ) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Khoái Châu là 0,75%, trong đó: năm 2023 là 1,18%, năm 2024 là 0,68% và năm 2025 là 0,41%.

*** Sản xuất nông nghiệp**

- Về sản xuất nông - lâm - thủy sản; công tác quản lý đất đai, bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai:

Về sản xuất nông - lâm - thủy sản: Nông nghiệp vẫn là một bộ phận quan trọng trong cơ cấu kinh tế xã Khoái Châu, đồng thời tạo nền tảng cho phát triển nông nghiệp hàng hóa, sinh thái gắn với quá trình đô thị hóa. Năm 2025, giá trị thu trên 01 ha canh tác đạt 244,2 triệu đồng/năm; cơ cấu kinh tế gồm nông nghiệp 17%, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng 46%, thương mại - dịch vụ 37%, cho thấy chuyển dịch mạnh từ sản xuất nông nghiệp thuần túy sang mô hình kinh tế đô thị - dịch vụ. Tổng diện tích cấy lúa vụ xuân 420 ha, cây ăn quả 1.384 ha, diện tích cây vụ đông 295 ha; tỷ lệ gieo vãi trên 50%, Năng suất lúa đông xuân ước đạt 68,5 tạ/ha, tăng 0,3 tạ/ha so với vụ đông xuân trước; sản lượng lúa vụ xuân năm 2025 ước đạt 77.6 triệu tấn, tăng 6,3 nghìn tấn. Các loại cây ăn quả và rau màu khác cho thu hoạch khá.

Sản xuất nông nghiệp có lợi thế về đất phù sa, hệ thống thủy lợi và vùng cây ăn quả, tiếp tục được định hướng nâng cao giá trị trên đơn vị diện tích, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và phát triển sản phẩm hàng hóa. Mục tiêu giai đoạn tới là nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp công nghệ

cao, nông nghiệp sinh thái và gắn sản xuất với thương mại, dịch vụ, du lịch. Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa và triển khai các dự án đầu tư lớn sẽ làm thay đổi cơ cấu sử dụng đất, đòi hỏi phải quản lý chặt quỹ đất nông nghiệp và chuyển đổi sinh kế phù hợp.

Về quản lý đất đai: Công tác quản lý đất đai được tăng cường, nhất là trong bối cảnh xã đang triển khai nhiều dự án đầu tư và đô thị hóa nhanh. Ngày 19/5/2026, UBND xã ban hành Kế hoạch số 78/KH-UBND về đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn. Nhiệm vụ này tạo cơ sở xác định chính xác ranh giới, mốc giới, hiện trạng sử dụng đất, kiểm soát biến động đất đai, chuyển mục đích sử dụng đất và phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Đặc biệt, năm 2026 xã đang theo dõi 18 dự án trọng điểm, trong đó có các dự án giao thông, đô thị, du lịch và hạ tầng kỹ thuật. Phần lớn dự án được triển khai theo kế hoạch nhưng một số còn khó khăn về giải phóng mặt bằng và thủ tục đầu tư; do đó yêu cầu quản lý chặt chẽ quỹ đất, hành lang công trình, đất thu hồi và đất sau thu hồi ngày càng cao.

Về bảo vệ môi trường: Công tác vệ sinh môi trường, thu gom rác thải và xây dựng cảnh quan xanh - sạch - đẹp được quan tâm. Trong 6 tháng đầu năm 2026, 100% chi hội phụ nữ trên địa bàn đăng ký thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, trong đó có các mô hình "đoạn đường phụ nữ tự quản xanh - sạch - đẹp", hạn chế túi nilon và phân loại, xử lý rác thải tại hộ gia đình. Xã cũng thường xuyên tổ chức tổng vệ sinh, thu gom rác, phát quang, cắt tỉa cây xanh, chăm sóc bồn hoa và chỉnh trang các công trình công cộng. Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa, gia tăng xây dựng và phát triển các dự án đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện hệ thống thu gom, vận chuyển, phân loại và xử lý chất thải rắn; kiểm soát nước thải sinh hoạt, sản xuất và chất thải xây dựng.

Về phòng, chống thiên tai: Khoái Châu có nguy cơ chịu tác động của bão, mưa lớn, ngập úng và nước sông dâng. Năm 2025, địa bàn chịu ảnh hưởng của 4 cơn bão lớn (bão số 3, 5, 9 và 10); mưa lớn và nước sông dâng đã gây thiệt hại trên 115 ha cây trồng, chủ yếu là cây ăn quả và cây hàng năm. Năm 2026, xã tiếp tục xây dựng phương án ứng phó, bổ sung lực lượng y tế, hậu cần, thông tin cảnh báo và tổ chức tuyên truyền, tập huấn cho lực lượng cơ sở.

Đánh giá chung: Sản xuất nông nghiệp của Khoái Châu có giá trị kinh tế khá cao, 244,2 triệu đồng/ha/năm, đang chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa; quản lý đất đai từng bước được số hóa; công tác bảo vệ môi trường và phòng, chống thiên tai được chủ động hơn. Tuy nhiên, cần tiếp tục giải quyết các vấn đề về thu hẹp quỹ đất nông nghiệp, hiệu quả sử dụng đất, chất thải và nước thải,

ngập úng và tác động của thiên tai. Giai đoạn 2026–2030 cần gắn quản lý đất đai với quy hoạch đô thị; bảo vệ các vùng sản xuất nông nghiệp có giá trị; phát triển nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao; hoàn thiện thu gom và xử lý chất thải, nước thải; bảo vệ hệ thống thủy lợi, hành lang thoát lũ; đồng thời nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai, góp phần xây dựng Khoái Châu theo hướng đô thị xanh, sinh thái, an toàn và phát triển bền vững.

***Kinh tế thương mại – dịch vụ**

Khu vực thương mại – dịch vụ đang trở thành một trong những động lực quan trọng của kinh tế xã Khoái Châu, phù hợp với vai trò trung tâm khu vực và định hướng phát triển đô thị. Sau khi hình thành xã mới trên cơ sở sắp xếp thị trấn Khoái Châu, Liên Khê, Phùng Hưng và Đông Kết, không gian thị trường và quy mô dân cư phục vụ thương mại được mở rộng. Năm 2025, cơ cấu kinh tế của xã gồm nông nghiệp 17%, công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp và xây dựng 46%, thương mại – dịch vụ 37%, trong đó giá trị thu trên 1 ha canh tác đạt 244,2 triệu đồng/năm.

Hoạt động thương mại tập trung chủ yếu tại khu vực trung tâm Khoái Châu, các tuyến đường tỉnh, các tuyến giao thông liên xã và các khu dân cư tập trung, với các loại hình bán buôn, bán lẻ, ăn uống, vận tải, tài chính – ngân hàng, giáo dục, y tế, viễn thông và dịch vụ phục vụ sản xuất. Quy mô dân số khoảng 49.501 người, diện tích tự nhiên khoảng 29,33 km², tạo thị trường tiêu dùng tương đối lớn cho phát triển hệ thống thương mại – dịch vụ và các loại hình dịch vụ đô thị.

Hoạt động dịch vụ tài chính và hỗ trợ sản xuất, kinh doanh có xu hướng mở rộng. Đến tháng 5/2026, dư nợ tín dụng chính sách trên địa bàn đạt khoảng 157,182 tỷ đồng, tăng 7,801 tỷ đồng (5,2%) so với cuối năm 2025; khoảng 2.187 khách hàng còn dư nợ. Nguồn vốn này góp phần hỗ trợ hộ gia đình, cơ sở sản xuất – kinh doanh, tạo việc làm và thúc đẩy tiêu dùng, dịch vụ trên địa bàn.

Không gian phát triển thương mại – dịch vụ tiếp tục được mở rộng nhờ 18 dự án trọng điểm đang được theo dõi, triển khai. Đặc biệt, các dự án Đường kết nối di sản xã Khoái Châu, Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái và sân golf Khoái Châu cùng hệ thống ĐT.377, ĐT.383, ĐT.384 và đường Kênh Đông sẽ tạo thêm các cực và trục phát triển mới cho thương mại, dịch vụ, du lịch, lưu trú, ăn uống, vận tải và logistics.

Đánh giá chung: Kinh tế thương mại – dịch vụ của Khoái Châu có nền tảng phát triển khá tốt, chiếm 37% cơ cấu kinh tế, gắn với dân số đông, vị trí trung tâm, mạng lưới giao thông và quá trình đô thị hóa. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh còn phân tán, quy mô cơ sở kinh doanh nhỏ; dịch vụ chất lượng cao, logistics, du lịch, vui chơi giải trí và các mô hình bán lẻ hiện đại chưa tương xứng với tiềm năng. Hạ

tầng thương mại, bãi đỗ xe và không gian dịch vụ tập trung cần tiếp tục được đầu tư.

Giai đoạn 2026–2030, cần ưu tiên phát triển thương mại – dịch vụ thành một trong các ngành kinh tế chủ lực, hình thành các tuyến phố thương mại, trung tâm dịch vụ và khu dịch vụ đô thị gắn với các trục ĐT.377, ĐT.383, ĐT.384 và đường Kênh Đông; phát triển logistics, vận tải, tài chính, y tế, giáo dục, lưu trú, ẩm thực, du lịch sinh thái và vui chơi giải trí; đẩy mạnh thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và chuyển đổi số trong kinh doanh. Qua đó nâng cao sức cạnh tranh của kinh tế địa phương, tạo việc làm, tăng thu nhập và củng cố vai trò trung tâm thương mại – dịch vụ của Khoái Châu trong khu vực.

***Kinh tế công nghiệp và xây dựng**

Khu vực công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp và xây dựng đang giữ vai trò quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế xã Khoái Châu theo hướng đô thị. Năm 2025, cơ cấu kinh tế của xã gồm nông nghiệp khoảng 17%, công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp và xây dựng khoảng 46%, thương mại – dịch vụ khoảng 37%; tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất đạt khoảng 10,3%, thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 92,2 triệu đồng/người/năm. Với tỷ trọng khoảng 46%, công nghiệp – xây dựng là một trong những khu vực kinh tế chủ lực, tạo việc làm và nguồn thu nhập phi nông nghiệp cho người dân.

Hoạt động sản xuất trên địa bàn chủ yếu là công nghiệp chế biến, tiểu thủ công nghiệp, cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông sản và các ngành nghề phục vụ xây dựng – dân dụng. Tuy nhiên, quy mô cơ sở sản xuất nhìn chung còn nhỏ, phân tán; mức độ ứng dụng công nghệ, tự động hóa và liên kết chuỗi giá trị chưa cao. Đây là điểm cần tiếp tục khắc phục trong quá trình chuyển đổi từ mô hình kinh tế nông thôn sang kinh tế đô thị.

Lĩnh vực xây dựng đang có sự phát triển mạnh, gắn với đầu tư kết cấu hạ tầng và quá trình hình thành không gian đô thị mới. Năm 2026, xã Khoái Châu đang theo dõi, chỉ đạo 18 dự án trọng điểm, trong đó có nhiều dự án trực tiếp tạo động lực cho ngành xây dựng và hạ tầng như: Đường kết nối di sản xã Khoái Châu; Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái và sân golf Khoái Châu; đường 384B (Chợ Bến – Chí Tân); đường Chí Tân – Toàn Thắng kết nối QL.39; đường Kênh Đông đoạn ĐH.57 – ĐT.384; ĐT.377 quy hoạch mới đoạn ĐT.377B – ĐT.383; tuyến ĐT.377 mới nối ĐT.383 và cải tạo, nâng cấp ĐT.383 đoạn ĐT.379 – ĐT.378.

Việc triển khai đồng thời 18 dự án trọng điểm cho thấy nhu cầu đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, giao thông, đô thị và các công trình dịch vụ trên địa bàn

ngày càng lớn; đồng thời tạo điều kiện mở rộng thị trường cho các doanh nghiệp xây dựng, sản xuất vật liệu, cơ khí và các ngành dịch vụ hỗ trợ. Trong 6 tháng đầu năm 2026, HĐND xã tiếp tục xem xét điều chỉnh danh mục đầu tư các tuyến đường giao thông và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026–2030, tạo cơ sở tiếp tục hoàn thiện hệ thống hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế – đô thị.

Đánh giá chung: Công nghiệp – xây dựng đã trở thành khu vực kinh tế chủ lực, chiếm khoảng 46% cơ cấu kinh tế, phù hợp với xu hướng đô thị hóa và chuyển dịch cơ cấu lao động của Khoái Châu. Tuy nhiên, công nghiệp còn thiếu các cơ sở sản xuất quy mô lớn, công nghệ cao; sản xuất tiểu thủ công nghiệp còn phân tán; ngành xây dựng phát triển nhanh nhưng đặt ra yêu cầu cao hơn về quản lý quy hoạch, đất đai, trật tự xây dựng và môi trường.

Định hướng đến năm 2030: Ưu tiên thu hút công nghiệp sạch, công nghiệp chế biến – chế tạo, công nghiệp hỗ trợ và công nghệ cao; từng bước đưa các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm, không phù hợp ra khỏi khu dân cư; phát triển các điểm/cụm sản xuất tập trung gắn với giao thông chính. Đồng thời khai thác các dự án đô thị, du lịch và hạ tầng lớn để phát triển ngành xây dựng, vật liệu xây dựng và dịch vụ kỹ thuật; phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng công nghiệp – xây dựng ở mức cao, nâng năng suất lao động và tăng tỷ trọng lao động phi nông nghiệp, tạo nền tảng kinh tế cho quá trình phát triển Khoái Châu theo hướng đô thị hiện đại.

*2.5.2.2. Hiện trạng phát triển xã hội*

*a) Công tác giáo dục và đào tạo*

Công tác giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Khoái Châu được quan tâm đầu tư, từng bước đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và quá trình phát triển đô thị. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, xã đã rà soát, kiện toàn mạng lưới trường học nhằm sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và nâng cao chất lượng phục vụ học tập. Đến tháng 8/2026, mạng lưới giáo dục công lập của xã được kiện toàn còn 06 đơn vị, gồm 02 trường mầm non, 02 trường tiểu học và 02 trường THCS. Việc sắp xếp nhằm giảm đầu mối quản lý, khắc phục tình trạng manh mún và tập trung nguồn lực cho các cơ sở giáo dục.

Chất lượng giáo dục cơ bản được duy trì ổn định, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học, cấp học và học sinh khá, giỏi ở các cấp học đạt mức cao. Công tác giáo dục mũi nhọn có nhiều kết quả tích cực. Năm học 2025–2026, xã tổ chức bồi dưỡng 110 học sinh thuộc các đội tuyển học sinh giỏi lớp 9, với 14 giáo viên tham gia phụ trách, bồi dưỡng đội tuyển. Tại Trường THCS Nguyễn Thiện Thuật, học sinh đạt Giải Nhất cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp

tỉnh năm học 2025–2026 với dự án ứng dụng trí tuệ nhân tạo; dự án nằm trong nhóm được lựa chọn thuyết trình, xét tuyển tham dự cuộc thi cấp quốc gia. Đối với cấp THPT, Trường THPT Khoái Châu có 17 thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển học sinh giỏi ở 9 môn, trong đó 03 học sinh được lựa chọn tham gia đội tuyển dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên từng bước được củng cố, chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Tại Trường THPT Khoái Châu, 100% giáo viên thực hiện đúng quy trình chuyên môn, được kiểm tra nội bộ về đổi mới phương pháp giảng dạy và 100% giáo viên tham gia đầy đủ các đợt tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu. Các trường cũng từng bước triển khai STEM, giáo dục kỹ năng, hoạt động trải nghiệm và các chương trình nâng cao năng lực số cho học sinh.

Cơ sở vật chất trường lớp tiếp tục được rà soát, sửa chữa và bổ sung. Năm học 2025–2026, các trường thực hiện kiểm tra cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sửa chữa các hạng mục xuống cấp, cải tạo cảnh quan và bảo đảm môi trường trường học an toàn. Công tác giáo dục thể chất được chú trọng; tháng 2/2026, xã tổ chức Giải thể thao học sinh phổ thông với các môn cờ vua, cầu lông, bóng bàn, điền kinh..., góp phần phát triển toàn diện thể chất và kỹ năng cho học sinh.

Đánh giá chung: Giáo dục và đào tạo là một trong những lĩnh vực có chất

lượng tương đối tốt của xã Khoái Châu; mạng lưới trường học được tổ chức lại theo hướng tinh gọn, chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn được duy trì, đội ngũ giáo viên từng bước được nâng cao năng lực chuyên môn và chuyển đổi số. Tuy nhiên, sau sắp xếp đơn vị hành chính, cần tiếp tục đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất, phòng học bộ môn, sân chơi – bãi tập, thiết bị dạy học và hạ tầng số, đồng thời bảo đảm quy mô trường lớp phù hợp với tốc độ gia tăng dân số và đô thị hóa.

*b) Công tác y tế:*

Công tác y tế, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân trên địa bàn xã Khoái Châu được quan tâm, từng bước đáp ứng yêu cầu của địa bàn có quy mô dân số khoảng 49.501 người, diện tích 29,33 km². Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, xã đã triển khai Đề án thành lập Trạm Y tế xã Khoái Châu trực thuộc UBND xã, đồng thời tổ chức các điểm khám, chữa bệnh nhằm bảo đảm cung cấp dịch vụ y tế ban đầu cho người dân. Việc kiện toàn mạng lưới y tế cơ sở là yêu cầu cần thiết trong điều kiện dân số tập trung và quá trình đô thị hóa ngày càng nhanh.

Công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu được duy trì thường xuyên. Trạm Y tế xã thực hiện khám, tư vấn sức khỏe, khám sức khỏe phục vụ đăng ký nghĩa vụ quân sự và phối hợp triển khai các chương trình y tế

dự phòng. Năm 2026, xã triển khai khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em dưới 6 tuổi, với các nội dung đo chiều cao, cân nặng, đánh giá dinh dưỡng, khám mắt, tai–mũi–họng, răng–hàm–mặt và theo dõi phát triển thể chất, tinh thần; kết quả được cập nhật qua sổ sức khỏe điện tử.

Công tác chăm sóc sức khỏe trẻ em và phòng chống suy dinh dưỡng được chú trọng. Ngày 01/12/2025, các Trạm Y tế trên địa bàn tổ chức uống Vitamin A và cân, đo cho trẻ từ 6–35 tháng tuổi, góp phần phòng thiếu vi chất và theo dõi tình trạng dinh dưỡng trẻ em. Năm 2026, xã tiếp tục tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ dưới 6 tuổi tại các cơ sở mầm non, tăng cường phát hiện sớm các bệnh lý, vấn đề về dinh dưỡng, thị lực và phát triển của trẻ.

Công tác khám sàng lọc và quản lý sức khỏe người trưởng thành cũng được mở rộng. Ngày 04/9/2026, Trạm Y tế xã phối hợp Bệnh viện Mắt Hà Nội và Medlatec tổ chức khám sàng lọc cho gần 100 cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; thực hiện đánh giá thể lực, BMI, khám mắt, tai–mũi–họng, răng–hàm–mặt, tuần hoàn, hô hấp và xét nghiệm đường huyết, cholesterol, triglycerid. Đây là bước triển khai cụ thể theo định hướng khám sức khỏe định kỳ toàn dân trên địa bàn.

Về bảo hiểm y tế, xã đặt mục tiêu đến năm 2030 tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 98%, tạo nền tảng bảo đảm khả năng tiếp cận dịch vụ y tế và an sinh xã hội cho dân cư đô thị. Trong hệ thống an sinh, năm 2026 Hội đồng xác định mức độ khuyết tật xã đã rà soát, thẩm định 31 trường hợp, góp phần bảo đảm các đối tượng yếu thế được hưởng đầy đủ chính sách hỗ trợ.

Công tác chuyển đổi số y tế được triển khai theo hướng quản lý sức khỏe người dân bằng dữ liệu điện tử, gắn khám sức khỏe định kỳ với sổ sức khỏe điện tử. Đây là tiền đề để nâng cao hiệu quả quản lý dân số, theo dõi bệnh tật, tiêm chủng, dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe theo từng nhóm tuổi.

Nhìn chung, mạng lưới y tế cơ sở của Khoái Châu đang được kiện toàn, công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, y tế dự phòng, chăm sóc trẻ em và khám sàng lọc được triển khai ngày càng chủ động. Tuy nhiên, với quy mô gần 50 nghìn dân, xã cần tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, phòng khám, trang thiết bị, nhân lực bác sĩ và điều dưỡng, đồng thời nâng cao năng lực khám chữa bệnh ban đầu và kết nối với bệnh viện tuyến trên. Giai đoạn 2026–2030, cần phấn đấu đạt 98% dân số tham gia BHYT, mở rộng khám sức khỏe định kỳ, hoàn thiện hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân và nâng cao chất lượng Trạm Y tế xã, đáp ứng yêu cầu của một đô thị phát triển.

*c) Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền*

Công tác văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền trên địa bàn xã Khoái Châu được triển khai khá đồng bộ, từng bước đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, rèn luyện thể chất và tiếp cận thông tin của nhân dân, góp phần xây dựng nếp sống văn minh, tăng cường sự gắn kết cộng đồng trong quá trình đô thị hóa. Với quy mô dân số khoảng 49.501 người, xã đã chú trọng tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tuyên truyền chính trị và chuyển đổi số phù hợp với địa bàn sau sắp xếp đơn vị hành chính.

Về văn hóa, văn nghệ: xã chú trọng bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống và xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Năm 2026, xã phối hợp tổ chức lớp truyền dạy nghệ thuật hát Chèo với 40 học viên, gồm các hạt nhân văn nghệ, giáo viên, học sinh và thành viên các câu lạc bộ văn hóa, qua đó góp phần duy trì nghệ thuật truyền thống trong cộng đồng. Công tác xây dựng hương ước, quy ước cộng đồng dân cư cũng được triển khai, gắn với xây dựng nếp sống văn minh và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

Về thể dục, thể thao: phong trào thể thao quần chúng phát triển khá mạnh. Đại hội Thể dục thể thao xã Khoái Châu lần thứ I năm 2026 tổ chức 09 môn thi đấu, gồm bóng đá, bóng bàn, bóng chuyền hơi, cầu lông, kéo co, bơi, pickleball, tennis và điền kinh; lễ khai mạc có trên 1.400 người tham gia diễu hành thuộc 22 khối, các nội dung thi đấu thu hút trên 400 vận động viên. Riêng giải bóng đá nam có 06 đội tham dự. Phong trào thể thao người cao tuổi tiếp tục được duy trì; tháng 8/2026 có 09 đội bóng chuyền hơi với hơn 90 vận động viên, gồm 05 đội nam và 04 đội nữ.

Về thông tin và tuyên truyền: công tác tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, tập trung vào các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế – xã hội, xây dựng chính quyền, phòng chống thiên tai và chuyển đổi số. Năm 2026, xã tổ chức tuyên truyền, tập huấn phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn với sự tham gia của lực lượng chuyên trách và đại diện 07 thôn: Trung Châu, Đông Kết, Lạc Thủy, Bối Khê, Cẩm Khê, Kênh Thượng và Kênh Hạ. Công tác tuyên truyền miệng có chuyển biến tích cực; đại diện xã tham gia Hội thi Báo cáo viên, tuyên truyền viên giỏi tỉnh Hưng Yên năm 2026 và đạt Giải Ba vòng sơ khảo.

Về thông tin và chuyển đổi số: xã từng bước chuyển phương thức tuyên truyền từ trực tiếp sang kết hợp nền tảng số, mã QR và các kênh thông tin điện tử. Trong năm 2026, cuộc khảo sát nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính bằng hình thức quét mã QR đã thu hút 13.692 hộ gia đình, đạt 95,3% tổng số hộ dân, cho thấy mức độ tiếp cận và hưởng ứng khá cao của người dân đối với các phương thức thông tin, tương tác số.

Đánh giá chung: Công tác văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền của xã Khoái Châu có tính cộng đồng cao, hoạt động ngày càng đa dạng; nổi bật là 09 môn thể thao, trên 1.400 người tham gia lễ khai mạc, trên 400 vận động viên, 40 học viên tham gia lớp truyền dạy Chèo và hơn 90 vận động viên người cao tuổi. Tuy nhiên, hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao cần tiếp tục được đầu tư đồng bộ; một số sân chơi, bãi tập, nhà văn hóa và không gian sinh hoạt cộng đồng cần nâng cấp để phù hợp với quy mô dân số gần 50 nghìn người và yêu cầu đô thị hóa.

*d) Công tác chính sách an sinh xã hội:*

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với người có công, người cao tuổi, người có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn. Hiện xã quản lý 760 đối tượng người có công và thân nhân người có công, 2579 đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp thường xuyên. Tổ chức cho 60 người có công đi điều dưỡng tập trung; chi trả tiền thờ cúng cho 676 người, tiền ăn thêm lễ tết cho 05 thương bệnh binh nặng; thẩm tra xác minh, xác định mức độ khuyết tật cho 105 đối tượng khuyết tật; thẩm định và giải quyết kịp thời đối với các hồ sơ hưởng chế độ, chính sách (người có công, người khuyết tật, hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, mai táng, hỏa táng…). Quan tâm thực hiện tốt chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát: 72 hộ; thẩm định và giải quyết kịp thời đối với các hồ sơ hưởng chế độ, chính sách (người có công, người khuyết tật, hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, mai táng, hỏa táng…). Quan tâm thực hiện tốt chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát. Tiếp nhận và cấp phát 47.917 suất quà của Chính phủ nhân dịp 2/9 cho nhân dân. Hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia 61/14.784 hộ; Hộ nghèo cận nghèo 61/14.784 hộ.

Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, chăm lo cho đối tượng người có công luôn được quan tâm triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời. Công tác an sinh xã hội được thực hiện nghiêm túc, kịp thời, thường xuyên đúng đối tượng, tiêu chí, đảm bảo chính sách người có công; hỗ trợ kịp thời các đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng yếu thế,…

Tham mưu cho UBND xã đăng ký mã số thuế; Mã số quan hệ ngân sách; Mở tài khoản giao dịch tại Kho bạc nhà nước để chi trả nguồn kinh phí thực hiện Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng; Phối hợp bộ phận chuyên môn thanh toán các khoản chi hoạt động cụ thể như chi trả cho cán bộ, công chức nhân dịp lễ tết 2/9 theo chế độ quy định.

Phối kết hợp bộ phận chuyên môn và điểm bưu điện Khoái Châu chi trả kịp thời trợ cấp hưu trí xã hội cho đối tượng từ đủ 75 tuổi trở lên chi trợ cấp thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội và Người có công; chi trả trợ cấp và chi hỗ

trợ mai táng khi đối tượng bảo trợ xã hội và người có công từ trần theo các quyết định của UBND xã và của Sở Nội vụ đúng quy định.

*d) Công tác tôn giáo - tín ngưỡng*

Công tác tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn xã Khoái Châu cơ bản ổn định, đúng quy định pháp luật, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tinh thần của nhân dân và góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Sau sắp xếp đơn vị hành chính, xã tiếp tục rà soát, quản lý các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo, đồng thời tăng cường phối hợp với các tổ chức, chức sắc và chức việc trong tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Năm 2026, tại Đại hội Hội Khuyến học xã Khoái Châu lần thứ I có đại diện các cơ sở tôn giáo tham dự cùng lãnh đạo xã, trưởng các thôn, trường học và các tổ chức xã hội, thể hiện sự tham gia của các cơ sở tôn giáo vào hoạt động cộng đồng. Cùng với đó, xã thực hiện sắp xếp 23 thôn thành 14 thôn, giảm 9 thôn, tạo điều kiện tinh gọn tổ chức cộng đồng và nâng cao hiệu quả quản lý các hoạt động tín ngưỡng tại cơ sở.

Các hoạt động tín ngưỡng tại đình, chùa và các công trình thờ tự cơ bản

được duy trì phù hợp truyền thống, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn, văn minh, tiết kiệm, gắn với bảo tồn giá trị văn hóa và xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Công tác tuyên truyền pháp luật, vận động đồng bào có đạo và nhân dân thực hiện nếp sống văn minh được chú trọng, hạn chế mê tín dị đoan và các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo.

Đánh giá chung: Công tác tôn giáo – tín ngưỡng của xã cơ bản ổn định, không phát sinh điểm nóng; các cơ sở tôn giáo tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng. Tuy nhiên, cần tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu quản lý các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo; rà soát đất đai, hồ sơ pháp lý và hiện trạng công trình; bảo tồn, tu bổ các di tích có giá trị, đồng thời tăng cường tuyên truyền pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Giai đoạn 2026–2030, tiếp tục phát huy vai trò của các tổ chức tôn giáo trong hoạt động nhân đạo, khuyến học, bảo vệ môi trường và xây dựng nếp sống văn minh đô thị.

*2.5.2.3. Công tác Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội*

*a) Quốc phòng*

Công tác quốc phòng, quân sự địa phương được quan tâm và tổ chức thực hiện; duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Năm 2025, đã tuyển chọn và giao tân binh đảm bảo đủ chỉ tiêu, đảm bảo chất lượng sau giao quân. đồng thời triển khai Kế hoạch tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa

vụ tham gia Công an nhân dân năm 2026; phúc tra, xét duyệt nguồn sẵn sàng nhập ngũ bảo đảm đủ chỉ tiêu tuyển quân được giao.

Triển khai kế hoạch tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, tham gia nghĩa vụ công an nhân dân năm 2026. Danh sách công dân trong độ tuổi thực hiện NVQS, nghĩa vụ Công an là 1.698 công dân. Danh sách tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ năm 2026 là 819 công dân, danh sách đủ điều kiện gọi nhập ngũ là 879 công dân, Danh sách nam công dân không đủ điều kiện gọi khám sơ tuyển là 149 công dân. Đã phát lệnh khám sơ tuyển 730 công dân. Số nam thanh niên khám tuyển nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ trong lực lượng công an nhân dân ngày 23/11/2025 là 165 nam thanh niên. Thực hiện kiện toàn các đơn vị dân quân của xã và đơn vị dân quân tự vệ theo hướng dẫn; tổ chức thực hiện chính sách hậu phương quân đội, chế độ chính sách đối với dân công hỏa tuyến theo đúng quy định.

*b) An ninh*

Tình hình an ninh nông thôn, an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản ổn định. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 09 của Ban bí thư về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ trong tình hình mới". Xã đã long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống Công an nhân dân Việt Nam (19/8/1945-19/8/2025) và 20 năm Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc (19/8/2005-19/8/2025). Ban hành Kế hoạch xây dựng xã, phường không ma túy giai đoạn 2025-2030 trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.

Công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm vi phạm pháp luật về ma túy: Khởi tố 06 vụ/10 bị can; phát hiện, điều tra làm rõ vụ tàng trữ trái phép chất ma túy, khởi tố 05 vụ/05 bị can; phát hiện, phối hợp với PC04 điều tra làm rõ vụ Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, khởi tố 01 vụ/05 bị can; gây rối trật tự công cộng (xảy ra ngày 07/8/2025 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực Khoái Châu): Công an xã đang tiếp tục xác minh; Tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm: Phát hiện, xử lý vi phạm hành chính 03 vụ/ 03 đối tượng, phạt 1.500.000đ; phối hợp Chi cục Quản lý thị trường khu vực Khoái Châu - Văn Giang điều tra, xử lý 01 vụ/ 01 đối tượng vi phạm về hành vi buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả; phát hiện xử lý 02 vụ tàng trữ hàng cấm liên quan đến sử dụng công nghệ cao: Khởi tố 02 vụ/02 bị can; tiếp nhận tin báo, tổ chức điều tra ban đầu 01 vụ lừa đảo trên không gian mạng, thiệt hại 300.000.000đ, hiện Công an xã đã bàn giao hồ sơ cho PC01 giải quyết theo thẩm quyền; Bắt, vận động 01 đối tượng truy nã do Công an tỉnh Hưng Yên phát lệnh truy nã. Tiếp nhận, điều tra ban đầu 01 vụ gây rối trật tự công cộng và cố ý gây thương tích.

Hiện Công an xã đã bàn giao hồ sơ cho PC01 giải quyết theo thẩm quyền; Công an xã Khoái Châu đã xử phạt 49 trường hợp vi phạm trên lĩnh vực cư trú, phạt 35.950.000đ; từ 01/7/2025 đến 15/11/2025 Công an xã Khoái Châu cấp 5.969 căn cước cho công dân, cấp 4.290 định danh điện tử; Từ ngày 01/7/2025 15/11/2025, Công an xã Khoái Châu đã giải quyết đăng ký thường trú cho 10 hộ = 405 khẩu, đăng ký thường trú lần đầu: 208 nhân khẩu; tách hộ: 09 hộ; điều chỉnh thông tin cư trú: 62 nhân khẩu; xóa đăng ký thường trú: 75 nhân khẩu; Công tác quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ: Được quản lý chặt chẽ; Công tác cấp thẻ đảng viên: Công an xã tập trung cấp thẻ đảng cho các đảng viên trên địa bàn. Kết quả, thu nhận 2.218/2315 đảng viên.

***2.5.3. Hiện trạng dân số, mật độ dân số, đất đai, lao động***

*2.5.3.1. Dân số*

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an xã cung cấp, có quy mô dân số là 49.501 người, trong đó dân số thường trú là 47.728 người và dân số tạm trú là 673 người. Trên địa bàn xã Khoái Châu chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm các xã cũ trước khi sắp xếp, dọc theo các tuyến đường giao thông chính trên địa bàn xã Khoái Châu.

*2.5.3.2. Mật độ dân số*

Mật độ dân số toàn đô thị đạt 1.883 người/km$^2$. Mật độ dân số trên địa bàn thị trấn phân bố không đều, nơi có điều kiện thuận lợi về tiện nghi đô thị, gần các trụ sở các cơ quan trung tâm xã Khoái Châu thì mật độ cao hơn khu vực khác trên địa bàn xã. Các khu vực còn lại có mật độ thấp dần do có diện tích đất nông nghiệp lớn.

*2.5.3.3 Hiện trạng sử dụng đất*

Tổng diện tích tự nhiên toàn xã Khoái Châu năm 2025 là 2.933,44 ha, trong đó: Diện tích đất xây dựng đô thị là 858,48 ha chiếm 29,27% và đất khác 2.074,96 ha chiếm 70,73%. Hiện trạng sử dụng đất xã Khoái Châu, được thể hiện chi tiết trong bảng sau:

*Bảng 2: Thống kê hiện trạng sử dụng trên địa bàn xã Khoái Châu năm 2025*

| TT | Loại đất | Diện tích (ha) | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| | **Diện tích đất tự nhiên** | **2.933,44** | **100,00** |
| **A** | **Đất xây dựng đô thị** | **858,48** | **29,27** |
| ***I*** | ***Đất dân dụng*** | ***538,16*** | ***18,35*** |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 1 | Đất ở | 302,06 | 10,30 |
| 2 | Đất công trình công cộng | 30,01 | 1,02 |
| 3 | Đất cây xanh công cộng | 29,87 | 1,02 |
| 4 | Đất giao thông đối nội | 176,22 | 6,01 |
| ***II*** | ***Đất ngoài dân dụng*** | ***320,32*** | ***10,92*** |
| 1 | Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp | 55,59 | 1,90 |
| 2 | Giao thông đối ngoại | 15,28 | 0,52 |
| 3 | Đất cơ quan, trụ sở | 5,56 | 0,19 |
| 4 | Đất sử dụng mục đích công cộng | 194,19 | 6,62 |
| 5 | Đất cây xanh chuyên dụng, hạn chế | 15,67 | 0,53 |
| 6 | Đất nghĩa trang, nghĩa địa | 20,67 | 0,70 |
| 7 | Đất tôn giáo, tín ngưỡng | 12,22 | 0,42 |
| 8 | An ninh quốc phòng | 1,14 | 0,04 |
| **B** | **Đất khác** | **2.074,96** | **70,73** |
| 1 | Đất nông nghiệp | 2.042,55 | 69,63 |
| 2 | Đất đồi chưa sử dụng | | 0,00 |
| 3 | Đất bằng chưa sử dụng | 0,08 | 0,00 |
| 4 | Đất có mặt nước chuyên dùng | 32,09 | 1,09 |
| 5 | Đất khác | 0,24 | 0,01 |

*Nguồn: UBND xã Khoái Châu.*

*2.5.3.4. Lao động*

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã (từ 15 đến 60 tuổi) là 31.831 người, chiếm 65,00% tổng dân số của xã. Trong đó: tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 27.542 người, chiếm tỷ lệ 86,53% lao động trong độ tuổi.

Về cơ cấu lao động trên địa bàn xã: Lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 5.347 người, chiếm tỷ lệ 19,41%; lao động công nghiệp và xây dựng là 12.300 người, chiếm tỷ lệ 44,66%; lao động thương mại - dịch vụ là 9.895

người, chiếm tỷ lệ 35,93%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 22.195 người, chiếm tỷ lệ 80,59%.

Chất lượng nguồn nhân lực được thể hiện chủ yếu đã qua trình độ học vấn và đặc biệt là trình độ chuyên môn kỹ thuật. Công tác đào tạo nghề đáp ứng yêu cầu của chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo việc làm cho số người trong độ tuổi lao động được quan tâm. Trong những năm tới, cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, cần chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, nhằm nâng cao đời sống của nhân dân và ổn định chính trị, xã hội trên địa bàn xã Khoái Châu.

### *2.5.4. Hiện trạng cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị*

*2.5.4.1. Hiện trạng phát triển công trình hạ tầng xã hội*

*a) Hiện trạng nhà ở*

Xã Khoái Châu được hình thành trên cơ sở sắp xếp thị trấn Khoái Châu, xã Liên Khê, xã Phùng Hưng và xã Đông Kết. Theo số liệu phục vụ sắp xếp tổ chức dân cư năm 2026, xã có 23 thôn, 14.645 hộ gia đình và 49.501 nhân khẩu, là địa bàn có quy mô dân cư lớn, nhu cầu nhà ở và phát triển không gian ở tương đối cao. Quy mô dân số và số hộ lớn, cùng với thu nhập bình quân đạt 92,2 triệu đồng/người/năm và giá trị sản xuất tăng trưởng bình quân khoảng 10,3%/năm, tạo điều kiện để người dân từng bước đầu tư xây dựng mới, cải tạo và nâng cấp nhà ở. Định hướng phát triển của xã đến năm 2030 tiếp tục đặt mục tiêu tăng trưởng giá trị sản xuất trên 10%/năm, thu nhập bình quân đạt 130 triệu đồng/người/năm, qua đó tạo nền tảng nâng cao chất lượng nhà ở và điều kiện sống.

Về hình thái nhà ở, khu vực trung tâm Khoái Châu và dọc các tuyến giao thông chính có xu hướng phát triển nhà ở kiên cố, nhà phố thấp tầng, nhà ở kết hợp kinh doanh dịch vụ; tại các khu dân cư hiện hữu thuộc các thôn, nhà ở chủ yếu là nhà thấp tầng gắn với sân vườn, đất sản xuất và công trình phụ trợ. Quá trình đô thị hóa và triển khai các dự án giao thông, đô thị, thương mại - dịch vụ đang tạo động lực hình thành các khu dân cư mới, từng bước chuyển từ mô hình nhà ở nông thôn sang mô hình nhà ở đô thị.

Công tác quản lý và chuẩn hóa dữ liệu nhà ở đang được tăng cường. Trong năm 2026, xã đã triển khai nhiệm vụ đánh số, gắn biển số nhà và công trình xây dựng, nhằm chuẩn hóa dữ liệu địa chỉ, phục vụ quản lý dân cư, đất đai và phát triển đô thị. Đồng thời, việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai và quản lý xây dựng là cơ sở quan trọng để kiểm soát việc hình thành các khu ở mới, hạn chế xây dựng tự phát.



*Hình 2: Hiện trạng về công trình nhà ở trên địa bàn xã Khoái Châu*

Tuy nhiên, chất lượng và hình thức nhà ở giữa các khu vực còn chưa đồng đều; một số khu dân cư cũ còn tồn tại nhà ở có tuổi thọ cao, hạ tầng kỹ thuật và không gian công cộng chưa đồng bộ. Việc phát triển nhà ở dọc các tuyến giao thông mới cũng đặt ra yêu cầu kiểm soát chặt chẽ về chỉ giới xây dựng, mật độ, tầng cao, kiến trúc, khoảng lùi và phòng cháy chữa cháy. Trong bối cảnh xã đang triển khai nhiều dự án hạ tầng, đô thị và du lịch quy mô lớn, nhu cầu về nhà ở mới và nhà ở chất lượng cao dự kiến tiếp tục tăng. Năm 2026, xã đang theo dõi, triển khai 18 dự án trọng điểm, trong đó có các dự án đường kết nối di sản và Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái và sân golf Khoái Châu.

Đánh giá chung: Hiện trạng nhà ở xã Khoái Châu cơ bản đáp ứng nhu cầu cư trú của khoảng 14,6 nghìn hộ dân, đang chuyển biến theo hướng kiên cố hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa. Trong giai đoạn tới cần ưu tiên cải tạo các khu dân cư hiện hữu; phát triển các khu ở mới đồng bộ hạ tầng; kiểm soát phát triển nhà ở theo quy hoạch; khuyến khích nhà ở xanh, tiết kiệm năng lượng; đồng thời bổ sung, cập nhật đầy đủ các chỉ tiêu tổng diện tích sàn nhà ở, diện tích nhà ở bình quân đầu người, tỷ lệ nhà kiên cố và tỷ lệ nhà ở xuống cấp để hoàn thiện việc đánh giá tiêu chí nhà ở đô thị.

*b) Cơ quan hành chính*

Về hệ thống trụ sở hành chính: Trụ sở UBND xã Khoái Châu hiện là đầu mối làm việc và cung cấp dịch vụ hành chính công cho toàn xã; đồng thời là địa điểm tổ chức các hoạt động của HĐND, UBND và các cơ quan, ban, ngành của xã. Việc niêm yết các thông tin hành chính, danh sách cử tri và các nội dung lấy ý kiến nhân dân đều được thực hiện tại trụ sở UBND xã, cho thấy công trình đang giữ vai trò

trung tâm hành chính của đơn vị hành chính mới.

Về khả năng đáp ứng, trụ sở hiện hữu có vị trí thuận lợi, nằm tại khu vực trung tâm, có điều kiện tiếp cận tương đối thuận tiện đối với người dân từ các khu vực thuộc thị trấn Khoái Châu, Liên Khê, Phùng Hưng và Đông Kết trước đây. Trong năm 2026, trụ sở tiếp tục được sử dụng thường xuyên cho các hoạt động của HĐND, UBND và các cơ quan chuyên môn; HĐND xã đã tổ chức kỳ họp tại hội trường HĐND - UBND xã.



*Hình 3: Trụ sở Đảng ủy xã*




*Hình 4: Công an xã Khoái Châu*

Tuy nhiên, sau sắp xếp đơn vị hành chính, quy mô phục vụ tăng lên gần 49 nghìn dân, đặt ra yêu cầu tiếp tục rà soát diện tích đất, diện tích sàn làm việc, số phòng làm việc, phòng họp, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, khu vực tiếp công dân, kho lưu trữ, khuôn viên cây xanh và bãi đỗ xe. Các chỉ tiêu diện tích đất và diện tích sàn cần được đối chiếu với hồ sơ tài sản công, hồ sơ địa chính và hiện trạng công trình để đánh giá chính xác mức độ đáp ứng tiêu chuẩn.



*Hình 5: Trụ sở UBND xã Khoái Châu*



*Hình 6: BCH quân sự xã Khoái Châu*

Đánh giá chung: Hệ thống trụ sở cơ quan hành chính xã Khoái Châu cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động hiện nay, có vị trí trung tâm và đang được khai thác ổn định. Giai đoạn 2026–2030 cần tiếp tục cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, hiện đại hóa bộ phận một cửa, tăng cường hạ tầng công nghệ thông tin, bố trí đủ diện tích làm việc và bãi đỗ xe, đồng thời nghiên cứu hoàn thiện khu hành chính tập

trung theo hướng hiện đại, đồng bộ, phù hợp với quá trình phát triển xã Khoái Châu theo định hướng thành lập phường.

*c) Công trình Y tế*

Hệ thống công trình y tế trên địa bàn xã Khoái Châu cơ bản đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu của người dân và có vai trò quan trọng trong mạng lưới hạ tầng xã hội của khu vực. Sau sắp xếp đơn vị hành chính, mạng lưới y tế được tổ chức trên cơ sở các cơ sở y tế của thị trấn Khoái Châu, xã Liên Khê, xã Phùng Hưng và xã Đông Kết trước đây.

*Bảng 3: Tổng hợp thống kê các công trình y tế trên địa bàn xã Khoái Châu*

| TT | Cơ sở Y tế | Diện tích ($m^2$) | Địa điểm |
|---|---|---|---|
| | **Tổng số** | **12.605** | |
| 1 | Trạm y tế Phùng Hưng cũ | 1.250 | thôn Kim Quan, xã Khoái Châu |
| 2 | Trạm y tế Đông Kết cũ | 3.397 | thôn Đông Kết, xã Khoái Châu |
| 3 | Trạm y tế xã Liên Khê cũ | 2.976 | thôn Cẩm Khê, xã Khoái Châu |
| 4 | Trạm y tế Khoái Châu cũ | 2.913 | thôn Thông Quan Thượng, xã Khoái Châu |
| 5 | Trạm y tế xã Bình Kiều cũ | 2.069 | thôn An Cảnh, xã Khoái Châu |

*Nguồn: UBND xã Khoái Châu*

Trên địa bàn hiện có 04 trạm y tế thuộc các đơn vị cũ, gồm: Trạm Y tế Phùng Hưng, Trạm Y tế Đông Kết, Trạm Y tế Liên Khê và Trạm Y tế Khoái Châu. Tổng quy mô các cơ sở đạt 20 phòng, 41 giường bệnh, với tổng diện tích đất khoảng 10.536 $m^2$. Trong đó, Trạm Y tế Phùng Hưng có 6 phòng, 9 giường, diện tích 1.250 $m^2$; Trạm Y tế Đông Kết có 6 phòng, 8 giường, diện tích 3.397 $m^2$; Trạm Y tế Liên Khê có 4 phòng, 7 giường, diện tích 2.976 $m^2$; Trạm Y tế Khoái Châu có 4 phòng, 17 giường, diện tích 2.913 $m^2$.

Ngoài mạng lưới y tế cơ sở, Bệnh viện Đa khoa Khoái Châu là cơ sở khám chữa bệnh quan trọng trên địa bàn, thực hiện cấp cứu, khám chữa bệnh và các nhiệm vụ chuyên môn theo phân cấp. Theo định hướng phát triển của tỉnh, Bệnh viện Đa khoa Khoái Châu được định hướng đạt 300 giường bệnh vào năm 2030, góp phần nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ y tế cho Khoái Châu và khu vực lân cận.

Công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng được duy trì thường xuyên. Năm 2026, Trạm Y tế xã triển khai khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em dưới 6 tuổi, theo dõi chiều cao, cân nặng, dinh dưỡng, mắt, tai - mũi - họng, răng - hàm - mặt và quản lý thông tin trên sổ sức khỏe điện tử. Trạm cũng phối hợp tổ

chức khám sàng lọc cho gần 100 cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, đồng thời thực hiện các hoạt động quản lý sức khỏe, phòng chống bệnh tật và chính sách đối với người khuyết tật. Công tác chuyển đổi số y tế được đẩy mạnh, trong đó xã triển khai chuẩn hóa dữ liệu của 12 cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế.







*Hình 7: Trạm y tế xã và Bệnh viện đa khoa Khoái Châu*

Tuy nhiên, các cơ sở y tế được hình thành từ các đơn vị hành chính cũ có quy mô và điều kiện cơ sở vật chất khác nhau; một số cơ sở cần tiếp tục được cải tạo, nâng cấp và bổ sung trang thiết bị để đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh trong điều kiện dân số xã tương đối lớn và tốc độ đô thị hóa ngày càng cao. Cần tiếp tục rà soát diện tích xây dựng, diện tích sàn, phòng chức năng, trang thiết bị, nhân lực và khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của từng cơ sở.

Đánh giá chung: Hệ thống công trình y tế xã Khoái Châu cơ bản đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân, có mạng lưới 04 trạm y tế với 41 giường, 10.536 m² đất, đồng thời có Bệnh viện Đa khoa Khoái Châu hỗ trợ khám chữa bệnh chuyên sâu. Trong giai đoạn 2026–2030 cần ưu tiên cải tạo, nâng cấp các trạm y tế, bổ sung trang thiết bị, tăng cường nhân lực, đẩy mạnh chuyển đổi số và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, bảo đảm đáp ứng yêu cầu hạ tầng xã hội của đô thị Khoái Châu trong quá trình phát triển.

*d) Công trình giáo dục*

*Bảng 4: Tổng hợp thống kê các công trình giáo dục & đào tạo xã Khoái Châu*

| TT | Tên công trình | Diện tích đất (m2) |
|---|---|---|
| **I** | **Trường THCS** | **41.371** |
| 1 | Trường THCS thị trấn Khoái Châu | 2.802,0 |
| 2 | Trường THCS xã Đông Kết | 18.246,0 |
| 3 | Trường THCS Phùng Hưng | 10.020,0 |
| 4 | Trường THCS Nguyễn Thiện Thuật | 10.303,0 |

| | | |
|---|---|---|
| **II** | **Trường Tiểu học** | **79.403** |
| 1 | Trường Tiểu học thị trấn Khoái Châu | 9.126,0 |
| 2 | Trường TH&THCS Bình Kiều (trường Tiểu học Bình Kiều cũ) | 3.900,0 |
| 3 | Trường TH&THCS Bình Kiều (trường THCS Bình Kiều cũ) | 3.800,0 |
| 4 | Trường Tiểu học xã Đông Kết | 8.135,0 |
| **5** | Trường Tiểu học xã Phùng Hưng | 11.166,0 |
| **III** | **Trường Mầm non** | **21.638** |
| **1** | Trường MN thị trấn Khoái Châu | 3.452,0 |
| 2 | Trường Mầm non Bình Kiều | 3.637,0 |
| 3 | Trường Mầm non xã Đông Kết (điểm trường thôn Trung Châu) | 1.619,0 |
| 4 | Trường Mầm non xã Đông Kết (điểm trung tâm) | 2.603,7 |
| 5 | Trường Mầm non xã Đông Kết (điểm trường Lạc Thủy) | 2.500,0 |
| 6 | Trường Mầm non xã Liên Khê (điểm trường Cẩm Bối) | 5.956,1 |
| 7 | Trường Mầm non xã Liên Khê (điểm trường Kênh Hạ) | 414,3 |
| 8 | Trường mầm non xã Phùng Hưng | 1.456,0 |
| **IV** | **Trường THPT, Cao đẳng, chuyên nghiệp** | **54.542** |
| 1 | Trường GDNN-GDTX Triệu Việt Vương | 5.542 |
| 2 | THPT Khoái Châu | 16.000 |
| 3 | THPT Nguyễn Siêu | 25.000 |
| 4 | THPT Phùng Hưng | 8.000 |

*Nguồn: Phòng Văn hóa – Xã hội xã Khoái Châu*

Hệ thống công trình giáo dục trên địa bàn xã Khoái Châu được phân bố tương đối rộng, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân. Theo số liệu rà soát hiện trạng, toàn xã có 17 cơ sở/địa điểm giáo dục, gồm 04 trường THCS, 05 cơ sở/địa điểm tiểu học và 08 cơ sở/điểm trường mầm non, với tổng diện tích đất khoảng 97.135,1 m² (9,71 ha). Quỹ đất giáo dục tương đối lớn, tạo điều kiện duy trì hoạt động giáo dục và đầu tư mở rộng, nâng cấp cơ sở vật chất theo yêu cầu phát triển đô thị.

Cụ thể, nhóm THCS có 04 cơ sở, tổng diện tích đất 41.371 m², trong đó THCS thị trấn Khoái Châu cũ 2.802 m², THCS Đông Kết 18.246 m², THCS Phùng Hưng 10.020 m² và THCS Nguyễn Thiện Thuật 10.303 m². Nhóm tiểu học có 05 cơ sở/địa điểm, tổng diện tích 36.127 m², gồm Tiểu học thị trấn Khoái Châu 9.126 m², Tiểu học Bình Kiều cơ sở 1 và cơ sở 2 lần lượt 3.900 m² và 3.800 m², Tiểu học Đông Kết 8.135 m² và Tiểu học Phùng Hưng 11.166 m². Nhóm mầm non có 08 cơ sở/điểm trường, tổng diện tích 19.637,1 m², phân bố tại các khu dân cư Thượng, Bình Kiều, Trung Châu, Đông Kết, Lạc Thủy, Cẩm Bối, Kênh Hạ và Thị Tứ.

Mạng lưới trường học cơ bản bảo đảm khả năng tiếp cận giáo dục của người dân trên địa bàn. Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, hệ thống giáo dục đang được tổ chức theo hướng tinh gọn đầu mối, sử dụng hiệu quả quỹ đất và cơ sở vật chất, đồng thời từng bước nâng cao chất lượng dạy và học. Năm học 2025–2026, Trường THCS Nguyễn Thiện Thuật đạt Giải Nhất cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh, thể hiện chất lượng giáo dục và phong trào đổi mới sáng tạo của địa phương.




*Hình 8: Một số cơ sở trường Mầm Non trên địa bàn xã Khoái Châu*




*Hình 9: Trường tiểu học trên địa bàn xã Khoái Châu*

Bên cạnh những kết quả đạt được, mạng lưới giáo dục vẫn còn một số hạn chế: số lượng điểm trường tương đối nhiều, quy mô và diện tích giữa các cơ sở không đồng đều; một số điểm trường có diện tích nhỏ, điển hình điểm trường Mầm non Kênh Hạ chỉ 414,3 m², cần tiếp tục rà soát khả năng đáp ứng về sân chơi, công trình phụ trợ và không gian hoạt động. Số liệu hiện trạng cũng chưa đầy đủ về diện tích xây dựng, số phòng học, số học sinh, diện tích sân chơi - bãi tập và mức độ kiên cố hóa, do đó cần tiếp tục cập nhật để đánh giá toàn diện theo các tiêu chuẩn đô thị.

Đánh giá chung: Hệ thống công trình giáo dục xã Khoái Châu cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập, có 17 cơ sở/địa điểm với khoảng 9,71 ha đất giáo dục, phân bố tại các khu dân cư. Giai đoạn 2026–2030 cần tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới trường lớp; cải tạo, nâng cấp các cơ sở xuống cấp; ưu tiên các điểm

trường có quỹ đất hạn chế; bổ sung phòng học bộ môn, thư viện, sân chơi, bãi tập và công trình phụ trợ; đồng thời bảo đảm quỹ đất giáo dục theo quy hoạch, hướng tới xây dựng hệ thống giáo dục đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị Khoái Châu.




*Hình 10: Trường trung học cơ sở Khoái Châu*




*Hình 11: Một số hình ảnh trường THPT Khoái Châu*

*e) Công trình văn hóa - thể dục thể thao*

Hệ thống công trình văn hóa – thể dục thể thao trên địa bàn xã Khoái Châu được hình thành từ hệ thống thiết chế của thị trấn Khoái Châu và các xã trước khi sắp xếp đơn vị hành chính, cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, bảo tồn giá trị lịch sử – văn hóa, vui chơi, giải trí và rèn luyện thể chất của nhân dân.



*Hình 12: Một số công trình di tích văn hóa trên địa bàn xã Khoái Châu*

Theo số liệu rà soát hiện trạng, trên địa bàn có 10 công trình/cụm di tích lịch sử – văn hóa có giá trị được xếp hạng, gồm: Đình Vinh Quang, Đền Thông Quan Hạ, Chùa Lạc Thủy, Đền Hậu, Đình Tiểu Quan, Cụm di tích Đền – Chùa – Miếu Tiểu Quan, Đình Ngọc Nha Thượng, Miếu Dạ Trạch (Đền Chúa Tiên Dung), Cụm di tích Đình – Chùa Bối Khê và Đình Phú Hòa. Đây là nguồn tài nguyên quan trọng để bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương, giáo dục truyền thống và phát triển du lịch văn hóa – tâm linh.

*Bảng 5: Thống kê các công trình di tích được xếp hạng xã Khoái Châu*

| TT | Tên di tích lịch sử, văn hóa | Địa điểm | Danh hiệu | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Cấp quốc gia đặc biệt | Cấp tỉnh | Cấp quốc gia |
| 1 | Đình Vinh Quang | xã Khoái Châu | | X | |
| 2 | Đền Thông Quan Hạ | xã Khoái Châu | | | X |
| 3 | Chùa Lạc Thuỷ | xã Khoái Châu | | | X |
| 4 | Đền Hậu | xã Khoái Châu | | | X |
| 5 | Đình Tiểu Quan | xã Khoái Châu | | X | |
| 6 | Cụm di tích Đền, Chùa, Miếu Tiểu Quan | xã Khoái Châu | | X | |
| 7 | Đình Ngọc Nha Thượng | xã Khoái Châu | | | X |
| 8 | Miếu Dạ Trạch (Đền chúa Tiên Dung) | xã Khoái Châu | | X | |
| 9 | Cụm di tích Đình, Chùa Bối Khê | xã Khoái Châu | | | X |
| 10 | Đình Phú Hoà | xã Khoái Châu | | X | |

*Nguồn: UBND xã Khoái Châu*

Về thiết chế văn hóa cơ sở, số liệu rà soát cho thấy có 15 nhà văn hóa thôn/khu dân cư, với tổng diện tích đất theo bảng thống kê khoảng 24.110 m² (2,41 ha). Quy mô các nhà văn hóa khá đa dạng, trong đó Nhà văn hóa thôn Ninh Vũ có diện tích 10.841 m², Nhà văn hóa thôn Thị Tứ 1.901 m², Bình Kiều 2.589 m², Ngọc Nha Hạ 2.740 m²; các nhà văn hóa còn lại có quy mô từ khoảng 255–1.254 m². Các công trình được sử dụng làm địa điểm hội họp, sinh hoạt cộng đồng, tổ chức văn hóa, văn nghệ, tuyên truyền và các hoạt động xã hội. Chẳng hạn, Nhà văn hóa thôn Đông Kết được sử dụng tổ chức lớp truyền dạy nghệ thuật hát Chèo năm 2026 với 40 học viên, góp phần bảo tồn và phát huy nghệ thuật truyền thống.




*Hình 13: Một số công trình văn hóa trên địa bàn xã Khoái Châu*

Hoạt động thể dục thể thao quần chúng phát triển khá mạnh. Năm 2026, xã tổ chức Đại hội Thể dục thể thao lần thứ I với 09 môn thi đấu, thu hút trên 400 vận động viên; lễ khai mạc có trên 1.400 người thuộc 22 khối tham gia diễu hành. Riêng giải bóng đá nam có 06 đội tham dự; giải bóng chuyền hơi người cao tuổi có 09 đội với trên 90 vận động viên. Những kết quả này cho thấy nhu cầu sử dụng sân bãi, nhà tập luyện và không gian thể thao công cộng trên địa bàn ngày càng lớn.




*Hình 14: Các công trình thể dục thể thao trên địa bàn xã Khoái Châu*

Bên cạnh kết quả đạt được, hệ thống công trình văn hóa – thể thao còn phân tán, quy mô và chất lượng giữa các khu vực chưa đồng đều, một số công trình cần tiếp tục cải tạo, bổ sung trang thiết bị và không gian hoạt động. Số liệu về sân vận động, sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân chơi và các điểm tập luyện TDTT cần tiếp tục được rà soát thống nhất về số lượng, diện tích đất, diện tích xây dựng và bán kính phục vụ để phục vụ đánh giá tiêu chí đô thị.

Trong giai đoạn 2026–2030, xã cần ưu tiên bảo tồn, tu bổ các di tích có giá trị; nâng cấp 15 nhà văn hóa hiện có; bổ sung sân chơi, sân tập luyện TDTT và thiết bị thể thao ngoài trời; hình thành cụm công trình văn hóa – thể thao tại khu vực trung tâm xã, đồng thời dành quỹ đất cho các công trình văn hóa, thể thao

trong các khu đô thị và khu dân cư mới. Việc đầu tư cần gắn với cây xanh, quảng trường và không gian công cộng, tạo mạng lưới thiết chế văn hóa – thể thao đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển xã Khoái Châu theo hướng đô thị văn minh, hiện đại và từng bước hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại III.

*f) Công trình thương mại dịch vụ*

Hệ thống công trình thương mại – dịch vụ trên địa bàn xã Khoái Châu được hình thành tương đối đa dạng, tập trung chủ yếu tại khu vực trung tâm xã, các tuyến giao thông chính và các khu dân cư đông đúc. Các loại hình gồm chợ dân sinh, điểm kinh doanh hàng hóa, cửa hàng bán lẻ, dịch vụ ăn uống, dịch vụ tài chính – ngân hàng, điện máy, dịch vụ vận tải, y tế, giáo dục và các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống. Một số điểm thương mại hiện hữu tiêu biểu có Chợ Phủ, Chợ Tiểu Quan, Chợ Nông sản Khoái Châu và các cơ sở bán lẻ, dịch vụ tại khu vực trung tâm Khoái Châu. Chợ Phủ Chợ tiểu quan Chợ Nông Sản Khoái Châu.




*Hình 15: Các công trình thương mại dịch vụ trên địa bàn xã Khoái Châu*

Khu vực thương mại – dịch vụ có vai trò ngày càng quan trọng trong cơ cấu kinh tế địa phương. Năm 2025, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ chiếm khoảng 83% cơ cấu kinh tế xã Khoái Châu; GRDP tăng 10,3%, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt khoảng 661,3 tỷ đồng, thu nhập bình quân đầu người đạt 92,2 triệu đồng/người/năm. Đây là nền tảng thuận lợi để mở rộng hệ thống thương mại, dịch vụ theo hướng đô thị.

Trên thực tế, hệ thống bán lẻ hiện đã xuất hiện nhiều loại hình dịch vụ hiện đại hơn bên cạnh chợ truyền thống, như điện máy, điện thoại, hàng tiêu dùng và các dịch vụ chuyên ngành. Khu vực trung tâm có Siêu thị Điện máy XANH; tại khu vực Dân Tiến có Siêu thị Thế Giới Di Động. Sự hiện diện của các loại hình bán lẻ hiện đại cho thấy thị trường tiêu dùng của khu vực đang chuyển dần từ mô hình kinh doanh nhỏ lẻ sang mô hình phân phối đa dạng hơn.

Hoạt động thương mại – dịch vụ của Khoái Châu còn được hỗ trợ bởi hệ thống giao thông và các dự án đô thị, dịch vụ đang triển khai. Đặc biệt, các dự

án đường kết nối di sản xã Khoái Châu, các tuyến ĐT.377, ĐT.383, ĐT.384 và Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái và sân golf Khoái Châu sẽ tạo thêm không gian phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, lưu trú, ăn uống và các dịch vụ hỗ trợ. Cùng với đó, định hướng phát triển đô thị Khoái Châu theo hướng trung tâm dịch vụ, thương mại, du lịch và nông nghiệp chất lượng cao tạo điều kiện hình thành các trung tâm thương mại – dịch vụ quy mô lớn hơn.

*Bảng 6: Tổng hợp thống kê các tuyến đường trên địa bàn xã Khoái Châu*

| TT | Tên đường | Bề rộng phần xe chạy (m) | Lộ giới đường (m) | Chiều dài (km) | Diện tích đất giao thông (m2) |
|---|---|---|---|---|---|
| | **Tổng cộng** | | | **51,70** | **1.681.325** |
| **I** | **Đường tỉnh** | | | **37,20** | **1.605.200** |
| 1 | Đường ĐT.383 - Xã Khoái Châu | 7,0 | 2x23 | 5,10 | 234.600 |
| 2 | Đường ĐT.377 - xã Khoái Châu | 7,0 | 2x33 | 5,00 | 330.000 |
| 3 | Đường ĐT.377 mới - Xã Khoái Châu | 10,5 | 2x20 | 2,90 | 116.000 |
| 4 | Đường ĐT.384 - Xã Khoái Châu | 7 | 2x23 | 4,80 | 220.800 |
| 5 | Đường ĐT.384B - Xã Khoái Châu | 24 | 2x35 | 3,70 | 259.000 |
| 6 | Đường ĐT.378 - Xã Khoái Châu | 7,5 | Hành lang đê | 4,80 | 76.800 |
| 7 | Đường ĐH.54 - xã Khoái Châu | 7 | 2x16 | 0,40 | 32.000 |
| 8 | Đường ĐH.58 - xã Khoái Châu | 5,5 | 2x16 | 7,00 | 224.000 |
| 9 | Đường ĐH.59 - xã Khoái Châu | 5,5 | 2x16 | 3,50 | 112.000 |
| **II** | **Đường trục xã** | | | **14,50** | **76.125** |
| | Các tuyến đường xã | 3,5-7 | | 14,50 | 76.125 |

*Nguồn: UBND xã Khoái Châu*

Tuy nhiên, hệ thống công trình thương mại – dịch vụ hiện nay vẫn chưa thật sự đồng bộ về quy mô và cấp độ phục vụ; hoạt động thương mại còn dựa nhiều vào chợ truyền thống và các cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ, chưa hình thành rõ các trung tâm thương mại, siêu thị tổng hợp, trung tâm logistics và các tổ hợp dịch vụ đô thị quy mô lớn. Không gian kinh doanh tại một số khu vực còn xen cài trong khu dân cư, thiếu bãi đỗ xe và không gian giao nhận hàng hóa, tiềm ẩn nguy cơ ùn tắc và mất trật tự đô thị.

Định hướng giai đoạn 2026–2030: ưu tiên cải tạo, nâng cấp các chợ hiện hữu theo hướng văn minh thương mại, an toàn thực phẩm và phòng cháy chữa cháy; hình thành các cụm thương mại – dịch vụ tập trung tại khu vực trung tâm xã và dọc các trục giao thông chính; bổ sung siêu thị, cửa hàng tiện ích, dịch vụ tài chính – ngân hàng, logistics, lưu trú, ăn uống và vui chơi giải trí; dành quỹ đất thương mại – dịch vụ trong các khu đô thị, khu dân cư mới; phát triển thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và dịch vụ phục vụ du lịch. Theo định hướng của tỉnh, giai đoạn 2026–2030 phấn đấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng bình quân 13%/năm, là cơ sở để Khoái Châu tiếp tục nâng cao chất lượng hệ thống công trình thương mại – dịch vụ.

Qua đánh giá các Công trình thương mại – dịch vụ của xã Khoái Châu đã có mạng lưới tương đối đa dạng, đáp ứng cơ bản nhu cầu mua bán và dịch vụ thiết yếu của người dân; đồng thời có nhiều điều kiện để phát triển thành trung tâm thương mại – dịch vụ của khu vực Khoái Châu. Trong thời gian tới cần ưu tiên phát triển các công trình thương mại – dịch vụ tập trung, hiện đại, kết hợp du lịch, logistics và dịch vụ đô thị, qua đó nâng cao chất lượng phục vụ và đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị theo hướng hiện đại.

*2.5.4.2 Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật đô thị*

*a) Giao thông*

Hệ thống giao thông trên địa bàn xã Khoái Châu được đầu tư tương đối đồng bộ. Theo số liệu rà soát, tổng chiều dài mạng lưới đường được thống kê khoảng 243,70 km, trong đó 37,20 km đường tỉnh, đường huyện; 14,50 km đường trục xã và 192,00 km đường trục thôn. Mạng lưới đường thôn chiếm tỷ trọng lớn, khoảng 78,8% tổng chiều dài, bảo đảm khả năng tiếp cận tương đối rộng đến các khu dân cư. Tổng diện tích đất giao thông đã xác định đạt khoảng 2.564.525 m², tương đương 256,45 ha.

Trong hệ thống giao thông đối ngoại, các tuyến đường tỉnh giữ vai trò quan trọng trong kết nối xã Khoái Châu với mạng lưới giao thông khu vực. Cụ thể, ĐT.383 dài 5,10 km; ĐT.377 dài 5,00 km; ĐT.377 mới dài 2,90 km; ĐT.384 dài 4,80 km; ĐT.384B dài 3,70 km và ĐT.378 dài 4,80 km. Đặc biệt, ĐT.384B có bề rộng phần xe chạy khoảng 24 m, lộ giới 35 m, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức giao thông và phát triển các hoạt động đô thị dọc tuyến. Các tuyến ĐH.54, ĐH.58 và ĐH.59 có tổng chiều dài 10,90 km, góp phần tăng cường liên kết giữa khu vực trung tâm với các khu dân cư và mạng lưới đường liên xã.

Về đường trục xã, tổng chiều dài khoảng 14,50 km, bề rộng phần xe chạy phổ biến 3,5–7,0 m, diện tích đất giao thông khoảng 76.125 m². Đường trục thôn có tổng chiều dài khoảng 192,00 km, bề rộng phần xe chạy từ 3–7 m, diện tích

đất giao thông khoảng 960.000 m². Mạng lưới đường thôn có phạm vi phục vụ rộng, cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của người dân; tuy nhiên một số tuyến có mặt cắt nhỏ, cần tiếp tục nâng cấp để đáp ứng yêu cầu gia tăng lưu lượng giao thông trong quá trình đô thị hóa.



*Hình 16: Đường tỉnh 383*




*Hình 17: Đường tỉnh 384*

Nhìn chung, hệ thống giao thông xã Khoái Châu có quy mô mạng lưới lớn, tính liên kết tương đối tốt và cơ cấu cấp đường khá đa dạng. Các tuyến ĐT.377, ĐT.377 mới, ĐT.383, ĐT.384, ĐT.384B và các tuyến đường huyện tạo khung giao thông chính, kết nối với mạng lưới giao thông liên vùng; trong khi hệ thống đường xã, đường thôn bảo đảm tiếp cận đến các khu dân cư. Đây là điều kiện thuận lợi để hình thành các trục phát triển đô thị, thương mại – dịch vụ và các khu chức năng mới.

Tuy nhiên, chất lượng và quy mô mặt cắt giữa các tuyến chưa đồng đều, đặc biệt đối với đường trục thôn; một số tuyến cần được mở rộng, cải tạo nền – mặt đường và hoàn chỉnh các nút giao. Trong giai đoạn 2026–2030 cần ưu tiên hoàn thiện các tuyến giao thông đối ngoại và các tuyến kết nối khu đô thị, khu dịch vụ; đồng thời nâng cấp đường trục xã, đường thôn theo quy hoạch, bảo đảm đồng bộ về mặt cắt, an toàn giao thông và khả năng kết nối. Qua đó hình thành mạng lưới giao thông đô thị đồng bộ, liên thông và có năng lực phục vụ phù hợp với quá trình phát triển xã Khoái Châu theo hướng đô thị hiện đại.

Về giao thông nội bộ, mạng lưới đường xã, đường thôn và đường khu dân cư tương đối rộng khắp, bảo đảm khả năng tiếp cận tới các khu dân cư hiện hữu, trường học, trụ sở hành chính, cơ sở y tế, công trình văn hóa – thể thao và các khu vực sản xuất. Nhiều tuyến đường đã được cứng hóa, góp phần nâng cao khả năng lưu thông quanh năm. Tuy nhiên, do mạng lưới được hình thành qua nhiều giai đoạn và kế thừa từ các đơn vị hành chính cũ nên quy mô mặt cắt, chất lượng mặt đường, hệ thống thoát nước, chiếu sáng và tổ chức giao thông chưa đồng đều giữa các khu vực.



*Hình 18: Một số tuyến giao thông trên địa bàn xã Khoái Châu*

*b) Hiện trạng thoát nước mưa*

Hệ thống thoát nước mưa trên địa bàn xã Khoái Châu được hình thành gắn với mạng lưới giao thông và khu dân cư hiện hữu, bao gồm các tuyến cống, rãnh thoát nước dọc đường và hệ thống tiêu thoát tự nhiên ra kênh, mương, ao hồ và các vùng trũng. Với đặc điểm địa hình đồng bằng, mật độ dân cư tương đối cao và quá trình đô thị hóa đang diễn ra, hệ thống thoát nước mưa có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm an toàn cho khu dân cư, giao thông và các khu vực sản xuất.

Theo số liệu rà soát, tổng chiều dài đường ống thoát nước chính phục vụ thoát nước mưa và nước thải khoảng 256,90 km, trong đó phần thoát nước gắn với các tuyến đường tỉnh, đường huyện khoảng 50,40 km, đường trục xã 14,50 km và đường trục thôn 192,00 km. Mạng lưới thoát nước phân bố khá rộng theo hệ thống giao thông, cơ bản phục vụ các khu vực dân cư hiện hữu và các tuyến đường chính.

Trong khu vực các tuyến đường tỉnh, hệ thống thoát nước đã được bố trí tương đối rõ trên các tuyến ĐT.383, ĐT.377, ĐT.377 mới, ĐT.384, ĐT.384B, ĐH.54 và ĐH.59. Tổng chiều dài đường ống thoát nước được thống kê trên các tuyến này khoảng 50,40 km. Đối với khu vực dân cư, đường trục xã có khoảng 14,50 km hệ thống thoát nước; đường trục thôn có khoảng 192,00 km, góp phần

thu gom nước mặt từ các khu dân cư và khu vực sản xuất về hệ thống tiêu thoát chung.

Nhìn chung, hệ thống thoát nước mưa của xã đã được hình thành trên phạm vi tương đối rộng và có sự gắn kết với mạng lưới giao thông. Tuy nhiên, do phần lớn hệ thống được hình thành qua nhiều giai đoạn, quy mô và chất lượng cống, rãnh giữa các khu vực chưa đồng đều. Tại các khu dân cư cũ, một số tuyến thoát nước có tiết diện nhỏ, khả năng tiêu thoát hạn chế; hệ thống thoát nước ở một số tuyến đường thôn còn phụ thuộc nhiều vào rãnh hở và hệ thống tiêu tự nhiên. Khi xảy ra mưa lớn kéo dài, nguy cơ úng cục bộ có thể xuất hiện tại các khu vực thấp trũng, khu dân cư tập trung và các vị trí có hệ thống tiêu thoát chưa đồng bộ.

Bên cạnh đó, quá trình đô thị hóa, gia tăng diện tích xây dựng và bê tông hóa bề mặt làm tăng lượng nước mưa chảy tràn, trong khi một số khu vực chưa có hệ thống cống kín đồng bộ. Việc kết nối giữa hệ thống thoát nước trong khu dân cư với kênh, mương tiêu khu vực cần tiếp tục được rà soát để bảo đảm khả năng tiêu thoát theo lưu vực, hạn chế tình trạng thoát nước không đồng bộ giữa các khu vực.

Trong giai đoạn 2026–2030, cần rà soát tổng thể hệ thống thoát nước theo từng lưu vực tiêu; ưu tiên cải tạo, nâng cấp các tuyến cống, rãnh tại khu vực trung tâm và các điểm thường xuyên có nguy cơ úng ngập; hoàn thiện hệ thống cống thoát nước trên các tuyến đường được nâng cấp, mở mới và các khu đô thị, khu dân cư mới. Đồng thời, cần duy trì và nâng cấp hệ thống kênh, mương tiêu hiện hữu, kiểm soát việc san lấp ao hồ, mặt nước tự nhiên và dành quỹ đất cho hồ điều hòa, không gian trữ nước tại các khu vực phát triển đô thị.

Đánh giá chung: Hệ thống thoát nước mưa xã Khoái Châu đã có phạm vi phục vụ rộng với khoảng 256,90 km đường ống thoát nước chính, cơ bản đáp ứng nhu cầu tiêu thoát nước của khu dân cư và các tuyến giao thông hiện hữu. Tuy nhiên, hệ thống chưa thật sự đồng bộ về quy mô, khả năng tiêu thoát và kết nối theo lưu vực. Việc đầu tư nâng cấp cần được thực hiện đồng bộ với phát triển giao thông và đô thị, hướng tới xây dựng hệ thống thoát nước mưa hoàn chỉnh, chủ động tiêu thoát và thích ứng với mưa lớn, ngập úng, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị Khoái Châu trong giai đoạn tới.

*c) Hiện trạng cấp nước*

Hệ thống cấp nước trên địa bàn xã Khoái Châu đang từng bước được hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt của dân cư và phục vụ các hoạt động sản xuất, thương mại – dịch vụ. Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, xã Khoái Châu được hình thành trên cơ sở thị trấn Khoái Châu và các xã Đông Kết, Liên Khê,

Phùng Hưng; hệ thống cấp nước hiện nay được kế thừa và kết nối từ các khu vực trước đây, tạo cơ sở để mở rộng cấp nước tập trung theo định hướng phát triển đô thị.

Theo Quy hoạch tỉnh Hưng Yên, nhu cầu sử dụng nước của toàn khu vực huyện Khoái Châu đến năm 2030 khoảng 18.000 $m^3$/ngày đêm, trên cơ sở quy mô dân số dự báo khoảng 189.240 người. Quy hoạch định hướng tiếp tục đầu tư nâng công suất các nhà máy nước phục vụ khu vực, trong đó Nhà máy nước Dạ Trạch từ 30.000 lên 50.000 $m^3$/ngày đêm; Nhà máy nước Phùng Hưng từ 7.000 lên 30.000 $m^3$/ngày đêm vào năm 2030; đồng thời nâng công suất các nhà máy nước Bình Minh, Hồng Tiến, Dân Tiến và nhà máy nước thị trấn Khoái Châu.

Đối với mạng lưới cấp nước, quy hoạch của tỉnh định hướng cải tạo, xây dựng mới mạng truyền dẫn, mạng phân phối, đường ống dịch vụ và đấu nối đến hộ sử dụng nước, đồng thời hạn chế dần khai thác nước dưới đất. Mục tiêu đến năm 2030 là 100% dân cư thành thị và nông thôn được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung, đạt quy chuẩn chất lượng nước sạch sinh hoạt.

Điều kiện cấp nước của tỉnh Hưng Yên nói chung hiện tương đối thuận lợi. Đến tháng 3/2026, toàn tỉnh có 119 nhà máy nước sạch đang hoạt động, cung cấp nước cho 104 xã, phường, với tổng công suất thiết kế khoảng 590.000 $m^3$/ngày đêm; hệ thống cơ bản bảo đảm khả năng cung cấp nước sạch cho toàn bộ các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh. Đây là cơ sở thuận lợi để tiếp tục mở rộng mạng cấp nước tập trung tại Khoái Châu.

Đối với riêng xã Khoái Châu, hệ thống cấp nước cần tiếp tục được rà soát theo từng khu dân cư để xác định chính xác chiều dài mạng lưới, công suất cấp nước thực tế, số hộ đã đấu nối, tỷ lệ dân số được cấp nước sạch và tỷ lệ thất thoát nước. Các số liệu công khai hiện chưa đủ để xác định chính xác các chỉ tiêu này cho riêng xã, do đó không sử dụng số liệu của toàn huyện hoặc toàn tỉnh để thay thế cho số liệu của xã.

Nhìn chung, hệ thống cấp nước của Khoái Châu có nền tảng tương đối thuận lợi, nằm trong khu vực đã được quy hoạch các công trình cấp nước quy mô lớn và có định hướng mở rộng công suất rõ ràng. Tuy nhiên, mạng lưới phân phối đến các khu dân cư cần tiếp tục được đầu tư đồng bộ, nhất là tại các khu vực phát triển đô thị mới và các tuyến dân cư mở rộng. Trong giai đoạn 2026–2030, cần ưu tiên mở rộng mạng cấp nước tập trung đến toàn bộ khu dân cư; nâng tỷ lệ hộ đấu nối trực tiếp; cải tạo các tuyến ống cũ, nhỏ; kiểm soát thất thoát; bảo đảm áp lực và chất lượng nước ổn định 24/7.

Trên cơ sở đánh giá hiện trạng, hệ thống cấp nước trên địa bàn xã Khoái Châu cơ bản có điều kiện để đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị, với sự hỗ trợ của

các nhà máy nước trong khu vực và định hướng nâng công suất mạnh đến năm 2030. Mục tiêu cần đạt là 100% dân cư được tiếp cận và sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm chất lượng theo quy chuẩn, đáp ứng yêu cầu hạ tầng kỹ thuật đô thị và phục vụ quá trình phát triển Khoái Châu theo hướng đô thị văn minh, hiện đại.

*d) Hiện trạng thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang*

➢ *Thoát nước thải:*

*Thoát nước thải sinh hoạt

Về thoát nước thải: Hệ thống thoát nước thải trên địa bàn xã Khoái Châu được hình thành chủ yếu gắn với mạng lưới thoát nước tại các khu dân cư hiện hữu và các tuyến đường. Theo số liệu rà soát, tổng chiều dài đường ống thoát nước chính được thống kê khoảng 256,90 km, trong đó khu vực đường tỉnh, đường huyện khoảng 50,40 km, đường trục xã 14,50 km và đường trục thôn 192,00 km. Tuy nhiên, số liệu hiện trạng đang thống kê chung cho nước mưa và nước thải, chưa tách riêng chiều dài hệ thống thoát nước thải. Nước thải sinh hoạt tại nhiều khu dân cư vẫn chủ yếu xử lý sơ bộ qua bể tự hoại trước khi thoát vào hệ thống tiêu thoát chung; chưa hình thành đồng bộ hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải tập trung cho toàn xã. Đây là hạn chế cần khắc phục trong quá trình đô thị hóa, nhất là tại khu vực trung tâm và các khu dân cư tập trung.

Theo quy hoạch, trên địa bàn có định hướng bố trí 02 trạm xử lý nước thải sinh hoạt, gồm TXLNT SH3 công suất thiết kế 6.500 $m^3$/ngày đêm và TXLNT SH1 công suất thiết kế 3.000 $m^3$/ngày đêm. Tổng công suất xử lý nước thải sinh hoạt theo quy hoạch đạt 9.500 $m^3$/ngày đêm, tạo cơ sở quan trọng để từng bước hình thành hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và gia tăng dân số trong tương lai.

➢ *Chất thải rắn (CTR), nghĩa trang:*

Về quản lý chất thải rắn: Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt được xã quan tâm triển khai, gắn với phong trào xây dựng cảnh quan môi trường xanh – sạch – đẹp. Trong năm 2026, các tổ chức đoàn thể, đặc biệt các chi hội phụ nữ, tiếp tục duy trì các tuyến đường tự quản, vệ sinh môi trường và tuyên truyền hạn chế sử dụng túi nilon, phân loại và xử lý rác tại hộ gia đình. Công tác kiểm tra các điểm tập kết, khu vực có nguy cơ gây ô nhiễm cũng được tăng cường; xã đã kiểm tra khu vực tập kết rác tại Thông Quan Thượng, yêu cầu không đổ rác xuống sông, kênh, mương nhằm tránh gây tắc nghẽn dòng chảy và phát sinh ô nhiễm môi trường.

Hệ thống nghĩa trang nhân dân trên địa bàn xã Khoái Châu được hình thành gắn với các khu dân cư trước khi sắp xếp đơn vị hành chính, cơ bản đáp ứng nhu cầu an táng của nhân dân. Theo số liệu rà soát, toàn xã có 23 khu/ô nghĩa trang, với tổng diện tích khoảng 16,04 ha. Trong đó, nhóm nghĩa trang thuộc thị trấn Khoái Châu cũ có 04 khu, tổng diện tích 2,83 ha; Đông Kết cũ có 05 khu, tổng diện tích 3,82 ha; Bình Kiều có 03 khu, tổng diện tích 1,92 ha; Phùng Hưng có 07 khu, tổng diện tích 3,62 ha, bao gồm 01 nghĩa trang liệt sĩ diện tích 0,32 ha; Liên Khê có 03 khu, tổng diện tích 3,15 ha.

Quy mô các khu nghĩa trang khá phân tán, diện tích từng khu từ 0,30–2,30 ha. Khu có diện tích lớn nhất là nghĩa trang tại Trung Châu, Đông Kết, 2,30 ha; tiếp đến là nghĩa trang Bối Khê, Cẩm Khê, Cẩm Bối 1,71 ha và nghĩa trang tại Vinh Quang 1,26 ha. Việc phân bố nhiều khu nghĩa trang theo các thôn giúp đáp ứng nhu cầu an táng tại chỗ, nhưng đồng thời tạo yêu cầu lớn về quản lý quỹ đất, bảo đảm khoảng cách vệ sinh, cảnh quan và khả năng mở rộng trong quá trình đô thị hóa.




*Hình 19: Tượng đài Liệt sĩ trên địa bàn xã Khoái Châu*

Nhìn chung, quỹ đất nghĩa trang hiện có tương đối lớn nhưng phân tán thành nhiều khu nhỏ, một số khu nằm xen kẽ hoặc gần khu dân cư hiện hữu. Trong quá trình phát triển đô thị, việc tiếp tục mở rộng nghĩa trang tự phát sẽ gây khó khăn cho quản lý đất đai, cảnh quan và môi trường. Do đó cần rà soát

hiện trạng sử dụng đất, khả năng tiếp tục sử dụng và nhu cầu đất nghĩa trang của từng khu dân cư; xác định rõ các khu nghĩa trang giữ lại, cải tạo, hạn chế mở rộng hoặc từng bước di chuyển theo quy hoạch.

Giai đoạn 2026–2030, cần ưu tiên chỉnh trang các nghĩa trang hiện hữu, xác định ranh giới quản lý, hoàn thiện đường giao thông nội bộ, cây xanh, hàng rào và hệ thống thoát nước; đồng thời bố trí quỹ đất nghĩa trang tập trung tại vị trí phù hợp quy hoạch, bảo đảm khoảng cách vệ sinh và khả năng phục vụ lâu dài. Khuyến khích hình thức hỏa táng, an táng tập trung và sử dụng đất tiết kiệm, từng bước giảm áp lực mở rộng nghĩa trang trong khu vực phát triển đô thị.

*e) Hiện trạng cấp điện*

Hệ thống cấp điện trên địa bàn xã Khoái Châu cơ bản đáp ứng nhu cầu điện phục vụ sinh hoạt của nhân dân, sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại – dịch vụ và các công trình công cộng. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, phạm vi phục vụ điện của xã bao gồm khu vực thị trấn Khoái Châu cũ và các xã Liên Khê, Phùng Hưng, Đông Kết; mạng lưới điện hiện hữu được tổ chức theo hệ thống lưới điện khu vực do ngành điện quản lý, vận hành.

Nguồn điện cung cấp cho khu vực Khoái Châu hiện được bảo đảm từ hệ thống điện quốc gia thông qua các trạm nguồn và trạm biến áp khu vực. Trong đó, trạm 500 kV Phố Nối công suất 1×600 MVA giữ vai trò quan trọng trong việc tiếp nhận và truyền tải điện năng cho khu vực Hưng Yên và vùng phụ cận. Bên cạnh đó, trạm 110 kV Khoái Châu là nguồn cấp điện trực tiếp quan trọng cho khu vực Khoái Châu, thực hiện phân phối điện đến các trạm biến áp và phụ tải dân sinh, sản xuất, thương mại – dịch vụ.

Theo định hướng phát triển hệ thống điện, trạm 110 kV Khoái Châu được nâng công suất từ 40 MVA lên 63 MVA; đồng thời quy hoạch bổ sung trạm 110 kV Khoái Châu 2 công suất 1×63 MVA và trạm 110 kV Khoái Châu 3 công suất 1×63 MVA trong giai đoạn 2026–2030. Việc tăng cường năng lực nguồn sẽ tạo điều kiện đáp ứng phụ tải điện ngày càng tăng do quá trình đô thị hóa, phát triển các khu dân cư, thương mại – dịch vụ và các dự án đầu tư trên địa bàn.

Lưới điện khu vực Khoái Châu gồm các cấp 500 kV, 220 kV, 110 kV và lưới trung áp 35 kV, 22 kV, 10 kV, hình thành mạng lưới truyền tải và phân phối tương đối hoàn chỉnh, đáp ứng nhu cầu cấp điện cho dân cư và các hoạt động kinh tế – xã hội.

Lưới cao áp: Các tuyến 500 kV, 220 kV và 110 kV thực hiện chức năng truyền tải, liên kết nguồn và cung cấp điện cho các trạm biến áp khu vực. Đáng chú ý, tuyến đường dây 110 kV Kim Động – Khoái Châu dài khoảng 10,2 km và

tuyến 110 kV Khoái Châu – Văn Giang dài khoảng 13,2 km, góp phần nâng cao khả năng liên kết và độ tin cậy cung cấp điện cho khu vực.



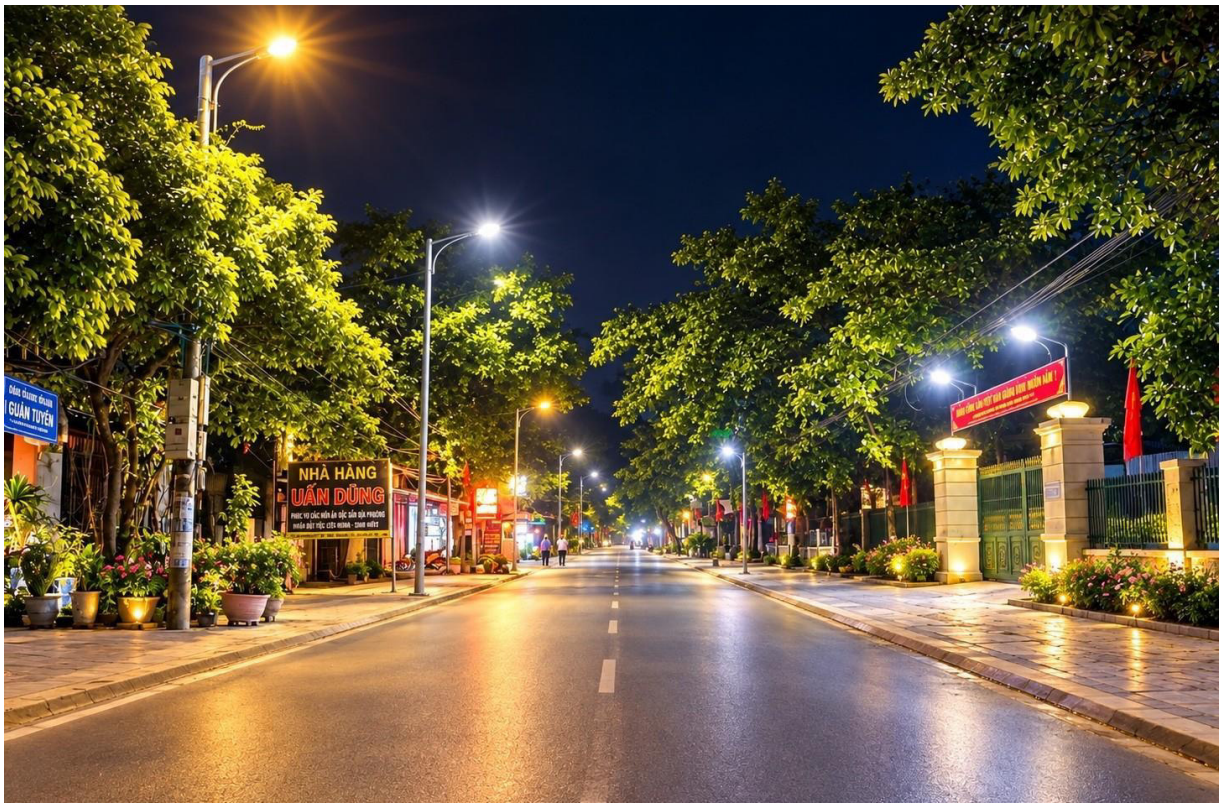

*Hình 20: Trụ sở làm việc và trạm biến áp trên địa bàn xã Khoái Châu*

Lưới trung áp: Trạm 110 kV Khoái Châu là trạm cấp điện chính cho khu vực, hiện có 01 xuất tuyến 35 kV và 03 xuất tuyến 22 kV. Trong đó, lộ 371 có chiều dài khoảng 19 km, sử dụng dây dẫn AC-185, cấp điện cho trung gian Khoái Châu, thị trấn Khoái Châu và các khu vực Tân Dân, Đông Tảo, Ông Đình, An Vĩ, Tứ Dân, Hàm Tử, Dạ Trạch, Bình Minh. Lộ 371 có liên kết với lộ 374 trạm 110 kV Kim Động và lộ 371 trạm 110 kV Văn Giang, tạo khả năng hỗ trợ, chuyển tải khi có sự cố hoặc nhu cầu vận hành hệ thống. Công suất cực đại của lộ 371 đạt khoảng 10,5 MW.

Hệ thống lưới trung áp và hạ áp đã được đưa đến các khu dân cư, khu vực sản xuất và công trình công cộng, cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng điện hiện tại. Tuy nhiên, cùng với quá trình phát triển đô thị Khoái Châu, phụ tải điện dự kiến tiếp tục tăng, đặc biệt tại các khu vực hình thành khu đô thị, thương mại – dịch vụ, sản xuất và các dự án đầu tư mới. Vì vậy, cần tiếp tục cải tạo, nâng tiết diện đường dây, bổ sung trạm biến áp phân phối, hoàn thiện mạch vòng trung áp và từng bước hạ ngầm lưới điện tại các tuyến phố chính.

Hệ thống điện xã Khoái Châu có lợi thế về nguồn cấp, được kết nối với mạng lưới điện quốc gia và có khả năng liên kết với các trạm 110 kV lân cận. Trạm 110 kV Khoái Châu cùng các tuyến trung áp, đặc biệt lộ 371 với 19 km đường dây AC-185 và Pmax 10,5 MW, đang giữ vai trò quan trọng trong cấp điện cho khu vực. Trong giai đoạn tới, việc nâng cấp nguồn 110 kV, phát triển các trạm Khoái Châu 2, Khoái Châu 3 và cải tạo đồng bộ lưới phân phối là cần

thiết nhằm bảo đảm cấp điện an toàn, liên tục, ổn định và đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị Khoái Châu theo hướng hiện đại, bền vững.




*Hình 21: Chiếu sáng tuyến đường nội thị trên địa bàn xã Khoái Châu*

*Lưới chiếu sáng*

Về chiếu sáng công cộng, hệ thống chiếu sáng đã được đầu tư trên các tuyến đường chính và nhiều tuyến đường khu dân cư, ngõ xóm. Tuy nhiên, chất lượng và mức độ đồng bộ còn khác nhau giữa các khu vực. Một số tuyến đường cần tiếp tục bổ sung chiếu sáng, chỉnh trang cột điện và từng bước sử dụng đèn LED tiết kiệm năng lượng. Đối với các khu vực trung tâm đô thị, tuyến phố chính và khu thương mại – dịch vụ, cần ưu tiên hạ ngầm đường dây điện và cáp viễn thông, kết hợp hệ thống chiếu sáng đô thị đồng bộ nhằm nâng cao mỹ quan và an toàn.

*f) Hiện trạng thông tin liên lạc, bưu điện*

Về mạng lưới viễn thông, trên địa bàn xã đã hình thành hệ thống thông tin liên lạc tương đối rộng, gồm mạng điện thoại di động, mạng Internet băng rộng và các hạ tầng truyền dẫn viễn thông. Dịch vụ viễn thông được cung cấp bởi các doanh nghiệp lớn như VNPT, Viettel và các nhà mạng di động khác. Trên địa bàn hiện có điểm giao dịch VinaPhone Khoái Châu tại khu vực Hồng Châu, đồng thời có Trung tâm Viễn thông Khoái Châu và VNPT Khoái Châu phục vụ khu vực lân cận. Hệ thống mạng di động và Internet cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân, cơ quan hành chính, trường học, cơ sở y tế và các cơ sở sản

xuất – kinh doanh. VinaPhone Khoái Châu Trung Tâm Viễn Thông Khoái Châu VNPT Khoái Châu.

Về bưu chính, mạng lưới được kế thừa từ các xã trước khi sáp nhập, trong đó hiện có các điểm bưu chính như Bưu Cục Tân Châu, Bưu điện xã Tân Châu và Bưu điện xã Đại Tập, tạo điều kiện cung cấp các dịch vụ chuyển phát, bưu phẩm, bưu kiện và các dịch vụ bưu chính cơ bản cho người dân. Bưu Cục Tân Châu Bưu điện xã Tân Châu Bưu điện xã Đại Tập



*Hình 22: Bưu điện xã Khoái Châu*




*Hình 23: Trung tâm hanh chính công xã*

Cùng với hệ thống bưu chính truyền thống, hoạt động chuyển phát hàng hóa và thương mại điện tử ngày càng phát triển, làm tăng nhu cầu về các điểm giao nhận, kho trung chuyển và dịch vụ logistics quy mô nhỏ. Tuy nhiên, mạng lưới bưu chính trên địa bàn còn mang tính phân tán, chủ yếu phục vụ nhu cầu cơ bản; chưa hình thành trung tâm bưu chính – logistics hiện đại có quy mô tương xứng với quy mô dân số và định hướng phát triển thương mại – dịch vụ của Khoái Châu.

Về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, xã Khoái Châu đang tích cực triển khai các dịch vụ hành chính công trực tuyến, hướng dẫn người dân nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công, kích hoạt và sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 trên VNeID, đồng thời triển khai tích hợp các dịch vụ an sinh xã hội trên nền tảng số. Điều này cho thấy hạ tầng thông tin liên lạc đang ngày càng trở thành một bộ phận quan trọng của hệ thống hạ tầng đô thị.

Hệ thống thông tin liên lạc và bưu chính trên địa bàn Khoái Châu cơ bản đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân và các hoạt động kinh tế – xã hội, mạng viễn thông đã được phủ tới các khu dân cư và có nhiều điểm cung cấp dịch vụ bưu chính. Tuy nhiên, số liệu công khai hiện chưa xác định đầy đủ chiều dài mạng cáp quang, số trạm BTS, tỷ lệ hộ sử dụng Internet băng rộng cố định, tỷ lệ phủ sóng 4G/5G và tổng số điểm phục vụ bưu chính trên toàn xã. Đây là những chỉ tiêu cần

được rà soát, cập nhật từ các doanh nghiệp viễn thông và bưu chính để hoàn thiện hồ sơ đô thị.

**3. Đánh giá phân loại xã Khoái Châu so với đô thị loại III**

***3.1. Tiêu chí 1: Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội***

*3.1.1. Vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông*

Theo Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Khoái Châu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, khu vực xã Khoái Châu thuộc các Cực phát triển trung tâm, được định hướng phát triển đô thị dịch vụ, công nghiệp, các khu công nghiệp, kho tàng được bố trí theo định hướng của quy hoạch hệ thống các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và được bổ sung một số khu vực theo yêu cầu mới, trên cơ sở lợi thế của hệ thống giao thông đồng bộ, hiện đại; ngoài lợi thế về giao thông, khu vực xã Khoái Châu còn có lợi thế như quỹ đất rộng, có hệ thống hạ tầng đã phát triển đô thị hóa, đủ điều kiện xây dựng, nâng cấp và phát triển đô thị; khu vực xã Khoái Châu có vai trò trung tâm về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, đầu mối giao thông, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một cụm liên xã khu vực trung tâm huyện Khoái Châu cũ nói riêng và khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên hiện hữu nói chung.

Theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, xã Khoái Châu nằm ở khu vực Vùng động lực phía Bắc (Cửa ngõ vùng Thủ đô Hà Nội), hội tụ đầy đủ các điều kiện thuận lợi nhất về vị trí, hạ tầng, liên kết vùng và tiềm năng thu hút đầu tư, được xác định là vùng động lực tăng trưởng cao của tỉnh Hưng Yên; đóng vai trò là trung tâm phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistics công nghệ cao của tỉnh, cửa ngõ giao thương chiến lược kết nối trực tiếp vùng Thủ đô với khu vực đồng bằng ven biển; là hạt nhân công nghiệp công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo và logistics liên vùng, đồng thời là nơi hình thành các khu đô thị hiện đại, trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng, tạo động lực lan tỏa phát triển cho toàn bộ tỉnh Hưng Yên. Được định hướng phát triển theo trục hành lang công nghiệp - đô thị - dịch vụ, kết nối trực tiếp với Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng; phát triển theo mô hình đô thị thông minh - xanh - hiện đại, gắn với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, kết hợp hài hòa giữa sản xuất công nghiệp,

dịch vụ, thương mại và không gian sống đô thị chất lượng cao; trở thành trung tâm phát triển kinh tế tri thức, với các khu nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, cơ sở giáo dục, đào tạo nghề và khu công nghệ cao. Ngoài ra, xã Khoái Châu còn được định hướng phát triển thành phường trong giai đoạn đến năm 2030.

Như vậy xã Khoái Châu có vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông cấp tỉnh.

→ Đánh giá vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực cấp Tỉnh, đạt 7,0/7,0 điểm.

*2. Vai trò, vị trí đô thị trung tâm: Có công trình trụ sở hành chính, công trình hạ tầng đô thị đã đầu tư, xây dựng, là một trong các trung tâm, đầu mối kết nối*

Xã Khoái Châu có vị trí và vai trò quan trọng trong hệ thống phát triển đô thị của tỉnh Hưng Yên, là hạt nhân đô thị, hành chính, kinh tế - xã hội của khu vực Khoái Châu, kế thừa và phát huy vai trò trung tâm của đô thị Khoái Châu trước đây. Với vị trí nằm trong khu vực có tốc độ đô thị hóa và phát triển kinh tế khá cao, xã có điều kiện thuận lợi để kết nối với các khu vực phát triển của tỉnh và vùng Thủ đô Hà Nội thông qua Quốc lộ 39, các tuyến đường tỉnh ĐT.379, ĐT.380 và mạng lưới giao thông liên vùng, tạo lợi thế trong giao lưu dân cư, hàng hóa và dịch vụ.

Khoái Châu giữ vai trò trung tâm thương mại - dịch vụ, hành chính và cung cấp các dịch vụ xã hội cho dân cư trên địa bàn và khu vực lân cận; tập trung các hoạt động kinh doanh, giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao và các dịch vụ đô thị. Đồng thời, xã là đầu mối hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, cây ăn quả, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm, thương mại và du lịch sinh thái - trải nghiệm.

Trong định hướng phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Khoái Châu được định hướng trở thành một cực phát triển đô thị quan trọng của tỉnh Hưng Yên, phát triển theo hướng đô thị hiện đại, xanh, sinh thái, có hệ thống hạ tầng đồng bộ và chất lượng dịch vụ ngày càng cao. Vì vậy, việc công nhận xã Khoái Châu là đô thị loại III là phù hợp với vị trí, chức năng và định hướng phát triển trong hệ thống đô thị của tỉnh, đồng thời tạo cơ sở thúc đẩy đô thị hóa, nâng cao chất lượng sống và phát huy vai trò trung tâm khu vực.

→ Đánh giá vai trò, vị trí đô thị trung tâm cấp xã đạt 6,0/8,0 điểm.

***→ Tổng điểm tiêu chí 1: Vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đạt: 13,0/15,0 điểm.***

***3.2. Tiêu chí 2: Tiêu chí mức độ đô thị hoá***

*1. Quy mô dân số đô thị*

Dân số thường trú trên địa bàn khu vực xã Khoái Châu là 47.728 người và dân số tạm trú quy đổi là 673 người (bao gồm: doanh nhân kinh doanh và buôn bán tại đô thị, lao động tạm trú làm việc và doanh nghiệp sản xuất tạm trú và lực lượng tạm trú khác có thời gian tạm trú trung bình 07 ngày). Tổng dân số toàn xã Khoái Châu là 49.501 người so với quy định của đô thị loại III từ 20.000-200.000 người đánh giá đạt 5,75/7,00 điểm.

*2. Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên*

Mật độ dân số đô thị phản ánh mức độ tập trung dân cư trên địa bàn. Dân số trên địa bàn khu vực xã Khoái Châu đã bao gồm quy đổi là 49.501 người. Tổng diện tích đất tự nhiên là 29,33 $km^2$. Mật độ dân số toàn đô thị trên diện tích đất tự nhiên là 49.501 người/29,33 $km^2$ đạt 1.687 người/$km^2$, tiêu chuẩn quy định từ 500 đến 1.000 người/$km^2$, đánh giá đạt điểm 6,00/6,00 điểm.

*3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp*

Tổng số lao động đang làm việc ở các ngành kinh tế (công nghiệp, xây dựng, dịch vụ, thương mại và nông nghiệp) là: 27.542 người.

Số lao động làm việc trong ngành công nghiệp – xây dựng và dịch vụ - thương mại là 22.195 người.

Do đó, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp là: K = 22.195/27.542 người, đạt 80,6%, (tiêu chuẩn quy định từ 55% đến 65%). Đánh giá đạt 7,00/7,00 điểm.

***→ Tổng điểm tiêu chí 2 mức độ đô thị hoá đạt 18,75/15,0 điểm***

***3.3. Tiêu chí 3: Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị***

***A. Về hạ tầng kỹ thuật***

*1. Giao thông*

*a) Đầu mối giao thông*

Mạng lưới giao thông vận tải của xã Khoái Châu chủ yếu là đường bộ; Đường giao thông đô thị chủ yếu là đường bê tông nhựa và đường nhựa với chất lượng tương đối tốt. Có tuyến đường giao thông đối ngoại như: Đường ĐT.383 - Xã Khoái Châu; Đường ĐT.377 - xã Khoái Châu; Đường ĐT.377 mới - Xã Khoái Châu; Đường ĐT.384 - Xã Khoái Châu; Đường ĐT.384B - Xã Khoái Châu; Đường ĐT.378 - Xã Khoái Châu; Đường ĐH.54 - xã Khoái Châu; Đường ĐH.58 - xã Khoái Châu; Đường ĐH.59 - xã Khoái Châu chạy qua. Tuy nhiên

trên địa bàn xã hiện nay không có các loại hình đầu mối gioa thông như: Cảng hàng không; Cảng đường thủy, Cảng cạn, ga đường sắt, Bến xe liên tỉnh. Đánh giá đầu mối giao thông xã Khoái Châu cấp tỉnh, đánh giá chưa đạt 0/4,0 điểm.

*b) Mật độ đường giao thông đô thị*

Tổng chiều dài các tuyến đường giao thông chính trên địa bàn xã Khoái Châu là 51,70 km . Diện tích đất xây dựng đô thị là 8,58 $km^2$. Mật độ đường giao thông chính đô thị là 51,70 km/8,58 $km^2$ đạt 6,02 km/$km^2$ (Tiêu chuẩn quy định phải đạt từ 4 - 6 km/$km^2$). Đánh giá đạt 5,00/5,00 điểm

***Đánh giá nhóm tiêu chuẩn về giao thông đạt: 5,0/9,0 điểm.***

*2. Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải*

*a) Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung*

Mạng phân phối nước chính hiện tại khu vực xã Khoái Châu đang được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh, nước sạch tập trung được cấp từ Nhà máy nước sạch Dạ Trạch và nhà máy nước Khoái Châu. Tổng dân số toàn xã là 49.501 người. Dân số được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung là 46.945 người. Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung là 46.945/49.501 đạt 94,84 % (Tiêu chuẩn quy định phải đạt từ 85 - 95%) Đánh giá đạt 2,98/3,00 điểm.

*b) Mật độ đường cống thoát nước chính*

Tổng chiều dài hệ thống thoát nước chính xã Khoái Châu là 51,7 km; mật độ đường cống thoát nước chính trên diện tích đất xây dựng đô thị là 51,7 km/8,58 $km^2$; đạt 6,02 km/$km^2$ (tiêu chuẩn quy định từ 3-3,5 km/$km^2$); đánh giá đạt 3,00/3,00 điểm.

*c) Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch*

Trên địa bàn xã Khoái Châu hiện nay đã quy hoạch 6 trạm xử lý nước thải cho các thôn tuy nhiên chưa có trạm nào được đưa vào vận hành. Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch đạt 0%. Đánh chưa đạt điểm 0/0 điểm.

Đánh giá nhóm tiêu chuẩn về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải đạt: 6,00/7,00 điểm.

*3. Xử lý chất thải rắn*

Hoạt động thu gom xử lý chất thải rắn sinh hoạt các thôn đã có điểm tập kết và trung chuyển rác. Tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh là 7.056 tấn/năm. Tổng lượng CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt 6.181

Tấn/năm). Tỷ lệ CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường là 6.181/7.056 đạt 87,60% (tiêu chuẩn quy định từ 70-80%); đánh giá đạt 3,0/3,00 điểm.

*4. Nghĩa trang đô thị*

- Hiện nay trên địa bàn xã Khoái Châu có 21 nghĩa trang được xây dựng và sử dụng với tổng diện tích 8,65 ha. Diện tích đất nghĩa trang trong quy hoạch là 16,04 ha. Do đó, tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch là 53,93 % (tiêu chuẩn quy định từ 50-70%); đánh giá đạt 2,2/3,00 điểm.

- Bên cạnh đó trên địa bàn UBND xã đã có dự án nhà tang lễ, từng bước đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân. (tiêu chuẩn quy định từ có dự án -1 nhà tang lễ); đánh giá 2,50/3,00 điểm.

***B. Về hạ tầng xã hội***

*1. Số Giường bệnh*

- Trên địa bàn xã Khoái Châu có Bệnh viện đa khoa Khoái Châu quy mô là 200 giường. Bình quân số giường bệnh đạt 40,40 giường/10.000 dân. (tiêu chuẩn quy định từ 30 - 35 giường bệnh/10.000 người). Đánh giá đạt 5,00/5,00 điểm.

*2. Cơ sở giáo dục đào tạo*

Trên địa bàn xã Khoái Châu hiện có 4 cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị gồm: Trường GDNN-GDTX Triệu Việt Vương; THPT Khoái Châu; THPT Nguyễn Siêu; THPT Phùng Hưng (tiêu chuẩn quy định từ 1-10 cơ sở); đánh giá đạt 4,17/5,00 điểm.

*3.Công trình văn hoá*

- Trên địa bàn đô thị xã Khoái Châu có 12 công trình văn hóa cấp đô thị: Đình Vinh Quang; Đền Thông Quan Hạ; Chùa Lạc Thuỷ; Đền Hậu; Đình Tiểu Quan; Cụm di tích Đền, Chùa, Miếu Tiểu Quan; Đình Ngọc Nha Thượng; Miếu Dạ Trạch (Đền chúa Tiên Dung); Cụm di tích Đình, Chùa Bối Khê; Đình Phú Hoà; Nhà văn hoá trung tâm xã Khoái Châu; Đài tưởng niệm Khoái Châu (tiêu chuẩn quy định từ 2-10 công trình); đánh giá đạt 5,00/5,00 điểm.

*4. Công trình thể dục thể thao*

- Trên địa bàn xã Khoái Châu có 4 công trình thể dục thể thao cấp đô thị là Sân vận động đáp ứng nhu cầu vui chơi, thể dục thể thao (tiêu chuẩn 2-4 công trình); đánh giá đạt điểm 3,67/4,00 điểm.

*5. Công trình thương mại dịch vụ*

- Trên địa bàn có 03 công trình thương mại dịch vụ lớn: Chợ Phủ, Chợ Bái, Chợ Tiểu Quan. (Yêu cầu đối đô thị loại III từ 2-5 công trình); đánh giá đạt 2,33/3,00 điểm.

*6. Đất công trình dịch vụ bình quân đầu người*

- Hệ thống công trình dịch vụ công cộng đô thị gồm các công trình giáo dục văn hóa, thể dục thể thao, thương mại dịch vụ... có tổng diện tích: 161.608 $m^2$, bình quân đất công trình dịch vụ cấp đô thị trên dân số nội thị là 161.608 $m^2$/49.501 người, đạt 3,29 $m^2$/người (tiêu chuẩn quy định từ 1,5-2,0 $m^{2/}$người); đánh giá đạt 3,00/3,00 điểm.

Đánh giá nhóm tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội đạt: 23,17/25,0 điểm.

***C. Về không gian kiến trúc cảnh quan đô thị***

***1. Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02ha trở lên***

Trên địa bàn xã có 2 không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô >02ha tại trung tâm xã (tiêu chuẩn quy định từ 3-4 khu). Đánh giá đạt 4,00/4,00 điểm

***2. Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên***

- Tổng diện tích tự nhiên của xã Khoái Châu là 2.933,44 ha. Tổng diện tích không gian xanh của xã Khoái Châu là 2.088,09 ha (bao gồm thảm thực vật ven sông, hồ; đất sản xuất nông nghiệp; cây xanh chuyên dụng, không gian cây xanh ngoài công cộng). Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên là 2.088,09/2.933,44 đạt 71,18% (tiêu chuẩn quy định từ 25-35%). Đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm.

***3. Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị***

- Hiện nay trên địa bàn xã đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị đạt 6,03 $m^2$/người. (tiêu chuẩn quy định từ 6,0-7,0 $m^2$/người). Đánh giá đạt 2,52/3,00 điểm.

***4. Quy chế quản lý kiến trúc đô thị***

- Hiện nay xã đang chuẩn bị triển khai lập quy hoạch đô thị, kế hoạch phát triển đô thị theo Điều chỉnh quy hoạch chung tỉnh và chương trình phát triển đô thị tỉnh được duyệt. Do đó chưa ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị. Do vậy đánh giá chưa đạt điểm.

Đánh giá nhóm tiêu chuẩn về không gian kiến trúc cảnh quan đô thị đạt: 9,52/15,0 điểm.

***3.4. Tổng hợp đánh giá trình đô thị phát triển đô thị xã Khoái Châu***

Căn cứ theo quy định tại Bảng 2A Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15. Qua đánh giá hiện trạng phát triển xã Khoái Châu năm 2025 so với tiêu chí đô thị loại III đạt **83,11/100 điểm**. Cụ thể như sau:

| TT | Các tiêu chí đánh giá | Tối thiểu | Tối đa | Điểm đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội** | **11,50** | **15** | **13,00** |
| **II** | **Tiêu chí mức độ đô thị hoá** | **15,50** | **20** | **18,75** |
| **III** | **Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị** | **48,00** | **65** | **51,36** |
| III.1 | Về hạ tầng kỹ thuật | 18,25 | 25 | 18,68 |
| III.2 | Về hạ tầng xã hội | 18,25 | 25 | 23,17 |
| III.3 | Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị | 11,50 | 15 | 9,52 |
| | **Tổng cộng** | **75** | **100** | **83,11** |

*( Chi tiết xem bảng tổng hợp đánh giá chi tiết tại phụ lục I)*

**4. Đánh giá trình độ phát triển đô thị của đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị theo bảng 2B, phụ lục II, Nghị quyết 111**

***4.1. Tiêu chí 1: Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội***

*1. Tỷ lệ tăng dân số*

Tỷ lệ tăng trưởng dân số năm 2025 của xã Khoái Châu là 1,11 %; (tiêu chuẩn quy định từ 1,0-1,4%). Đánh giá đạt 3,91/5,0 điểm.

*2. Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố*

Tiêu chuẩn thu nhập bình quân đầu người xã Khoái Châu đạt 85,20 triệu đồng người/năm so với bình quân cả tỉnh (78 triệu đồng/người/ năm 2025) gấp 1,09 lần (tiêu chuẩn quy định từ 1,0-1,2 lần). Đánh giá đạt 5,19/6,00 điểm.

*3. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)*

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều trên địa bàn xã Khoái Châu năm 2025 là 0,31%. (tiêu chuẩn quy định từ 5-4%). Đánh giá đạt 4,0/4,0 điểm.

Bên cạnh đó, trên địa bàn xã có công trình cấp quốc gia, được cộng 0,5 điểm.

*→ Tổng điểm tiêu chí 1: Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đạt 13,60/15,0 điểm*

***4.2. Tiêu chí 2: Tiêu chí Mức độ đô thị hóa***

*1. Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị*

Dân số toàn xã năm 2025 là 49.501 người. Diện tích đất xây dựng đô thị của xã Khoái Châu là 8,5848 $km^2$. Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị là 49.501/8,5848 đạt 5.766 người/$km^2$, tiêu chuẩn quy định từ 4.000 đến 6.000 người/$km^2$. Đánh giá đạt 9,63/10,00 điểm.

*2. Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị*

Diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng xã Khoái Châu năm 2025 là 8,5848 so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đạt 56,30% (tiêu chuẩn quy định từ 50-75%), đánh giá đạt 4,87/6,00 điểm.

*3. Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ*

Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ theo mục tiêu đề ra năm 2025 tăng 5,5%. Kết quả thực hiện năm 2025 tăng theo mục tiêu đề ra. Đánh giá đạt: 3,00/4,00 điểm.

*→ Tổng điểm tiêu chí 2: Mức độ đô thị hóa đạt 17,50/20,00 điểm*

***4.3. Tiêu chí 3: Tiêu chí Trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị***

***A. Về hạ tầng kỹ thuật***

*1. Giao thông*

*a) Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị*

Tổng diện tích đất giao thông đô là 168,13 ha, diện tích đất xây dựng đô thị là 858,48 ha. Tỷ lệ diện tích đất giao thông trên đất xây dựng đô thị là (168,13/858,48*100%, đạt 19,58 % (tiêu chuẩn quy định từ 12-17%); đánh đạt 3,0/3,0 điểm.

*b) Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người*

Tổng diện tích đất giao thông chính xã Khoái Châu là 160,5 ha; bình quân diện tích đất giao thông bình quân đầu người là 160,5*10.000/49.501 người, đạt 32,43 $m^2$/người (tiêu chuẩn quy định từ 7-9 $m^2$/người); đánh giá đạt 3,00/3,00 điểm.

*c) Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính*

Trên địa bàn xã hiện nay chưa có ngầm hoá đường dây, đường cáp trên các tuyến phố chính. Đánh giá chưa đạt điểm 0/0 điểm.

*2. Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải*

*a) Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người*

Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người trên địa bàn xã năm 2025 đạt 85,75 lít/người/ngày đêm, đánh giá đạt 1,64/2,00 điểm.

*b) Thoát nước chống ngập úng đô thị*

Hiện nay trên địa bàn xã Khoái Châu có 100% các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng và đang thực hiện các giải pháp chống ngập úng trong đô thị. (tiêu chuẩn từ 25% -50%). Đánh giá đạt 1,00/1,00 điểm

*c) Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật*

Hiện nay trên địa bàn xã chưa có dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật. Đánh giá chưa đạt điểm 0/0 điểm.

*3. Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải*

*a) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom*

Hoạt động thu gom xử lý CTR sinh hoạt các thôn đã có điểm tập kết và trung chuyển rác. Tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã năm 2025 là 7.056 tấn/năm. Tổng lượng CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt 6.181 tấn /năm. Tỷ lệ CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt 87,60% *(tiêu chuẩn từ 80-90%); đánh giá đạt 1,88/2,00 điểm.*

*b) Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn*

Trên địa bàn xã hiện nay các hộ gia đình đang triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn. UBND xã Khoái Châu đang triển khai, tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về lợi ích của phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt 77,78 %. Đánh giá chưa đạt điểm 1,00/1,00 điểm.

*c)Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng*

Số ca tử vong trên địa bàn xã năm 2025 là 308 ca. Số ca sử dụng hình thức hoả táng là 241 ca. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng đạt 78% (tiêu chuẩn: đạt từ 5-15%); đánh giá đạt 1,00/1,00 điểm

*4. Cấp điện chiếu sáng và công cộng*

*a) Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người*

Hiện nay 100% dân số xã sử dụng lưới điện Quốc gia. Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người năm 2025 đạt 1543,24 kwh/người/năm. (tiêu chuẩn quy định từ 400 - 1000 kwh/người/năm). Đánh giá đạt 2,00/2,00 điểm.

*b) Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng*

Mạng lưới chiếu sáng trên địa bàn xã đã được đầu tư xây dựng. Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng đạt 100% (tiêu chuẩn 80-95%); đánh giá đạt 1,00/1,00 điểm.

*c) Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh*

Hiện nay trên địa bàn xã có 2/9 Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh đạt 22,22% (tiêu chuẩn 15-50%); đánh giá đạt 0,80/1,00 điểm.

*5. Hạ tầng viễn thông*

Toàn xã có 14.784 hộ gia đình. Số hộ gia đình lắp cáp quang truy cập Internet qua mạng băng rộng cố định là 12.552 hộ. Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định đạt 84,90% (tiêu chuẩn quy định từ 80-100) đánh giá đạt 1,62/2,00 điểm

Điểm cộng:

- Xã hiện nay đag triển khai truy cập WIFI miễn phí tại các trụ sở cơ quan, trường học, hội trường thôn đánh giá đạt 0,5 điểm.

- Tỷ lệ dân số được phủ sóng 5G đạt 80% trở lên đánh giá có, đạt 0,5 điểm.

***B. Về hạ tầng xã hội***

*1. Nhà ở*

*a) Diện tích nhà ở bình quân đầu người*

- Toàn xã có 14.660 hộ. Tổng diện tích sàn đạt 1.501.860 $m^2$. Diện tích sàn bình quân đầu người trên đia 1.501.860 $m^2$ sàn/49.501 người, đạt 30,34 $m^2$ sàn/người (tiêu chuẩn 28-30 $m^2$ sàn/người); đánh giá đạt 3,58/4,00 điểm.

*b) Nhà ở xã hội*

Trên địa bàn xã chưa có dự án nhà ở xã hội nào được triển khai xây dựng. Đánh giá chưa đạt điểm.

*2. Công trình công cộng*

*a) Đất dân dụng bình quân đầu người*

Diện tích đất dân dụng xã Khoái Châu là 538,16 ha, bình quân đất dân dụng là 481,59*10.000 $m^2$/49.501 người, đạt 111,19 $m^2$/người (tiêu chuẩn 50-110 $m^2$/người); đánh giá chưa đạt điểm 0/3,00 điểm.

*b) Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người*

Hệ thống công trình công cộng cấp đơn vị ở gồm hệ thống các công trình như: trường mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở, trạm y tế, chợ, các cơ quan cấp xã... có tổng diện tích 161.608 $m^2$, bình quân đất công trình công cộng cấp khu ở trên dân số là 161.608 $m^2$/49.501 người, đạt 3,29 $m^2$/người (tiêu chuẩn quy định từ 3-4 $m^2$/người); đánh giá đạt 3,28/4,00 điểm.

*c) Số trường công lập đạt chuẩn*

Trên địa bàn xã có 80% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên, trong đó ít nhất có 20% đạt mức độ 2 đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm.

*d) Trường tiểu học công lập trên quy mô dân số*

Trên địa bàn xã có 5 điểm trường tiểu học. Đáp ứng 01 trường/8.000 người. Đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm.

*e) Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân tính trên quy mô dân số*

Tổng diện tích các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn xã là 142.412 $m^2$. Bình quân đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở trên dân số là 142.412/49.501 đạt 2,16 m²/người (tiêu chuẩn quy định từ 1,8-2 $m^2$/người); đánh giá đạt 3,00/3,00 điểm.

*f) Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao) cấp đơn vị ở bình quân tính trên quy mô dân số*

Tổng diện tích các sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao cấp đơn vị ở trên địa bàn xã đạt 55.302 $m^2$. Bình quân Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao cấp đơn vị ở trên dân số là 55.302/49.501 đạt 1,14 m²/người (tiêu chuẩn quy định từ 1-1,5 $m^2$/người); đánh giá đạt 2,28/3,00 điểm.

***C. Về không gian kiến trúc cảnh quan đô thị***

*1. Không gian đô thị*

*a) Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người*

Tổng diện tích đất cây xanh công cộng trên địa bàn xã là 156.749 $m^2$. Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người đạt 156.749 $m^2$/49.501 người đạt 3,24 m²/người (tiêu chuẩn quy định từ 2-3 $m^2$/người); đánh giá đạt 2,00/2,00 điểm.

*b) Số lượng không gian xanh công cộng có quy mô từ 2.000 $m^2$ trở lên*

Trên địa bàn xã có 02 không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô >2.000 $m^2$ là không gian xanh công cộng trong các khu dân cư trung tâm xã. (tiêu chuẩn quy định từ 1-5 khu); đánh giá đạt 1,62/2,00 điểm.

*2. Kiến trúc cảnh quan đô thị*

*a) Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị*

Trên địa bàn xã hiện nay chưa có tuyến phố văn minh đô thị nào được công nhận. Đánh giá chưa đạt điểm

*b) Số lượng công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ*

Trên địa bàn xã có 8 công trình di tích lịch sử được xếp hạng bao gồm: Đình Vinh Quang; Đền Thông Quan Hạ; Chùa Lạc Thuỷ; Đền Hậu; Đình Tiểu Quan; Cụm di tích Đền, Chùa, Miếu Tiểu Quan; Đình Ngọc Nha Thượng; Miếu Dạ Trạch (Đền chúa Tiên Dung); Cụm di tích Đình, Chùa Bối Khê; Đình Phú Hoà. (tiêu chuẩn quy định từ 1-3 công trình); đánh giá đạt 1,0/1,00 điểm.

*c) Công trình xanh*

Trên địa bàn xã chưa có công trình nào được thiết kế và xây dựng theo tiêu chuẩn công trình xanh. Đánh giá chưa đạt điểm.

Bên cạnh đó, trên địa bàn có tuyến phố chính được lập và quản lý theo thiết kế đô thị, được cộng 0,5 điểm.

3. Quản trị đô thị

*a) Kế hoạch phát triển đô thị*

- Xã Khoái Châu hiện nay chưa ban hành Kế hoạch phát triển đô thị, đánh giá chưa đạt điểm 0/0 điểm.

*b) Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình*

Tổng hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công là 10.404 hồ sơ. Tổng hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 6.898 hồ sơ. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 66,30 (%) (tiêu chuẩn quy định từ 35-60%) đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

*c) Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch*

Trong năm 2025 xã đã cải tạo chính trang 93 tuyến trên địa bàn: Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Kết (đoạn từ ngã tư ông Lợi thôn Đông Kết đi xóm 5 thôn Trung Châu); Nâng cấp đường và xây mới kênh tiêu thoát nước đoạn từ nhà Oanh Lượng thôn Trung Châu đi KT12; Sửa chữa đường giao thông nội đồng đoạn Đồng Rùa từ KT14 thôn Lạc Thủy đi ruộng xóm 15 thôn Đông Kết; CTNC một số tuyến đường GTNT xã Đông Kết, đoạn 1 từ ruộng nhà ông Ninh đến trục đường trục xóm 22 thôn Hồng Thái, đoạn 2 từ ruộng ông Khương

đến đường trục thôn Đi Kênh tây và thôn Hồng Thái, đoạn 3 cải tạo rãnh nước khu gốc đa đường 383 dọc theo chiều dài nhà ông Doanh); Duy tu, sửa chữa đường GTNĐ thôn Kênh Hạ, xã Liên Khê, đoạn từ cống tiêu Mào Gà đi ruộng ông Tài; Duy tu, sửa chữa đường nội đồng xã Đông Kết đoạn KT14 Đồng Sống đi Cừ Liên Khê thôn Lạc Thuỷ, đạt 100% so với kế hoạch (tiêu chuẩn quy định từ 75-100%). Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

*d) Quản lý phát triển đô thị thông minh*

Hiện nay xã đã có kế hoạch phát triển đô thị thông minh giai đoạn 2026-2030. Đánh giá đạt 0,75/1,0 điểm

*e) Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị*

*Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân trên địa bàn xã đạt 100%.* (tiêu chuẩn quy định từ 90-100%). Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

Điểm cộng:

- Trên địa bàn xã không có vụ cháy nổ nghiêm trọng xảy ra, đánh giá cộng 0,5 điểm.

→ Tổng điểm tiêu chí 3 trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị đạt 49,50/60,00 điểm

***4.4. Tổng hợp đánh giá trình đô thị phát triển đô thị xã Khoái Châu so với trình độ phát triển độ thị loại III***

Căn cứ theo quy định tại Bảng 2B Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, đánh giá trình đô thị phát triển đô thị xã Khoái Châu so với trình độ phát triển độ thị loại III đạt **80,68/100 điểm**. Cụ thể

| STT | Các tiêu chí đánh giá | Tối thiểu | Tối đa | Điểm đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội** | **11,5** | **15** | **13,60** |
| **II** | **Tiêu chí mức độ đô thị hoá** | **15,5** | **20** | **17,63** |
| **III** | **Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị** | **48** | **65** | **49,45** |
| III.1 | Về hạ tầng kỹ thuật | 18.25 | 25 | 19,94 |
| III.2 | Về hạ tầng xã hội | 18.25 | 25 | 18,14 |
| III.3 | Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị | 11.5 | 15 | 11,37 |
| | **Tổng cộng** | **75** | **100** | **80,68** |

*( Xem bảng tổng hợp đánh giá chi tiết tại phụ lục II)*

**5. Kế hoạch nâng cao chất lượng đô thị trong giai đoạn tiếp theo**

**5.1. Giải pháp hoàn thiện các tiêu chuẩn chưa đạt so với tiêu chuẩn đô thị loại III**

Qua đánh giá thực trạng phát triển đô thị xã Khoái Châu so với tiêu chí đô thị loại III đã cơ bản đáp ứng được tiêu chí phân loại đô thị. Tuy nhiên còn một số tiêu chuẩn chưa đạt cần có các giải pháp nâng cao khắc phục trong thời gian tới. UBND xã Khoái Châu đã có kế hoạch hoàn thiện từng tiêu chuẩn cụ thể, trong đó tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị nhằm khắc phục chuẩn chưa đạt điểm cụ thể:

*a) Đối với Đánh giá phân loại xã Khoái Châu so với đô thị loại III theo bảng 2A , Phụ lục II, Nghị quyết 111*

***- Đối với tiêu chuẩn: Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch:***

Hiện nay, hệ thống xử lý nước thải tập trung trên địa bàn Khoái Châu chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu về công suất vận hành so với công suất quy hoạch. Theo Quy hoạch tỉnh Hưng Yên, khu vực Khoái Châu được quy hoạch 05 trạm xử lý nước thải sinh hoạt, tổng công suất khoảng 38.000 m³/ngày/đêm; riêng Khu vực 1 gồm thị trấn Khoái Châu và các xã An Vĩ, Dân Tiến, Đồng Tiến, Hồng Tiến và một phần Phùng Hưng, Việt Hòa được định hướng trạm xử lý công suất 11.000 m³/ngày/đêm.

Giải pháp: Ưu tiên đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom, mạng lưới cống bao và các trạm xử lý nước thải theo quy hoạch; rà soát, xác định chính xác công suất thiết kế, công suất thực tế và tỷ lệ vận hành hiện tại của từng trạm để có phương án nâng cấp phù hợp. Tăng đấu nối hộ dân, cơ sở sản xuất, thương mại - dịch vụ vào hệ thống thu gom tập trung; kiểm soát chặt việc xả nước thải trực tiếp ra môi trường. Đồng thời áp dụng công nghệ xử lý tiết kiệm năng lượng, tự động hóa quan trắc và quản lý vận hành. Tỉnh Hưng Yên đã đặt mục tiêu đến năm 2030 100% khu đô thị có hệ thống thu gom nước thải về trạm xử lý tập trung.

Mục tiêu cụ thể: đến 2027 hoàn thành rà soát và lập kế hoạch đầu tư; đến 2030 hoàn thành hệ thống thu gom, đấu nối và đưa các trạm theo quy hoạch vào vận hành, phấn đấu tỷ lệ công suất vận hành đạt ≥80% công suất thiết kế, trong đó Khu vực 1 hướng tới khai thác khoảng 8.800 m³/ngày/đêm - 11.000 m³/ngày/đêm; giai đoạn 2031–2035 nâng tỷ lệ lên ≥90–95%, bảo đảm công suất vận hành phù hợp với tốc độ đô thị hóa và nhu cầu thực tế. Đây cũng phù hợp với định hướng của tỉnh về đầu tư, vận hành và bảo trì công trình xử lý nước thải khu dân cư.

***- Đối với tiêu chuẩn: Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02ha trở lên***

Hiện nay, hệ thống không gian xanh công cộng quy mô lớn trên địa bàn xã Khoái Châu chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu về số lượng và quy mô, do đó cần ưu tiên hình thành các công viên, vườn hoa, quảng trường và khu cây xanh tập trung gắn với các khu dân cư, trung tâm hành chính và các tuyến giao thông chính. Trên cơ sở định hướng quy hoạch đô thị Khoái Châu, cần bố trí tối thiểu 02–03 không gian xanh công cộng có quy mô từ 02 ha trở lên, tạo thành mạng lưới liên kết với hệ thống cây xanh mặt nước và không gian cảnh quan.

Giải pháp chủ yếu: dành quỹ đất phù hợp để hình thành các công viên trung tâm, công viên thể thao và công viên sinh thái; ưu tiên cải tạo, mở rộng các khu đất công, ao hồ, hành lang cây xanh hiện có để giảm chi phí giải phóng mặt bằng. Có thể định hướng Công viên trung tâm Khoái Châu quy mô khoảng 3–5 ha, kết hợp quảng trường, sân thể thao, vườn hoa và mặt nước; công viên cây xanh – thể thao phía Đông quy mô 2–3 ha; đồng thời hình thành các dải cây xanh, tuyến đi bộ kết nối các khu vực này.

Mục tiêu: đến năm 2030 hình thành tối thiểu 02 không gian xanh công cộng có quy mô ≥2 ha, tổng diện tích khoảng 5–8 ha; đến 2035 nâng lên 03–04 khu, tổng diện tích khoảng 8–12 ha, bảo đảm bán kính phục vụ hợp lý, tăng diện tích cây xanh sử dụng công cộng, cải thiện cảnh quan và chất lượng môi trường đô thị. Các khu vực sau khi đầu tư cần được quản lý, duy trì thường xuyên và dành chủ yếu cho mục đích phục vụ cộng đồng, không chuyển đổi sang các chức năng sử dụng đất khác.

***- Đối với tiêu chuẩn: Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị**:* Sau khi Sở Xây dựng tiến hành triển khai lập quy hoạch chung đô thị Khoái Châu, UBND xã triển khai đồng thời triển khai lập quy hoạch phân khu đô thị, kết hoạch phát triển đô thị và quy chế quản lý kiến trúc đô thị nhằm đảm bảo tính đồng bộ thống nhất trong công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị theo quy hoạch đã được duyệt.

*b) Đối với Đánh giá phân loại xã Khoái Châu so với đô thị loại III theo bảng 2B, Phụ lục II, Nghị quyết 111*

***- Đối với tiêu chuẩn: Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính***

Trên địa bàn xã Khoái Châu, cần lựa chọn khu vực trung tâm xã và các tuyến giao thông chính để thực hiện ngầm hóa đồng bộ điện, viễn thông, truyền hình và chiếu sáng. Trước mắt ưu tiên các trục có vai trò kết nối và tập trung hoạt động thương mại - dịch vụ gồm: ĐT.377; ĐT.377B; ĐT.380 và các tuyến đường đô thị kết nối trung tâm xã. Quy hoạch tỉnh xác định ĐT.377B dài khoảng 2,4 km, ĐT.380 dài 17,33 km, đều có quy mô từ 4 làn xe; riêng ĐT.384B qua khu vực Khoái Châu được quy hoạch khoảng 10 km, 6 làn xe.

*Đề xuất danh mục ưu tiên:*

- Giai đoạn 2026–2027: ngầm hóa khoảng 3–5 km các tuyến phố trung tâm, ưu tiên đoạn tập trung trụ sở hành chính, chợ, trường học, khu thương mại - dịch vụ.

- Giai đoạn 2028–2030: mở rộng khoảng 8–12 km, ưu tiên các đoạn QL.39, ĐT.377, ĐT.377B và ĐT.379 đi qua khu vực đô thị; kết hợp xây dựng hào kỹ thuật khi cải tạo, mở rộng mặt đường.

- Giai đoạn 2031–2035: hoàn thành ngầm hóa ≥90% chiều dài các tuyến phố chính, riêng các tuyến phố trung tâm và tuyến xây dựng mới đạt 100%.

Đặc biệt, quy hoạch vùng dọc tuyến Hà Nội - Hưng Yên đã xác định QL.39, ĐT.377, ĐT.379 và ĐT.383 là các trục cần tăng cường cây xanh, chỉnh trang cảnh quan khu vực đô thị Khoái Châu. Đây cũng là cơ sở để kết hợp ngầm hóa hạ tầng kỹ thuật + chỉnh trang vỉa hè + cây xanh + chiếu sáng đô thị trong cùng một dự án, tránh đầu tư manh mún và đào đường nhiều lần.

Mục tiêu đến năm 2030: tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên các tuyến phố chính đạt ≥70%, trong đó các tuyến trung tâm đạt ≥90%; đến năm 2035 đạt ≥90–100%, góp phần xây dựng trung tâm Khoái Châu theo hướng văn minh, hiện đại, an toàn và có mỹ quan đô thị cao.

***- Đối với tiêu chuẩn: Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật***

Để nâng cao tỷ lệ dân số được thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt, xã Khoái Châu cần ưu tiên đầu tư đồng bộ mạng lưới thu gom nước thải và các công trình xử lý tập trung, tập trung trước hết tại khu vực trung tâm đô thị, các khu dân cư tập trung và các tuyến phố chính. Theo định hướng quy hoạch, khu vực Khoái Châu có trạm xử lý nước thải công suất khoảng 11.000 $m^3$/ngày/đêm, cần được triển khai đồng bộ với hệ thống cống thu gom và đấu nối hộ gia đình.

Giải pháp cụ thể: rà soát, phân vùng thoát nước và xác định các khu vực chưa được thu gom; xây dựng hệ thống cống riêng nước mưa – nước thải, trạm bơm và tuyến cống bao; tăng tỷ lệ đấu nối hộ dân, cơ sở thương mại – dịch vụ, trường học, cơ sở y tế vào hệ thống tập trung. Đối với khu dân cư chưa có điều kiện đấu nối ngay, thực hiện cải tạo bể tự hoại, bổ sung công trình xử lý cục bộ và kiểm soát chất lượng nước thải trước khi xả ra môi trường. Đồng thời, quản lý chặt việc xả nước thải trực tiếp vào ao hồ, kênh mương và hệ thống thoát nước mưa. Cụ thể:

1. Dự án xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đô thị Khoái Châu

Quy mô: trạm xử lý khoảng 11.000 m³/ngày/đêm, kết hợp mạng lưới cống thu gom, cống bao, trạm bơm và đấu nối hộ dân. Phạm vi: ưu tiên khu vực trung tâm xã, các khu dân cư tập trung và các tuyến phố chính. Mục tiêu: đến năm 2030 thu gom, xử lý đạt ≥80% dân số đô thị; công suất vận hành đạt khoảng ≥8.800 m³/ngày/đêm.

2. Dự án cải tạo, xây dựng mạng lưới thoát nước thải khu vực trung tâm Khoái Châu

Quy mô đề xuất: khoảng 10–15 km tuyến cống thu gom nước thải, xây dựng các tuyến cống bao và 2–3 trạm bơm chuyển tiếp. Ưu tiên: khu vực trung tâm hành chính, thương mại – dịch vụ, trường học, chợ và các khu dân cư có mật độ cao. Mục tiêu: đến năm 2027–2030 cơ bản hoàn thành đấu nối các hộ dân trong khu vực trung tâm.

3. Dự án mở rộng đấu nối nước thải hộ gia đình và cơ sở dịch vụ

Hỗ trợ, hướng dẫn đấu nối cho khoảng 5.000–7.000 hộ dân và các cơ sở thương mại, dịch vụ, trường học, cơ sở y tế. Từng bước xóa bỏ tình trạng xả nước thải trực tiếp ra ao, hồ, kênh mương; yêu cầu các cơ sở có phát sinh nước thải lớn phải xử lý đạt quy chuẩn trước khi đấu nối.

4. Dự án cải tạo hệ thống thoát nước và xử lý nước thải các khu dân cư hiện hữu

Ưu tiên các khu dân cư chưa có hệ thống thu gom tập trung; xây dựng cống riêng nước mưa – nước thải, kết hợp cải tạo bể tự hoại và công trình xử lý cục bộ trong giai đoạn chuyển tiếp.

Mục tiêu: đến năm 2027 hoàn thành rà soát và đầu tư các tuyến thu gom ưu tiên; phấn đấu đến năm 2030, ≥80% dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn; đến năm 2035 đạt ≥90–95%, trong đó các khu vực trung tâm, khu đô thị mới và khu dân cư tập trung đạt 100%. Đồng thời nâng dần công suất vận hành thực tế của hệ thống xử lý lên ≥80% công suất thiết kế vào năm 2030, bảo đảm nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

***- Đối với tiêu chuẩn: Nhà ở xã hội***

Để đáp ứng tiêu chuẩn về nhà ở xã hội, xã Khoái Châu cần chủ động bố trí quỹ đất và triển khai các dự án nhà ở xã hội gắn với quá trình phát triển đô thị, ưu tiên phục vụ người thu nhập thấp, công nhân, người lao động tại các khu/cụm công nghiệp và các đối tượng chính sách. Quỹ đất nhà ở xã hội cần được bố trí tại các khu vực có hạ tầng giao thông, cấp nước, thoát nước, trường học và dịch vụ công cộng thuận lợi, tránh phát triển biệt lập.

Đề xuất dự án cụ thể: hình thành Khu nhà ở xã hội Khoái Châu quy mô khoảng 3–5 ha, dự kiến 800–1.200 căn hộ, đáp ứng khoảng 2.000–3.000 người; ưu tiên bố trí tại khu vực trung tâm mở rộng hoặc các khu vực phát triển đô thị mới, gần các trục giao thông chính. Dự án có thể kết hợp nhà ở chung cư cao tầng, nhà ở thấp tầng phù hợp, bãi đỗ xe, cây xanh, sân chơi và các công trình dịch vụ thiết yếu.

Lộ trình thực hiện: giai đoạn 2026–2027 rà soát nhu cầu, xác định quỹ đất và lập quy hoạch chi tiết; giai đoạn 2028–2030 triển khai dự án, phấn đấu hoàn thành khoảng 500–700 căn; giai đoạn 2031–2035 tiếp tục đầu tư, nâng tổng số lên 800–1.200 căn, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhà ở xã hội phát sinh theo tốc độ đô thị hóa. Đồng thời, thực hiện chính sách hỗ trợ tiếp cận nhà ở, tín dụng ưu đãi và kiểm soát đối tượng mua, thuê, thuê mua nhằm bảo đảm đúng mục tiêu của chương trình nhà ở xã hội.

Mục tiêu đến năm 2030: bảo đảm 100% quỹ đất nhà ở xã hội theo quy hoạch được xác định và có kế hoạch đầu tư, từng bước hình thành quỹ nhà ở xã hội tập trung, đồng bộ hạ tầng, góp phần nâng cao chất lượng nhà ở và bảo đảm an sinh xã hội trong quá trình xây dựng Khoái Châu trở thành đô thị loại III.

***- Đối với tiêu chuẩn: Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị***

Để nâng cao tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị, xã Khoái Châu cần lựa chọn các tuyến phố trung tâm, tuyến thương mại – dịch vụ và các trục giao thông chính để đầu tư chỉnh trang đồng bộ, tập trung vào hạ tầng giao thông, vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, vệ sinh môi trường, biển hiệu và trật tự đô thị. Trước mắt ưu tiên các đoạn QL.39, ĐT.377, ĐT.377B, ĐT.379, ĐT.380 đi qua khu vực trung tâm và các tuyến phố có mật độ dân cư, kinh doanh cao.

- Giải pháp cụ thể: lập danh mục và phân loại từng tuyến phố theo bộ tiêu chí văn minh đô thị; cải tạo mặt đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước và chiếu sáng; ngầm hóa đường dây, cáp viễn thông, bổ sung cây xanh, thùng rác, biển báo và điểm đỗ xe phù hợp. Đồng thời tổ chức sắp xếp lại hoạt động kinh doanh, không để lấn chiếm vỉa hè, lòng đường; chỉnh trang mặt đứng công trình, biển quảng cáo, biển hiệu; duy trì vệ sinh môi trường và tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm.

- Đề xuất lộ trình: giai đoạn 2026–2027 lựa chọn khoảng 5–7 tuyến/đoạn phố, chỉnh trang thí điểm và công nhận đạt chuẩn; giai đoạn 2028–2030 mở rộng chỉnh trang thêm 8–10 km tuyến phố chính, phấn đấu ≥70% tuyến phố chính đạt tiêu chí văn minh đô thị; đến 2035 đạt ≥90%, trong đó các tuyến phố trung tâm, thương mại – dịch vụ và tuyến cửa ngõ đạt 100%.

- Việc triển khai cần thực hiện theo phương châm "một tuyến phố – một phương án chỉnh trang đồng bộ", kết hợp đầu tư ngân sách nhà nước với xã hội

hóa từ các hộ kinh doanh và doanh nghiệp, qua đó tạo diện mạo đô thị Khoái Châu sạch, đẹp, an toàn, văn minh và hiện đại.

***- Đối với tiêu chuẩn: Công trình xanh***

Để nâng cao tỷ lệ công trình xanh, xã Khoái Châu cần đưa yêu cầu sử dụng năng lượng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên và tăng diện tích cây xanh vào quá trình quy hoạch, đầu tư và cải tạo công trình. Trước mắt, ưu tiên các công trình công cộng, trụ sở hành chính, trường học, y tế, thương mại – dịch vụ và các dự án nhà ở mới tại khu vực trung tâm đô thị.

Giải pháp cụ thể: rà soát các công trình hiện hữu có khả năng cải tạo theo tiêu chí xanh; khi xây dựng mới yêu cầu áp dụng các giải pháp chiếu sáng LED, thiết bị tiết kiệm điện – nước, sử dụng năng lượng mặt trời, thông gió và chiếu sáng tự nhiên, vật liệu thân thiện môi trường, mái xanh/cây xanh và thu gom nước mưa. Khuyến khích các chủ đầu tư áp dụng các hệ thống đánh giá công trình xanh phù hợp; từng bước lắp đặt điện mặt trời mái nhà cho trường học, trụ sở và công trình công cộng có điều kiện. Đồng thời, bổ sung tiêu chí công trình xanh vào quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị và quy chế quản lý kiến trúc của khu vực trung tâm Khoái Châu.

Đề xuất dự án: "Chương trình xây dựng công trình công cộng xanh Khoái Châu giai đoạn 2026–2030", ưu tiên cải tạo trụ sở hành chính, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa – thể thao; phấn đấu thực hiện thí điểm 5–10 công trình, trong đó 100% công trình công cộng xây dựng mới từ năm 2027 áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng, nước và tăng cường cây xanh.

Mục tiêu: đến 2030, phấn đấu ≥20% công trình công cộng hiện hữu được cải tạo theo tiêu chí xanh và 100% công trình công cộng xây dựng mới áp dụng giải pháp công trình xanh; đến 2035, nâng tỷ lệ công trình công cộng được cải tạo/đầu tư theo tiêu chí xanh lên ≥40%, góp phần xây dựng Khoái Châu trở thành đô thị xanh, tiết kiệm năng lượng và thích ứng với biến đổi khí hậu.

***- Đối với tiêu chuẩn: Kế hoạch phát triển đô thị***

Để đáp ứng tiêu chuẩn Kế hoạch phát triển đô thị, xã Khoái Châu cần sớm xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển đô thị trung hạn, hằng năm, bảo đảm thống nhất với Quy hoạch tỉnh Hưng Yên, định hướng phát triển đô thị Khoái Châu và các quy hoạch có liên quan. Kế hoạch phải xác định rõ không gian phát triển, danh mục dự án ưu tiên, nguồn vốn, tiến độ thực hiện, chỉ tiêu phát triển đô thị và cơ chế kiểm tra, giám sát.

Giải pháp cụ thể: rà soát hiện trạng và các chỉ tiêu còn thiếu; xây dựng bộ chỉ tiêu phát triển đô thị đến 2030 và 2035, trong đó lượng hóa các mục tiêu về

giao thông, cấp nước, thoát nước – xử lý nước thải, cây xanh, nhà ở, công trình công cộng, môi trường và hạ tầng số. Lập danh mục dự án ưu tiên theo từng giai đoạn, tập trung vào chỉnh trang khu vực trung tâm, phát triển các tuyến phố văn minh, công viên cây xanh, hệ thống thu gom – xử lý nước thải, ngầm hóa hạ tầng kỹ thuật và nhà ở xã hội. Hằng năm đánh giá kết quả thực hiện, cập nhật kế hoạch và điều chỉnh danh mục đầu tư theo nguồn lực thực tế.

Đề xuất dự án: "Kế hoạch phát triển đô thị Khoái Châu giai đoạn 2026–2030, định hướng đến năm 2035", trong đó xác định khoảng 10–15 dự án ưu tiên, phân kỳ đầu tư theo 3 nhóm: hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và chỉnh trang – phát triển không gian đô thị; xây dựng cơ sở dữ liệu GIS theo dõi tiến độ và mức độ hoàn thành các tiêu chí đô thị.

Mục tiêu: hoàn thành lập và phê duyệt kế hoạch trong giai đoạn 2026–2027; đến 2030 bảo đảm 100% dự án ưu tiên có kế hoạch, tiến độ và nguồn vốn dự kiến, hằng năm có báo cáo đánh giá thực hiện; giai đoạn 2031–2035 tiếp tục cập nhật, điều chỉnh và hoàn thiện kế hoạch, bảo đảm phát triển Khoái Châu theo hướng đồng bộ, có trọng tâm, kiểm soát được quá trình đô thị hóa và phù hợp định hướng đô thị loại III.

### 5.2. Giải pháp về phát triển kinh tế

Trong thời gian tới, xã Khoái Châu cần xác định chuyển mạnh từ mô hình kinh tế nông nghiệp truyền thống sang kinh tế đô thị đa ngành, lấy thương mại – dịch vụ, công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, xây dựng và nông nghiệp công nghệ cao làm các trụ cột, trọng tâm trong phát triển kinh tế. Năm 2025, cơ cấu kinh tế của xã gồm nông nghiệp 17%, công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp và xây dựng 46%, thương mại – dịch vụ 37%; giá trị thu trên 1 ha canh tác đạt khoảng 244,2 triệu đồng/ha/năm. Đảng bộ xã đặt mục tiêu đến năm 2030 giá trị sản xuất tăng bình quân trên 10%/năm, thu nhập bình quân đạt 130 triệu đồng/người/năm, giá trị thu trên 1 ha canh tác đạt 280 triệu đồng/ha/năm, thu ngân sách tăng bình quân trên 10%/năm và tổng thu ngân sách giai đoạn 2025–2030 đạt trên 2.000 tỷ đồng.

- Phát triển thương mại – dịch vụ và kinh tế đô thị. Tập trung khai thác lợi thế vị trí, mạng lưới giao thông và quy mô dân cư để phát triển các trung tâm thương mại, chợ, dịch vụ tài chính – ngân hàng, logistics, lưu trú, ăn uống, dịch vụ phục vụ sản xuất và thương mại điện tử. Phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng thương mại – dịch vụ khoảng 10–11%/năm, đồng thời hình thành các tuyến phố thương mại, khu dịch vụ tập trung gắn với các khu đô thị mới và các tuyến giao thông chính.

- Thúc đẩy công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp và xây dựng. Ưu tiên các ngành công nghiệp sạch, chế biến nông sản, thực phẩm, cơ khí, sản xuất hàng tiêu

dùng và các ngành có giá trị gia tăng cao; hỗ trợ các cơ sở sản xuất chuyển đổi công nghệ, nâng cao năng suất và đáp ứng yêu cầu môi trường. Gắn phát triển công nghiệp – xây dựng với quy hoạch sử dụng đất, giao thông và hạ tầng kỹ thuật; hạn chế phát triển các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm trong khu dân cư.

- Tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng đô thị sinh thái, công nghệ cao. Với giá trị hiện đạt 244,2 triệu đồng/ha/năm, cần tập trung chuyển đổi diện tích sản xuất hiệu quả thấp sang cây trồng có giá trị kinh tế cao, phát triển vùng cây ăn quả, rau an toàn, hoa – cây cảnh, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP/OCOP và liên kết chuỗi. Mục tiêu đến năm 2030 nâng giá trị thu bình quân lên 280 triệu đồng/ha/năm, tương đương tăng khoảng 14,6% so với mức năm 2025. Khuyến khích phát triển nông nghiệp kết hợp du lịch trải nghiệm, giáo dục nông nghiệp và dịch vụ sinh thái.

- Khai thác các dự án động lực để tạo không gian và nguồn lực phát triển mới. Năm 2026 xã đang theo dõi 18 dự án trọng điểm, trong đó có Dự án Đường kết nối di sản xã Khoái Châu và Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái và sân golf Khoái Châu. Cần tập trung tháo gỡ giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ đầu tư, đồng thời kiểm soát chặt chẽ quy hoạch, kiến trúc và môi trường để các dự án tạo hiệu ứng lan tỏa về thương mại, dịch vụ, du lịch, việc làm và thu ngân sách.

- Phát triển kinh tế số và nâng cao năng lực doanh nghiệp. Hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi lên doanh nghiệp, ứng dụng thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, quảng bá sản phẩm địa phương trên nền tảng số; triển khai truy xuất nguồn gốc và xây dựng thương hiệu cho nông sản Khoái Châu. Gắn chuyển đổi số với cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư minh bạch, thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân. Xã đã triển khai các nhiệm vụ về khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong năm 2026, tạo nền tảng để mở rộng kinh tế số.

Mục tiêu đến năm 2030: phấn đấu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất trên 10%/năm; thu nhập bình quân 130 triệu đồng/người/năm; giá trị sản xuất trên 1 ha canh tác 280 triệu đồng/năm; thu ngân sách tăng trên 10%/năm; tổng thu ngân sách giai đoạn 2025–2030 trên 2.000 tỷ đồng; đồng thời giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng thương mại – dịch vụ và các ngành công nghiệp, xây dựng có giá trị gia tăng cao. Qua đó tạo nền tảng kinh tế vững chắc để Khoái Châu hoàn thiện các tiêu chí phát triển theo hướng đô thị hiện đại, dịch vụ – thương mại, sinh thái và phát triển bền vững.

### 5.2. Giải pháp về phát triển văn hóa xã hội

Phát triển văn hóa – xã hội xã Khoái Châu cần gắn với quá trình đô thị hóa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng dịch vụ xã hội và đời sống nhân

dân. Trong thời gian tới xã cần xác định tập trung đầu tư đồng bộ các thiết chế giáo dục, y tế, văn hóa – thể thao và an sinh xã hội, tạo nền tảng hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại III là nhiệm vụ chính trị trọng tâm trong giai đoạn 2026-2030. Do đó, cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Đối với công tác Giáo dục – đào tạo: Hiện hệ thống giáo dục công lập gồm 06 đơn vị trường học (02 mầm non, 02 tiểu học, 02 THCS), với 10 điểm/cơ sở vệ tinh; tổng diện tích đất giáo dục theo bảng rà soát hiện có khoảng 97.135 m² (9,71 ha), trong đó cần tiếp tục rà soát lại ranh giới theo đơn vị hành chính mới. Giai đoạn 2026–2030, ưu tiên đầu tư nâng cấp phòng học, phòng bộ môn, thư viện, sân chơi – bãi tập và hạ tầng số; phấn đấu 100% trường đạt chuẩn quốc gia, 100% trẻ trong độ tuổi đến trường và 100% trường học được kết nối Internet, ứng dụng nền tảng quản lý và dạy học số.

- Đối với công tác Y tế: Theo số liệu rà soát, 04 trạm y tế thuộc các đơn vị hình thành xã Khoái Châu có tổng cộng 20 phòng, 41 giường và 10.536 m² đất. Cần củng cố mạng lưới y tế cơ sở, đầu tư thiết bị khám chữa bệnh ban đầu, phòng chống dịch, quản lý sức khỏe người dân bằng hồ sơ điện tử; tăng cường chăm sóc người cao tuổi, trẻ em và các nhóm yếu thế. Đến năm 2030 phấn đấu 100% trạm y tế được đầu tư đáp ứng yêu cầu cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng tỷ lệ người dân tham gia BHYT lên trên 95% và bảo đảm người dân tiếp cận thuận lợi dịch vụ y tế ban đầu. Từng bước đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân đô thị.

- Đối với công tác Văn hóa, thể thao và bảo tồn di sản: Trên địa bàn hiện có 10 di tích/cụm di tích lịch sử – văn hóa được rà soát, xếp hạng; hệ thống nhà văn hóa tại các khu dân cư có tổng diện tích đất khoảng 24.110 m² (2,41 ha). Cần tu bổ, tôn tạo các di tích xuống cấp; nâng cấp nhà văn hóa, sân thể thao, khu vui chơi; phát triển các hoạt động văn nghệ, thể thao quần chúng và không gian sinh hoạt cộng đồng. Phấn đấu đến năm 2030 trên 95% hộ gia đình và khu dân cư đạt tiêu chuẩn văn hóa, 100% khu dân cư có thiết chế văn hóa – thể thao hoạt động hiệu quả và duy trì thường xuyên các hoạt động cộng đồng.

- Đối với công tác An sinh xã hội, việc làm và giảm nghèo: Thực hiện đầy đủ chính sách đối với người có công, hộ nghèo, cận nghèo, người cao tuổi, trẻ em và các nhóm yếu thế; đẩy mạnh đào tạo nghề, tư vấn và giới thiệu việc làm, nhất là đối với lao động chuyển đổi từ nông nghiệp sang dịch vụ, công nghiệp và xây dựng. Phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ hộ nghèo dưới 1%, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 85%, từng bước nâng cao thu nhập và chất lượng việc làm.

- Xây dựng đời sống văn hóa đô thị: Tăng cường tuyên truyền thực hiện nếp sống văn minh đô thị; quản lý tốt hoạt động lễ hội, cưới, tang; phòng chống tệ nạn xã hội, bạo lực gia đình và bảo vệ trẻ em. Gắn phát triển văn hóa với chỉnh trang đô thị, xây dựng tuyến phố văn minh, khu dân cư xanh – sạch – đẹp, tăng cường không gian công cộng và các điểm vui chơi cho trẻ em.

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa – xã hội: Đẩy mạnh số hóa hồ sơ giáo dục, y tế, an sinh xã hội; cung cấp dịch vụ công trực tuyến; phổ cập kỹ năng số cho người dân. Kết hợp dữ liệu dân cư, dữ liệu đất đai và dữ liệu địa chỉ để nâng cao hiệu quả quản lý và cung cấp dịch vụ xã hội.

Mục tiêu đến năm 2030: xây dựng hệ thống văn hóa – xã hội đồng bộ, hiện đại; 100% trẻ em trong độ tuổi được đến trường; 100% trường học được kết nối và ứng dụng hạ tầng số; trên 95% người dân tham gia BHYT; trên 95% hộ gia đình và khu dân cư đạt chuẩn văn hóa; tỷ lệ hộ nghèo dưới 1%; trên 85% lao động qua đào tạo. Đồng thời hoàn thiện mạng lưới giáo dục, y tế, văn hóa – thể thao và các dịch vụ xã hội, tạo môi trường sống văn minh, an toàn, nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân và đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị Khoái Châu theo hướng hiện đại, bền vững.

**5.3. Giải pháp về quy hoạch xây dựng, quản lý và phát triển đô thị**

Đối với công tác quy hoạch xây dựng, quản lý và phát triển đô thị trên địa bàn xã Khoái Châu cần được thực hiện theo hướng đồng bộ, có trọng tâm, gắn chặt với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và mục tiêu xây dựng Khoái Châu trở thành khu vực đô thị phát triển hiện đại. Các giải pháp cụ thể như sau:

- Hoàn thiện quy hoạch và quản lý không gian đô thị: Rà soát, cập nhật đồng bộ quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch chuyên ngành theo địa giới mới; cụ thể hóa định hướng phát triển đô thị Khoái Châu trong Quy hoạch tỉnh. Ưu tiên lập quy hoạch chi tiết các khu vực trung tâm, dọc các tuyến ĐT.377, ĐT.383, ĐT.384, ĐT.384B và các tuyến đường mới, bảo đảm dành đủ quỹ đất cho giao thông, trường học, y tế, cây xanh, thể thao, bãi đỗ xe và công trình công cộng. Phấn đấu đến 2027 hoàn thành rà soát hệ thống quy hoạch, đến 2030 100% dự án phát triển đô thị được triển khai phù hợp quy hoạch được duyệt.

- Phát triển hệ thống giao thông và các trục phát triển đô thị: Tập trung hoàn thành, nâng cấp mạng lưới giao thông khung; ưu tiên các dự án Đường kết nối di sản Khoái Châu, đường Kênh Đông, ĐT.377 mới, ĐT.383, ĐT.384B và các tuyến kết nối khu vực. Gắn phát triển các khu đô thị mới với hệ thống giao thông đối ngoại, hạn chế hình thành các khu dân cư phát triển manh mún. Mục tiêu đến 2030 cơ bản hoàn thiện các tuyến giao thông khung theo quy hoạch, bảo đảm kết nối thuận lợi giữa khu trung tâm với các khu dân cư, khu dịch vụ – du lịch và vùng sản xuất.

- Phát triển các khu đô thị, dịch vụ và dự án động lực: Tập trung tháo gỡ khó khăn về đất đai, giải phóng mặt bằng và thủ tục đầu tư đối với các dự án trọng điểm. Đặc biệt khai thác hiệu quả dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái và sân golf Khoái Châu cùng các khu đô thị, khu dịch vụ được định hướng trong quy hoạch. Việc phát triển phải bảo đảm nguyên tắc "đi trước một bước" về hạ tầng, không để hình thành khu đô thị thiếu trường học, cây xanh, giao thông, thoát nước và bãi đỗ xe.

- Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và chống ngập: Đầu tư đồng bộ cấp nước, thoát nước mưa – nước thải, cấp điện, chiếu sáng, viễn thông và xử lý chất thải. Đến 2030, phấn đấu 100% khu vực trung tâm và các khu đô thị mới có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; kiểm soát, xử lý các điểm ngập cục bộ; từng bước ngầm hóa điện, cáp viễn thông trên các tuyến phố chính; bảo đảm các dự án mới có hệ thống thoát nước được tính toán đồng bộ với lưu vực chung.

- Tăng cường quản lý đất đai, trật tự xây dựng và kiến trúc: Hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai, địa chính và địa chỉ; công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Kiểm soát chặt chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, mật độ, tầng cao, kiến trúc công trình; xử lý kịp thời xây dựng không phép, sai phép, lấn chiếm đất công và hành lang giao thông. Phấn đấu đến 2030 đạt 100% công trình xây dựng mới được kiểm soát theo quy hoạch và quy định quản lý kiến trúc.

- Chỉnh trang đô thị và phát triển không gian xanh: Tập trung chỉnh trang khu trung tâm, các tuyến phố chính và khu dân cư hiện hữu; cải tạo vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, biển hiệu, mặt đứng công trình và không gian công cộng. Ưu tiên bảo tồn các di tích lịch sử – văn hóa gắn với phát triển du lịch. Mục tiêu đến 2030, 100% tuyến phố chính được chỉnh trang, quản lý theo quy hoạch, hình thành các tuyến phố văn minh, xanh – sạch – đẹp.

- Quản lý đô thị thông minh, xanh và bền vững: Đẩy mạnh GIS và chuyển đổi số trong quản lý quy hoạch, đất đai, xây dựng và hạ tầng; tích hợp dữ liệu dân cư – đất đai – công trình. Khuyến khích công trình tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, tăng cây xanh và mặt nước. Đồng thời tăng cường sự tham gia của người dân trong giám sát quy hoạch và trật tự xây dựng.

Mục tiêu tổng hợp đến năm 2030: Hoàn thiện cơ bản hệ thống quy hoạch và hạ tầng khung; 100% dự án phát triển đô thị tuân thủ quy hoạch; 100% công trình xây dựng mới được kiểm soát; 100% khu vực trung tâm và khu đô thị mới có hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; 100% tuyến phố chính được chỉnh trang; giảm rõ rệt tình trạng ngập úng, xây dựng trái phép và lấn chiếm hành lang giao thông. Qua đó nâng cao chất lượng không gian đô thị, tạo nền tảng để Khoái Châu phát triển theo hướng đô thị xanh, hiện đại, có bản sắc và từng bước đáp ứng các tiêu chí đô thị loại III.

### 5.4. Giải pháp về huy động các nguồn lực và thu hút đầu tư

Trong giai đoạn 2026–2030, xã Khoái Châu xác định huy động nguồn lực, thu hút đầu tư và khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai là giải pháp đột phá để phát triển đô thị, hoàn thiện kết cấu hạ tầng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Năm 2025 gồm 17% nông nghiệp, 46% công nghiệp – xây dựng và 37% thương mại – dịch vụ. Giá trị sản xuất nông nghiệp đạt khoảng 244,2 triệu đồng/ha/năm; thu nhập bình quân khoảng 92,2 triệu đồng/người/năm. Năm 2026, xã đang theo dõi, triển khai 18 dự án trọng điểm, tạo dư địa lớn để huy động nguồn lực phát triển đô thị, hạ tầng và dịch vụ.

- Tập trung, đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư. Giai đoạn 2026–2030 ưu tiên ngân sách nhà nước cho giao thông khung, thoát nước, cấp nước, trường học, y tế, cây xanh và các công trình công cộng; đồng thời lồng ghép vốn tỉnh, vốn chương trình mục tiêu và các nguồn hợp pháp khác. Phấn đấu tăng tỷ trọng vốn ngoài ngân sách trong tổng vốn đầu tư phát triển, hạn chế đầu tư dàn trải; ưu tiên bố trí vốn cho các công trình có tính kết nối và tạo động lực phát triển đô thị.

- Khai thác nguồn lực đất đai tạo vốn cho phát triển. Rà soát toàn bộ quỹ đất công, đất có khả năng đấu giá, quỹ đất phát triển đô thị và quỹ đất hai bên các tuyến giao thông mới; tổ chức đấu giá, khai thác quỹ đất theo quy hoạch, tạo nguồn thu đầu tư trở lại cho hạ tầng. Mục tiêu đến 2030 hoàn thành rà soát, cập nhật 100% quỹ đất có khả năng khai thác, bảo đảm việc giao đất, cho thuê đất, đấu giá đất công khai, minh bạch, đúng quy hoạch và pháp luật.

- Ưu tiên các dự án hạ tầng có tính lan tỏa. Tập trung nguồn lực hoàn thiện các tuyến ĐT.377, ĐT.383, ĐT.384, ĐT.384B, đường Kênh Đông và Đường kết nối di sản Khoái Châu, đồng thời phối hợp triển khai các dự án đô thị, thương mại – dịch vụ và du lịch. Việc đầu tư phải thực hiện theo nguyên tắc hạ tầng đi trước, tạo quỹ đất sạch và kết nối đồng bộ, qua đó mở rộng không gian đô thị và nâng cao giá trị đất đai.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư ngoài ngân sách. Giai đoạn 2026–2030 xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư, tập trung vào khu đô thị mới, thương mại – dịch vụ, du lịch sinh thái, vui chơi giải trí, giáo dục, y tế, logistics và nông nghiệp công nghệ cao. Ưu tiên nhà đầu tư có năng lực tài chính và công nghệ, dự án sử dụng đất tiết kiệm, tạo nhiều việc làm và đóng góp ngân sách. Phấn đấu 100% dự án đầu tư mới phù hợp quy hoạch, có hạ tầng đồng bộ và đánh giá đầy đủ tác động môi trường.

- Phát huy các dự án động lực quy mô lớn. Tập trung phối hợp thực hiện Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái và sân golf Khoái Châu, có quy mô nghiên cứu khoảng 888,5 ha, tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 1,5 tỷ USD, trong đó phần thuộc xã Khoái Châu khoảng 208,11 ha. Chủ động tháo gỡ khó khăn về giải phóng mặt bằng,

tái định cư, đất đai và hạ tầng; bảo đảm tiến độ dự án, đồng thời tạo điều kiện để doanh nghiệp địa phương tham gia chuỗi cung ứng dịch vụ, du lịch và thương mại.

- Cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp. Công khai quy hoạch, quỹ đất và danh mục dự án; thực hiện cơ chế một cửa, đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục thuộc thẩm quyền. Tổ chức đối thoại định kỳ với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh để tháo gỡ khó khăn về đất đai, xây dựng, giải phóng mặt bằng và hạ tầng. Phấn đấu 100% hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền được giải quyết đúng hạn, nâng cao mức độ hài lòng của nhà đầu tư.

- Huy động nguồn lực xã hội và phát triển nguồn nhân lực. Khuyến khích xã hội hóa đầu tư các công trình giáo dục, y tế, văn hóa – thể thao, thương mại và môi trường; hỗ trợ hợp tác xã, doanh nghiệp đầu tư nông nghiệp công nghệ cao, sản phẩm đặc trưng và du lịch cộng đồng. Gắn thu hút đầu tư với đào tạo, chuyển đổi nghề cho lao động địa phương; phấn đấu đến 2030 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 85%, thu nhập bình quân đạt khoảng 130 triệu đồng/người/năm theo mục tiêu phát triển của địa phương.

Mục tiêu đến năm 2030: huy động tối đa các nguồn lực xã hội, tăng tỷ trọng vốn ngoài ngân sách; hoàn thành các công trình hạ tầng khung và dự án động lực theo tiến độ; khai thác hiệu quả quỹ đất tạo nguồn lực đầu tư; 100% dự án mới phù hợp quy hoạch và bảo đảm môi trường; 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết đúng hạn. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng sản xuất trên 10%/năm, thu nhập bình quân khoảng 130 triệu đồng/người/năm, giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 280 triệu đồng/ha/năm, tạo nền tảng nguồn lực để Khoái Châu phát triển thành đô thị hiện đại, có sức hút đầu tư và phát triển bền vững.

# VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Qua nghiên cứu, đánh giá tổng hợp các điều kiện về vị trí, vai trò, hiện trạng phát triển kinh tế – xã hội, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, công tác quy hoạch, quản lý xây dựng và phát triển đô thị trên địa bàn, có thể nhận thấy xã Khoái Châu có nhiều lợi thế và tiềm năng để phát triển theo hướng đô thị. Xã Khoái Châu giữ vai trò quan trọng trong không gian phát triển của tỉnh Hưng Yên. Kinh tế có tốc độ tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp – xây dựng và thương mại – dịch vụ; năm 2025 cơ cấu kinh tế tương ứng 17% nông nghiệp, 46% công nghiệp – xây dựng và 37% thương mại – dịch vụ. Hệ thống giao thông kết nối từng bước được hoàn thiện, tạo điều kiện mở rộng không gian đô thị và thu hút đầu tư.

Trong những năm qua, hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội của xã từng bước được đầu tư, nâng cấp; mạng lưới giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao và thương mại – dịch vụ cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân. Bên cạnh những kết quả đạt được, xã vẫn còn một số hạn chế cần tiếp tục khắc phục như hạ tầng kỹ thuật tại một số khu vực chưa đồng bộ; hệ thống thoát nước, xử lý nước thải còn hạn chế; không gian cây xanh, công viên, khu vui chơi công cộng chưa đáp ứng đầy đủ; một số khu dân cư cần tiếp tục chỉnh trang; công tác quản lý trật tự xây dựng, kiến trúc cảnh quan, môi trường và khai thác hiệu quả quỹ đất cần được tăng cường. Đây là những nội dung cần tập trung đầu tư, hoàn thiện nhằm nâng cao chất lượng đô thị trong giai đoạn tới.

Trên cơ sở đánh giá tổng hợp, với lợi thế về vị trí, quy mô dân số, điều kiện phát triển kinh tế – xã hội, khả năng thu hút đầu tư, hệ thống hạ tầng ngày càng hoàn thiện và định hướng phát triển đô thị rõ ràng, xã Khoái Châu có cơ sở và tiềm năng để tổ chức phát triển theo mô hình đô thị, hướng tới đáp ứng các yêu cầu, tiêu chí của đô thị loại III theo quy định hiện hành. Đề án là cơ sở để tiếp tục rà soát, hoàn thiện các tiêu chí còn hạn chế, đồng thời xác định lộ trình và nguồn lực đầu tư phù hợp.

Việc công nhận xã Khoái Châu là đô thị loại III không chỉ có ý nghĩa trong tổ chức, quản lý và phát triển đô thị mà còn tạo cơ sở để định hướng đầu tư không gian, hạ tầng và cảnh quan theo hướng đồng bộ, hiện đại, xanh và bền vững; khai thác hiệu quả các lợi thế về công nghiệp – xây dựng, thương mại – dịch vụ, nông nghiệp hàng hóa, du lịch và các giá trị văn hóa – lịch sử. Đây cũng là động lực quan trọng để Đảng bộ và Nhân dân xã Khoái Châu tiếp tục phát huy tiềm năng, nâng cao chất lượng cuộc sống, xây dựng địa phương ngày càng hiện đại, văn minh, xanh và giàu bản sắc, đóng góp tích cực vào quá trình phát triển hệ thống đô thị của tỉnh Hưng Yên.

Uỷ ban nhân dân xã Khoái Châu trình đề án công nhận xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III và trân trọng đề nghị các cấp có thẩm quyền quan tâm xem xét, công nhận để địa phương có điều kiện phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế xây dựng đô thị, văn minh, hiện đại nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, góp phần thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Hưng Yên trong thời kỳ mới./.

***Nơi nhận:***
- UBND tỉnh Hưng Yên;
- HĐND tỉnh Hưng Yên;
- Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên
- TT Đảng uỷ xã;
- TT HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan đơn vị;
- Các thôn trên địa bàn;
- Lưu VT.

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

U.B.N.D XÃ KHOÁI CHÂU T. HƯNG YÊN

**Nguyễn Tường Tuấn**

**PHỤ LỤC 1: TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG XÃ KHOÁI CHÂU THEO TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI III**

(Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị)

| TT | Mã tiêu chuẩn | Các yếu tố đánh giá | Đơn vị | Thang điểm | | Chỉ tiêu của ĐT loại III | | Năm 2025 | Điểm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tối thiểu | Tối đa | Cận dưới | Cận trên | | |
| **I** | | **TIÊU CHÍ VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI** | | **11,50** | **15,00** | | | | **13,00** |
| 1 | 2A.I.01 | Vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông | | 5,50 | 7,00 | Cấp xã | Cấp tỉnh | Cấp tỉnh | 7,00 |
| 2 | 2A.I.02 | Vai trò, vị trí đô thị trung tâm: Có công trình trụ sở hành chính, công trình hạ tầng đô thị đã đầu tư, xây dựng, là một trong các trung tâm, đầu mối kết nối | | 6,00 | 8,00 | Cấp xã | Cấp tỉnh | Cấp tỉnh | 6,00 |
| **II** | | **TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA** | | **15,50** | **20,00** | | | | **18,75** |
| 1 | 2A.II.03 | Quy mô dân số đô thị | 1000 người | 5,50 | 7,00 | 20 | 200 | 49,50 | 5,75 |
| 2 | 2A.II.04 | Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên | người/km2 | 4,50 | 6,00 | 500 | 1000 | 1687 | 6,00 |
| 3 | 2A.II.05 | Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp | % | 5,50 | 7,00 | 55 | 65 | 80,7 | 7,00 |
| **III** | | **TIÊU CHÍ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ** | | **48,00** | **65,00** | | | | **51,36** |
| **III.1** | | **Về hạ tầng kỹ thuật** | | **18,25** | **25,00** | | | | **18,68** |
| ***3.1.1*** | | ***Giao thông*** | | ***7,00*** | ***9,00*** | | | | ***5,00*** |
| 1 | 2A.III.06 | Đầu mối giao thông | | 3,00 | 4,00 | Cấp xã | Cấp tỉnh | Không có | *0,00* |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | 2A.III.07 | Mật độ đường giao thông đô thị | km/km 2 | 4,00 | 5,00 | 4 | 6 | 6,02 | 5,00 |
| ***3.1.2*** | | ***Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải*** | | ***4,75*** | ***7,00*** | | | | ***5,98*** |
| 1 | 2A.III.08 | Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung | % | 2,00 | 3,00 | 85 | 95 | 94,84 | 2,98 |
| 2 | 2A.III.09 | Mật độ đường cống thoát nước chính | km/km 2 | 2,00 | 3,00 | 3 | 3,5 | 6,02 | 3,00 |
| 3 | 2A.III.010 | Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch | % | 0,75 | 1,00 | 50 | 70 | 0,00 | 0,00 |
| ***3.1.3*** | | ***Xử lý chất thải rắn*** | | ***2,00*** | ***3,00*** | | | | ***3,00*** |
| 1 | 2A.III.11 | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường | % | 2,00 | 3,00 | 70 | 80 | 87,60 | 3,00 |
| ***3.1.4*** | | ***Nghĩa trang đô thị*** | | ***4,50*** | ***6,00*** | | | | ***4,70*** |
| 1 | 2A.III.12 | Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch | % | 2,00 | 3,00 | 50 | 70 | 53,93 | 2,20 |
| 2 | 2A.III.13 | Nhà tang lễ | Cơ sở | 2,50 | 3,00 | có dự án | 1 nhà tang lễ | có dự án | 2,50 |
| ***III.2*** | | ***Về hạ tầng xã hội*** | | ***18,25*** | ***25,00*** | | | | ***23,17*** |
| 1 | 2A.III.14 | Số giường bệnh | giường/ 10.000 dân | 3,75 | 5,00 | 30 | 35 | 40,40 | 5,00 |
| 2 | 2A.III.15 | Cơ sở giáo dục, đào tạo | cơ sở | 3,75 | 5,00 | 1 | 10 | 4,00 | 4,17 |
| 3 | 2A.III.16 | Công trình văn hóa | % | 3,75 | 5,00 | 2 | 10 | 12,00 | 5,00 |
| 4 | 2A.III.17 | Công trình thể dục, thể thao | Công trình | 3,00 | 4,00 | 2 | 5 | 4,00 | 3,67 |
| 5 | 2A.III.18 | Công trình thương mại, dịch vụ | Công trình | 2,00 | 3,00 | 2 | 5 | 3,00 | 2,33 |
| 6 | 2A.III.19 | Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người | m2/người | 2,00 | 3,00 | 1,5 | 2 | 3,29 | 3,00 |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| ***III.3*** | | ***Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị*** | | ***11,50*** | ***15,00*** | | | | ***9,52*** |
| 1 | 2A.III.20 | Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02ha trở lên | khu | 3 | 4 | 1,00 | 2,00 | 2,00 | 4,00 |
| 2 | 2A.III.21 | Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên | % | 2 | 3 | 25,00 | 35,00 | 71,18 | 3,00 |
| 3 | 2A.III.22 | Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị | m2/người | 2,50 | 3,00 | 6,00 | 7,00 | 6,03 | 2,52 |
| 4 | 2A.III.23 | Quy chế quản lý kiến trúc đô thị | Quy chế | 4,00 | 5,00 | Đã thực hiện quy chế từ 01 đến 03 năm | Đã thực hiện quy chế 03 năm trở lên | Chưa có quy chế | 0,00 |
| | | **Tổng điểm xét hạng phân loại đô thị** | | **75,00** | **100,00** | | | | **83,11** |

## Phụ lục 2: Bảng tổng hợp điểm Đánh giá trình độ phát triển xã Khoái Châu theo phụ lục 2B - Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15

| Thứ tự | Mã tiêu chuẩn | Tiêu chí, tiêu chuẩn | Đơn vị tính | Đạt trình độ loại III | | Hiện trạng năm 2025 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Mức quy định | Điểm | Tiêu chuẩn đạt | Điểm |
| **I** | | **TIÊU CHÍ VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI** | | | **11,5-15** | | **13,60** |
| 1 | 2B.I.01 | Tỷ lệ tăng dân số | % | 1,4 | 5 | 1,11 | 3,91 |
| | | | | 1 | 3,5 | | |
| 2 | 2B.I.02 | Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố | Lần | 1,2 | 6 | 1,09 | 5,19 |
| | | | | 1 | 4,5 | | |
| 3 | 2B.I.03 | Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) | % | < 4 | 4 | 0,31 | 4 |
| | | | | 5 | 3,5 | | |
| | | **Điểm cộng** | | | | | |
| - | | Có mức tăng thu 1% trở lên từ ngân sách địa phương (không bao gồm nguồn thu từ đất, trừ trường hợp phát triển theo mô hình TOD) | | | | | |
| - | | Có công trình cấp quốc gia, cấp tỉnh trên địa bàn | | | | Có công trình cấp quốc gia | 0,5 |
| - | | Tỷ lệ lao động trình độ cao đạt từ 50% trở lên | | | | | |
| | | ** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của tiêu chí, vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội* | | | | | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **II** | | **TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA** | | | **15,5-20** | | **17,63** |
| 1 | 2B.II.04 | Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị | người/km $^2$ | 6.000 | 10 | 5.766 | 9,76 |
| | | | | 4.000 | 8 | | |
| 2 | 2B.II.05 | Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị | % | 75 | 6 | 56,30 | 4,87 |
| | | | | 50 | 4,5 | | |
| 3 | 2B.II.06 | Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ | % | vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên | 4 | Đạt mục tiêu đề ra | 3 |
| | | | | Đạt mục tiêu đề ra | 3 | | |
| **III** | | **TIÊU CHÍ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ** | | | **48-65** | | **49,45** |
| **III.1** | | **Về hạ tầng kỹ thuật** | | | **18,5-25** | | **19,94** |
| ***3.1.1*** | | ***Giao thông*** | | | ***6,5-9*** | | ***6*** |
| 1 | 2B.III.07 | Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị | % | 17 | 3 | 19,58 | 3 |
| | | | | 12 | 2 | | |
| 2 | 2B.III.08 | Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người | m²/người | 9 | 3 | 32,43 | 3 |
| | | | | 7 | 2 | | |
| *3* | 2B.III.09 | Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính | % | 50 | 3 | 0 | 0 |
| | | | | 40 | 2,5 | | |
| | | **Điểm cộng** | | | | | |
| - | | Có hệ thống giao thông ngầm | | | | | |
| - | | Có kế hoạch và triển khai chuyển đổi phương tiện giao thông công cộng sử dụng nhiên liệu giảm phát thải khí nhà kính | | | | | |
| - | | Có tuyến đường dành riêng cho xe đạp | | | | | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 100% tuyến đường chính có giao thông công cộng | | | | | |
| | | ** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về giao thông* | | | | | |
| ***3.1.2*** | | ***Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải*** | | | ***4,5-6*** | | ***3,64*** |
| 1 | 2B.III.10 | Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người | lít/người/ngày đêm | 100 | 2 | 85,75 | 1,64 |
| | | | | 80 | 1,5 | | |
| 2 | 2B.III.11 | Thoát nước chống ngập úng đô thị | % | 50 | 2 | 100 | 2 |
| | | | | 25 | 1,5 | | |
| 3 | 2B.III.12 | Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật | % | 35 | 2 | 0 | 0 |
| | | | | 20 | 1,5 | | |
| | | **Điểm cộng** | | | | | |
| - | | Có giải pháp giảm tác động ngập lụt: xây dựng hồ điều hòa, thành phố bọt biển,... | | | | | |
| - | | Có các khu vực công cộng sử dụng nước uống tại vòi | | | | | |
| - | | Có trạm xử lý nước thải trên địa bàn | | | | | |
| | | ** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm các tiêu chuẩn về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải* | | | | | |
| ***3.1.3*** | | ***Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị*** | | | ***3-4*** | | ***3,88*** |
| 1 | 2B.III.13 | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom | % | 90 | 2 | 87,60 | 1,88 |
| | | | | 80 | 1,5 | | |
| 2 | 2B.III.14 | Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải | % | 75 | 1 | 77,78 | 1 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | rắn tại nguồn | | 50 | 0,75 | | |
| 3 | 2B.III.15 | Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng | % | 15 | 1 | 78,00 | 1 |
| | | | | 5 | 0,75 | | |
| | | **Điểm cộng** | | | | | |
| - | | Có kế hoạch hình thành vùng phát thải thấp | | | | | |
| - | | Tỷ lệ số ngày trong năm có chất lượng không khí đạt mức tiêu chuẩn ≥95 % | | | | | |
| | | ** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị* | | | | | |
| ***3.1.4*** | | ***Cấp điện và chiếu sáng công cộng*** | | | ***3-4*** | | ***3,8*** |
| 1 | 2B.III.16 | Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người | kwh/người/năm | 1.000 | 2 | 1543,24 | 2 |
| | | | | 400 | 1,5 | | |
| 2 | 2B.III.17 | Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng | % | 95 | 1 | 100,00 | 1 |
| | | | | 80 | 0,75 | | |
| 3 | 2B.III.18 | Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh | % | 50 | 1 | 22,22 | 0,8 |
| | | | | 15 | 0,75 | | |
| **3.1.5** | | ***Hạ tầng viễn thông*** | | | ***1,5-2*** | | ***2,62*** |
| 1 | 2B.III.19 | Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định | % | 100 | 2 | 84,90 | 1,62 |
| | | | | 80 | 1,5 | | |
| | | **Điểm cộng** | | | | | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| - | | Cung cấp điểm truy cập WiFi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng...) | | | | Có điểm truy cập WIFI miễn phí tại các trụ sở cơ quan, trường học, hội trường thôn | 0,5 |
| - | | Tỷ lệ dân số được phủ sóng 5G đạt 80% trở lên | | | | có | 0,5 |
| | | ** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về Hạ tầng viễn thông* | | | | | |
| **III.2** | | **Về hạ tầng xã hội** | | | **18,5-25** | | **18,14** |
| ***3.2.1*** | | ***Nhà ở*** | | | ***4,5-6*** | | ***3,58*** |
| 1 | 2B.III.20 | Diện tích nhà ở bình quân đầu người | $m^2$ sàn/người | 32 | 4 | 30,34 | 3,58 |
| | | | | 28 | 3 | | |
| 2 | 2B.III.21 | Nhà ở xã hội | Dự án | ≥ 1 | 2 | 0 | 0 |
| | | | | Đang xây dựng | 1,5 | | |
| | | **Điểm cộng** | | | | | |
| - | | Đang triển khai chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đồng bộ khu dân cư (tối thiểu là 4.000 người) | | | | | |
| | | ** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về Nhà ở* | | | | | |
| ***3.2.2*** | | ***Công trình công cộng*** | | | ***14-19*** | | ***14,56*** |
| 1 | 2B.III.22 | Đất dân dụng bình quân đầu người | $m^2$/người | 110 | 3 | 111,19 | 0 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | 50 | 2 | | |
| 2 | 2B.III.23 | Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người | $m^2$/người | 4 | 4 | 3,29 | 3,28 |
| | | | | 3 | 3 | | |
| 3 | 2B.III.24 | Số trường công lập đạt chuẩn | | 80% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên, trong đó ít nhất có 20% đạt mức độ 2 | 3 | 80% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên, trong đó ít nhất có 20% đạt mức độ 2 | 3 |
| | | | | 60% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên | 2,5 | | |
| 4 | 2B.III.25 | Trường tiểu học công lập trên quy mô dân số | trường | Đáp ứng 01 trường/8.000 người | 3 | Đáp ứng 01 trường/8.000 người | 2,5 |
| | | | | Đáp ứng 01 trường/6.000 | 2,5 | | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | người | | | |
| 5 | 2B.III.26 | Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân tính trên quy mô dân số | m²/người | 2 | 3 | 2,16 | 3 |
| | | | | 1,8 | 2 | | |
| 6 | 2B.III.27 | Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao) cấp đơn vị ở bình quân tính trên quy mô dân số | m²/người | 1,5 | 3 | 1,14 | 2,28 |
| | | | | 1 | 2 | | |
| | | **Điểm cộng** | | | | | |
| - | | 100% trường Trung học phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên | | | | Có 100% trường THPT công lập đạt mức độ 1 trở lên | 0,5 |
| - | | Có cơ sở nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. | | | | | |
| | | ** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về Công trình công cộng* | | | | | |
| **III.3** | | **Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị** | | | **11-15** | | **11,37** |
| ***3.3.1*** | | ***Không gian đô thị*** | | | ***3-4*** | | ***3,62*** |
| 1 | 2B.III.28 | Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người | m²/người | 3 | 2 | 3,17 | 2 |
| | | | | 2 | 1,5 | | |
| 2 | 2B.III.29 | Số lượng không gian xanh công cộng có quy mô từ 2.000 $m^2$ trở lên | Số khu | 5 | 2 | 2,00 | 1,62 |
| | | | | 1 | 1,5 | | |
| | | **Điểm cộng** | | | | | |
| - | | Không gian xanh công cộng được xây dựng trên cao | | | | | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| - | | Nhà vệ sinh công cộng đạt tiêu chuẩn tại các khu vực, không gian công cộng | | | | | |
| | | ** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về không gian đô thị* | | | | | |
| ***3.3.2*** | | ***Kiến trúc, cảnh quan đô thị*** | | | ***3-4*** | | ***1,5*** |
| 1 | 2B.III.30 | Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị | % | 40 | 2 | 0 | 0 |
| | | | | 20 | 1,5 | | |
| 2 | 2B.III.31 | Số lượng công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ | Công trình | 3 | 1 | 10 | 1 |
| | | | | 1 | 0,75 | | |
| 3 | 2B.III.32 | Công trình xanh | Công trình | 2 | 1 | 0 | 0 |
| | | | | 1 | 0,75 | | |
| | | **Điểm cộng** | | | | | |
| - | | Phường được công nhận là phường đạt chuẩn văn minh đô thị | | | | | |
| - | | Có tuyến phố chính được lập và quản lý theo thiết kế đô thị | | | | Có | 0,5 |
| - | | Có công trình kiến trúc, dự án khu nhà ở, khu đô thị đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế | | | | | |
| - | | Có di tích cấp quốc gia đặc biệt, di sản văn hóa vật thể, các khu vực có giá trị văn hóa lịch sử, sản xuất nông nghiệp, làng nghề truyền thống có phương án bảo vệ | | | | | |
| - | | Có dự án tái sử dụng công trình có giá trị, kiến trúc công nghiệp | | | | | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | ** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị* | | | | | |
| ***3.3.3*** | | ***Quản trị đô thị*** | | | ***5-7*** | | ***6,25*** |
| 1 | 2B.III.33 | Kế hoạch phát triển đô thị | | Đã thực hiện ≥ 03 năm | 1 | Không có | 0 |
| | | | | Có kế hoạch | 0,5 | | |
| 2 | 2B.III.34 | Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình | % | 60 | 2 | 66,30 | 2 |
| | | | | 35 | 1,5 | | |
| 3 | 2B.III.35 | Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch | % | 100 | 1 | 100 | 1 |
| | | | | 75 | 0,75 | | |
| 4 | 2B.III.36 | Quản lý phát triển đô thị thông minh | | Đã triển khai ≥ 01 dịch vụ tiện ích đô thị thông minh | 1 | Có đề án hoặc kế hoạch phát triển đô thị thông minh | 0,75 |
| | | | | Có đề án hoặc kế hoạch phát triển đô thị thông minh | 0,75 | | |
| 5 | 2B.III.37 | Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị | % | 95 | 2 | 100 | 2 |
| | | | | 90 | 1,5 | | |
| | | **Điểm cộng** | | | | | |
| | | Số vụ tai nạn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng trung bình ≤ 01 vụ trên năm trong 03 năm gần nhất | | | | | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số vụ cháy nổ nghiêm trọng xảy ra trung bình ≤ 01 vụ/năm trong 03 năm gần nhất | | | | ≤ 01 vụ/năm trong 03 năm gần nhất | 0,5 |
| | | ** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về quản trị đô thị* | | | | | |
| **Tổng** | | | | | **75-100** | | **80,68** |

# CÁC BẢNG BIỂU LIÊN QUAN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

*Khoái Châu, ngày 10 tháng 9 năm 2026*

# BIỂU 1: QUY MÔ DÂN SỐ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

*(Số liệu tính đến hết ngày 31/12/2025)*

| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Tổng dân số (người) |
|---|---|---|---|
| 1 | Dân số thường trú | Người | 48.794 |
| 2 | Dân số tạm trú quy đổi | Người | 707 |
| 3 | Tổng dân số | Người | 49.501 |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

U.B.N.D XÃ KHOÁI CHÂU T.H.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

NGUYỄN TƯỜNG TUẤN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

*Khoái Châu, ngày 10 tháng 9 năm 2026*

# BIỂU 2: CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

*(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)*

| TT | Loại đất | Diện tích (ha) | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| | **Diện tích đất tự nhiên** | **2.933,44** | **100,00** |
| **A** | **Đất xây dựng đô thị** | **858,48** | **29,27** |
| ***I*** | ***Đất dân dụng*** | ***538,16*** | ***18,35*** |
| 1 | Đất ở | 302,06 | 10,30 |
| 2 | Đất công trình công cộng | 30,01 | 1,02 |
| 3 | Đất cây xanh công cộng | 29,87 | 1,02 |
| 4 | Đất giao thông đối nội | 176,22 | 6,01 |
| ***II*** | ***Đất ngoài dân dụng*** | ***320,32*** | ***10,92*** |
| 1 | Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp | 55,59 | 1,90 |
| 2 | Giao thông đối ngoại | 15,28 | 0,52 |
| 3 | Đất cơ quan, trụ sở | 5,56 | 0,19 |
| 4 | Đất sử dụng mục đích công cộng | 194,19 | 6,62 |
| 5 | Đất cây xanh chuyên dụng, hạn chế | 15,67 | 0,53 |
| 6 | Đất nghĩa trang, nghĩa địa | 20,67 | 0,70 |
| 7 | Đất tôn giáo, tín ngưỡng | 12,22 | 0,42 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 8 | An ninh quốc phòng | 1,14 | 0,04 |
| **B** | **Đất khác** | **2.074,96** | **70,73** |
| 1 | Đất nông nghiệp | 2.042,55 | 69,63 |
| 2 | Đất đồi chưa sử dụng | | 0,00 |
| 3 | Đất bằng chưa sử dụng | 0,08 | 0,00 |
| 4 | Đất có mặt nước chuyên dùng | 32,09 | 1,09 |
| 5 | Đất khác | 0,24 | 0,01 |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

U.B.N.D XÃ KHOÁI CHÂU TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

NGUYỄN TƯỜNG TUẤN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Khoái Châu, ngày 10 tháng 9 năm 2026*

## BIỂU 3: CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

*(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)*

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2025 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **Tăng trưởng các ngành kinh tế** | | | |
| | Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ theo mục tiêu đề ra | % | 80,00 | |
| | Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ đạt được | % | 83,00 | |
| **II** | **Thu nhập bình quân đầu người trên năm** | | | |
| | Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã Khoái Châu | Tr. Đồng/năm | 85,20 | |
| | Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn tỉnh Hưng Yên | Tr. Đồng/năm | 78,00 | |
| | Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố | lần | 1,09 | |
| **II** | **Lao động** | | | |
| | Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế | Người | 27.542 | |
| | Tổng số lao động làm việc trong các ngành công nghiệp xây dựng và dịch vụ thương mại | Người | 22.223 | |
| | Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp | % | 80,69 | |
| **III** | **Tỷ lệ tăng dân số hàng năm** | % | 1,11 | |
| **IV** | **Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều** | | | |
| | Tổng số hộ trên địa bàn xã | hộ | 14.784 | |
| | Tổng số hộ nghèo | hộ | 61 | |
| | Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều trên địa bàn | % | 0,31 | |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

U.B.N.D XÃ KHOÁI CHÂU T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

NGUYỄN TƯỜNG TUẤN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

*Khoái Châu, ngày 10 tháng 9 năm 2026*

## BIỂU 4: THỐNG KÊ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

*(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)*

| TT | Tên đường | Bề rộng phần xe chạy (m) | Lộ giới đường (m) | Chiều dài (km) | Diện tích đất giao thông (m2) | Chiều dài đường ống thoát nước chính (nước mưa, nước thải) | Chiều dài đường dây, đường cáp được ngầm hóa (km) | Chiều dài các tuyến đường được chiếu sáng (km) | Tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Tổng cộng** | | | **51,70** | **1.681.325** | | | | |
| **I** | **Đường tỉnh** | | | **37,20** | **1.605.200** | | | | |
| 1 | Đường ĐT.383 - Xã Khoái Châu | 7,0 | 2x23 | 5,10 | 234.600 | 10,20 | | 5,10 | x |
| 2 | Đường ĐT.377 - xã Khoái Châu | 7,0 | 2x33 | 5,00 | 330.000 | 10,00 | | 5,00 | |
| 3 | Đường ĐT.377 mới - Xã Khoái Châu | 10,5 | 2x20 | 2,90 | 116.000 | 5,80 | | 2,90 | |
| 4 | Đường ĐT.384 - Xã Khoái Châu | 7 | 2x23 | 4,80 | 220.800 | 9,60 | | 4,80 | |
| 5 | Đường ĐT.384B - Xã Khoái Châu | 24 | 2x35 | 3,70 | 259.000 | 7,40 | | 3,70 | |
| 6 | Đường ĐT.378 - Xã Khoái Châu | 7,5 | Theo Hành lang đê | 4,80 | 76.800 | | | 4,80 | |
| 7 | Đường ĐH.54 - xã Khoái Châu | 7 | 2x16 | 0,40 | 32.000 | 0,40 | | 0,40 | |
| 8 | Đường ĐH.58 - xã Khoái Châu | 5,5 | 2x16 | 7,00 | 224.000 | | | 7,00 | |
| 9 | Đường ĐH.59 - xã Khoái Châu | 5,5 | 2x16 | 3,50 | 112.000 | 7,00 | | 3,50 | x |
| **II** | **Đường trục xã** | | | **14,50** | **76.125** | | | | |
| | Các tuyến đường xã | 3,5-7 | | 14,50 | 76.125 | 14,50 | | 14,50 | |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

U.B.N.D XÃ KHOÁI CHÂU T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

NGUYỄN TƯỜNG TUẤN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

*Khoái Châu, ngày 10 tháng 9 năm 2026*

# BIỂU 5: DANH MỤC BẾN BÃI ĐỖ XE TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

*(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)*

| TT | Tên đường | Địa điểm | Diện tích (m2) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | **Tổng cộng** | | **274.591** | |
| **I** | **Bến xe, Nhà ga, Bến cảng** | | **0** | |
| 1 | *Không có* | | 0 | |
| **II** | **Bãi đỗ xe** | | 274.591,20 | |
| 1 | Bãi đỗ xe thôn Phố Phủ | thôn Phố Phủ | 4.220,90 | |
| 2 | Bãi đỗ xe thôn Thông Quan Thượng | thôn Thông Quan Thượng | 12.486,20 | |
| 3 | Bãi đỗ xe thôn Thông Quan Thượng | thôn Thông Quan Thượng | 6.047,40 | |
| 4 | Bãi đỗ xe thôn Thông Quan Hạ | thôn Thông Quan Hạ | 5.830,50 | |
| 5 | Bãi đỗ xe thôn Thông Quan Hạ | thôn Thông Quan Hạ | 15.094,80 | |
| 6 | Bãi đỗ xe thôn Thông Quan Hạ | thôn Thông Quan Hạ | 6.997,40 | |
| 7 | Bãi đỗ xe thôn Thị Tứ | thôn Thị Tứ | 8.627,60 | |
| 8 | Bãi đỗ xe thôn Thị Tứ | thôn Thị Tứ | 11.574,50 | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 9 | Bãi đỗ xe thôn Tiểu Quan | thôn Tiểu Quan | 7.590,00 | |
| 10 | Bãi đỗ xe thôn Kim Quan | thôn Kim Quan | 9.690,60 | |
| 11 | Bãi đỗ xe thôn Ngọc Nha Thượng | thôn Ngọc Nha Thượng | 5.897,40 | |
| 12 | Bãi đỗ xe thôn Ngọc Nha Thượng | thôn Ngọc Nha Thượng | 3.054,00 | |
| 13 | Bãi đỗ xe thôn Ngọc Nha Hạ | thôn Ngọc Nha Hạ | 5.036,60 | |
| 14 | Bãi đỗ xe thôn Ngọc Nha Hạ | thôn Ngọc Nha Hạ | 9.643,50 | |
| 15 | Bãi đỗ xe thôn Kênh Hạ | thôn Kênh Hạ | 18.736,80 | |
| 16 | Bãi đỗ xe thôn Kênh Thượng | thôn Kênh Thượng | 10.340,60 | |
| 17 | Bãi đỗ xe thôn Cẩm Bối | thôn Cẩm Bối | 17.349,00 | |
| 18 | Bãi đỗ xe thôn Bối Khê | thôn Bối Khê | 12.947,50 | |
| 19 | Bãi đỗ xe thôn Cẩm Khê | thôn Cẩm Khê | 16.714,50 | |
| 20 | Bãi đỗ xe thôn Ninh Vũ | thôn Ninh Vũ | 8.330,20 | |
| 21 | Bãi đỗ xe thôn Anh Cảnh | thôn An Cảnh | 6.967,20 | |
| 22 | Bãi đỗ xe thôn Bình Kiều | thôn Bình Kiều | 11.625,80 | |
| 23 | Bãi đỗ xe thôn Phú Hòa | thôn Phú Hòa | 11.703,10 | |
| 24 | Bãi đỗ xe thôn Lạc Thủy | thôn Lạc Thủy | 8.383,20 | |
| 25 | Bãi đỗ xe thôn Đông Kết | thôn Đông Kết | 5.662,10 | |
| 26 | Bãi đỗ xe thôn Hồng Thái | thôn Hồng Thái | 7.644,00 | |
| 27 | Bãi đỗ xe thôn Lạc Thủy | thôn Lạc Thủy | 9.049,70 | |
| 28 | Bãi đỗ xe thôn Bắc Châu | thôn Bắc Châu | 17.346,10 | |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

CHỦ TỊCH

NGUYỄN TƯỜNG TUẤN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

*Khoái Châu, ngày 10 tháng 9 năm 2026*

**BIỂU 6: HIỆN TRẠNG CUNG CẤP NƯỚC SẠCH SINH HOẠT CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025**

*(Số liệu đến ngày 31/12/2025)*

| TT | Khu vực cấp nước | Quy mô dân số (Người) | Dân số được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (Người) | Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (%) | Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người (lít/người/ngày đêm) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Xã Khoái Châu | 49.501 | 46.945 | 94,84 | 85,75 | |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

U.B.N.D XÃ KHOÁI CHÂU T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
NGUYỄN TƯỜNG TUẤN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

*Khoái Châu, ngày 10 tháng 9 năm 2026*

**BIỂU 7: HIỆN TRẠNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025**

*(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)*

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI HIỆN TRẠNG** | | | |
| **TT** | **Trạm xử lý nước thải** | **Công suất trạm thiết kế (m3/ngày đêm)** | **Công suất trạm thực tế (m3/ngày đêm)** | **Ghi chú** |
| 1 | Không có | | | |
| **II** | **TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI THEO QUY HOẠCH** | | | |
| **TT** | **Trạm xử lý nước thải** | **Tổng công suất thiết kế theo quy hoạch (m3/ngày đêm)** | **Ghi chú** | **Ghi chú** |
| 1 | TXLNT SH3 | 6.500 | | |
| 2 | TXLNT SH1 | 3.000 | | |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

U.B.N.D XÃ KHOÁI CHÂU T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

NGUYỄN TƯỜNG TUẤN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

*Khoái Châu, ngày 10 tháng 9 năm 2026*

**BIỂU 8: HIỆN TRẠNG THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025**

*(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)*

| TT | Tổng số hộ | Số hộ được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật | Số hộ sử dụng dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 14.784 | 0 | 0 | |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

U.B.N.D XÃ KHOÁI CHÂU T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
NGUYỄN TƯỜNG TUẤN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Khoái Châu, ngày 10 tháng 9 năm 2026*

**BIỂU 9: THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CHẤT THẢI RẮN THU GOM, XỬ LÝ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025**

*(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)*

| TT | Tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh (Tấn/năm) | Tổng lượng CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (Tấn/năm) | Tỷ lệ CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (%) | Tổng số hộ | Tổng số hộ gia đình đã triển khai phân loại CTR tại nguồn | Tỷ lệ số hộ gia đình đã triển khai phân loại CTR tại nguồn (%) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 7.056 | 6.181 | 87,6 | 14.784 | 11500 | 77,78 | |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

CHỦ TỊCH

NGUYỄN TƯỜNG TUẤN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Xã Khoái Châu, ngày 10 tháng 9 năm 2026*

## BIỂU10: DANH MỤC NGHĨA TRANG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

*(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)*

| TT | Nghĩa trang nhân dân | Địa điểm | Diện tích quy hoạch (ha) | Diện tích xây dựng theo quy hoạch (ha) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nghĩa trang Thị Trấn Khoái Châu cũ | Thông Quan Hạ | 0,56 | 0,56 | |
| 2 | Nghĩa trang Thị Trấn Khoái Châu cũ | Thông Quan Hạ | 0,42 | 0,42 | |
| 3 | Nghĩa trang Thị Trấn Khoái Châu cũ | Thượng | 0,59 | 0,59 | |
| 4 | Nghĩa trang Thị Trấn Khoái Châu cũ | Vinh Quang | 1,26 | 1,26 | |
| 5 | Nghĩa trang Đông Kết cũ | Hồng Thái, Bắc Châu | 0,70 | 0,70 | |
| 6 | Nghĩa trang Đông Kết cũ | Trung Châu, Đông Kết | 2,30 | | |
| 7 | Nghĩa trang Đông Kết cũ | Lạc Thủy | 0,30 | | |
| 8 | Nghĩa trang Đông Kết cũ | Lạc Thủy | 0,87 | 0,87 | |
| 9 | Nghĩa trang Đông Kết cũ | Lạc Thủy | 0,35 | 0,35 | |
| 10 | Nghĩa trang Bình Kiều | Phú Hòa | 0,86 | 0,86 | |
| 11 | Nghĩa trang Bình Kiều | An Cảnh | 0,45 | | |
| 12 | Nghĩa trang Bình Kiều | Ninh Vũ | 0,61 | | |
| 13 | Nghĩa trang Phùng Hưng | Tiểu Quan | 0,42 | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 14 | Nghĩa trang Phùng Hưng | Tiểu Quan | 0,54 | 0,54 | |
| 15 | Nghĩa trang Phùng Hưng | Tiểu Quan | 0,35 | | |
| 16 | Nghĩa trang Phùng Hưng | Nghĩa trang liệt sỹ thôn Tiểu Quan | 0,32 | 0,32 | |
| 17 | Nghĩa trang Phùng Hưng | Kim Quan | 0,50 | 0,74 | |
| 18 | Nghĩa trang Phùng Hưng | Ngọc Nha Thượng | 0,74 | | |
| 19 | Nghĩa trang Phùng Hưng | Ngọc Nha Thượng | 0,75 | | |
| 20 | Nghĩa trang Liên Khê | Nghĩa trang Bối Khê, Cẩm Khê, Cẩm Bối | 1,71 | | |
| 21 | Nghĩa trang Liên Khê | Nghĩa trang Kênh Thượng, Kênh Hạ | 0,37 | 0,37 | |
| 22 | Nghĩa trang Liên Khê | Nghĩa trang Kênh Thượng, Kênh Hạ | 1,07 | 1,07 | |
| | **Tổng cộng** | | **16,04** | **8,65** | |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

U.B.N.D XÃ KHOÁI CHÂU TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

NGUYỄN TƯỜNG TUẤN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Xã Khoái Châu, ngày 10 tháng 9 năm 2026*

# BIỂU 11: TỶ LỆ SỬ DỤNG HÌNH THỨC HỎA TÁNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

*(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)*

| TT | Nội dung | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Số ca tử vong | Người/năm | **308** | |
| 2 | Số ca sử dụng hình thức hỏa táng | Người/năm | 241 | |
| 3 | Tỷ lệ hình thức sử dụng hỏa táng | % | 78,0 | |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

U.B.N.D XÃ KHOÁI CHÂU TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
NGUYỄN TƯỜNG TUẤN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

*Xã Khoái Châu, ngày 10 tháng 9 năm 2026*

## BIỂU 12: MỨC TIÊU THỤ ĐIỆN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

*(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)*

| TT | Nội dung | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng công suất tiêu thụ điện 1 năm | kwh | 76.392.000 | |
| 2 | Tổng dân số | người | 49.501 | |
| 3 | Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người | kwh/người/năm | 1.543 | |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

CHỦ TỊCH
NGUYỄN TƯỜNG TUẤN

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

*Khoái Châu, ngày 10 tháng 9 năm 2026*

## BIỂU 13: TỔNG HỢP SỐ LIỆU VIỄN THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN

*(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)*

| TT | Nội dung | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng số hộ gia đình có cáp quang truy cập Internet qua mạng băng rộng cố định | hộ | 12.552 | |
| 2 | Tổng số hộ dân trên địa bàn | hộ | 14.784 | |
| 3 | Tỷ lệ số hộ gia đình có cáp quang truy cập Internet qua mạng băng rộng cố định | % | 84,90 | |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

U.B.N.D XÃ KHOÁI CHÂU TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
NGUYỄN TƯỜNG TUẤN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

*Khoái Châu, ngày 10 tháng 9 năm 2026*

**BIỂU 14: THỐNG KÊ NHÀ Ở TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025**

*(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)*

| TT | Nội dung | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng số hộ dân | hộ | 14.784 | |
| 2 | Tổng số hộ dân cư có nhà ở kiên cố | hộ | 14.784 | |
| 3 | Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố | % | 100 | |
| 4 | Tổng dân số | hộ | 49.501 | |
| 5 | Tổng diện tích sàn | m2 | 1.501.860 | |
| 6 | Diện tích nhà ở bình quân đầu người | m2/người | 30,34 | |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

U.B.N.D XÃ KHOÁI CHÂU T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
NGUYỄN TƯỜNG TUẤN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

*Khoái Châu, ngày 10 tháng 9 năm 2026*

**BIỂU15: HỆ THỐNG GIÁO DỤC TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025**

*(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)*

| TT | Tên | Diện tích đất (m2) | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| **I** | **Trường THCS** | **41.371** | |
| 1 | Trường THCS thị trấn Khoái Châu | 2.802,0 | |
| 2 | Trường THCS xã Đông Kết | 18.246,0 | |
| 3 | Trường THCS Phùng Hưng | 10.020,0 | |
| 4 | Trường THCS Nguyễn Thiện Thuật | 10.303,0 | |
| **II** | **Trường Tiểu học** | **68.064** | |
| *1* | Trường Tiểu học thị trấn Khoái Châu | 9.126,0 | |
| 2 | Trường TH&THCS Bình Kiều cơ sở nhà đất số 1: trường Tiểu học Bình Kiều cũ | 3.900,0 | |
| 3 | Trường TH&THCS Bình Kiều cơ sở nhà đất số 2: trường THCS Bình Kiều cũ | 3.800,0 | |
| 4 | Trường TH&THCS Liên Khê cơ sở nhà đất số 1: trường Tiểu học Liên Khê cũ | 4.018,8 | |
| *5* | Trường TH&THCS Liên Khê cơ sở nhà đất số 2: trường THCS Liên Khê cũ | 3.943,1 | |
| **III** | **Trường Mầm non** | **21.638** | |
| *1* | Trường MN thị trấn Khoái Châu | 3.452,0 | |
| 2 | Trường Mầm non Bình Kiều | 3.637,0 | |
| 3 | Trường Mầm non xã Đông Kết cơ sở nhà đất số 1 (điểm trường thôn Trung Châu) | 1.619,0 | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 4 | Trường Mầm non xã Đông Kết cơ sở nhà đất số 2 (điểm trung tâm) | 2.603,7 | |
| 5 | Trường Mầm non xã Đông Kết cơ sở nhà đất số 3 (điểm trường Lạc Thủy) | 2.500,0 | |
| 6 | Trường Mầm non xã Liên Khê cơ sở nhà đất số 1 (điểm trường Cẩm Bối) | 5.956,1 | |
| 7 | Trường Mầm non xã Liên Khê cơ sở nhà đất số 2 (điểm trường Kênh Hạ) | 414,3 | |
| 8 | Trường mầm non xã Phùng Hưng | 1.456,0 | |
| IV | **Trường THPT, Cao đẳng, chuyên nghiệp** | **54.542** | |
| 1 | Trường GDNN-GDTX Khoái Châu | 5.542 | |
| 2 | THPT Khoái Châu | 16.000 | |
| 3 | THPT Nguyễn Siêu | 25.000 | |
| 4 | THPT Phùng Hưng | 8.000 | |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**



CHỦ TỊCH

NGUYỄN TƯỜNG TUẤN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Khoái Châu, ngày 10 tháng 9 năm 2026*

# BIỂU 16: TỔNG HỢP HỆ THỐNG Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

| TT | Cơ sở Y tế | Quy mô | | |
|---|---|---|---|---|
| | | Số giường | Số lượng cán bộ CNVC | Diện tích (m2) |
| 1 | Bệnh viện đa khoa Khoái Châu | 200 | 196 | 26.366 |
| 2 | Trạm y tế Phùng Hưng cũ | 6 | 9 | 1.250 |
| 3 | Trạm y tế Đông Kết cũ | 6 | 8 | 3.397 |
| 4 | Trạm y tế xã Liên Khê cũ | 4 | 7 | 2.976 |
| 5 | Trạm y tế Khoái Châu cũ | 4 | 17 | 2.913 |
| 6 | Trạm y tế xã Bình Kiều cũ | 5 | 8 | 2.069 |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

U.B.N.D XÃ KHOÁI CHÂU T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

NGUYỄN TƯỜNG TUẤN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

*Khoái Châu, ngày 10 tháng 9 năm 2026*

**BIỂU 17: HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH VĂN HÓA, THỂ DỤC, THỂ THAO TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2025**

*(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)*

| TT | Tên | Diện tích đất (m2) | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| | **Tổng** | **22.934,5** | |
| **I** | **Công trình di tích lịch sử có giá trị được xếp hạng** | 3.972,5 | |
| 1 | Đình Vinh Quang | 976,7 | |
| 2 | Đền Thông Quan Hạ | 1.658,7 | |
| 3 | Chùa Lạc Thuỷ | 3.989,8 | |
| 4 | Đền Hậu | 847,4 | |
| 5 | Đình Tiểu Quan | 376,7 | |
| 6 | Cụm di tích Đền, Chùa, Miếu Tiểu Quan | 563,3 | |
| 7 | Đình Ngọc Nha Thượng | 360,0 | |
| 8 | Miếu Dạ Trạch (Đền chúa Tiên Dung) | 5.056,5 | |
| 9 | Cụm di tích Đình, Chùa Bối Khê | 5.132,9 | |
| 10 | Đình Phú Hoà | **37.775,2** | |
| **II** | **Công trình Văn hoá** | 8.274,9 | |
| 1 | Nhà văn hoá trung tâm xã | 5.820,4 | |
| 2 | Đài tưởng niệm | 2.740 | |
| 3 | Nhà văn hóa thôn Ngọc Nha Hạ | 255 | |
| 4 | Nhà văn hóa thôn Ngọc Nha Thượng | 424 | |
| 5 | Nhà văn hóa thôn Kim Quan | 1.901 | |
| 6 | Nhà văn hóa thôn Thị Tứ | 368 | |
| 7 | Nhà văn hóa thôn Cẩm Khê | 376 | |
| 8 | Nhà văn hóa Bối Khê | 1.013 | |
| 9 | Nhà văn hóa thôn Kênh Thượng | 465 | |
| 10 | Nhà văn hóa thôn Kênh Hạ | 10.841 | |
| 11 | Nhà văn hóa thôn Ninh Vũ | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 12 | Nhà văn hóa thôn An Cảnh | 1.254 | |
| 13 | Nhà văn hóa thôn Bình Kiều | 2.589 | |
| 14 | Nhà văn hóa thôn Phú Hòa | 402 | |
| 15 | Nhà văn hóa thôn Bắc Châu | 755 | |
| 16 | Nhà văn hóa thôn Hồng Thái | 298 | |
| **VI** | **Công trình TDTT (sân vận động, sân bóng đá, sân chơi, sân tập luyện…)** | **48.890** | |
| 1 | Sân vận động xã | 21.103 | |
| 2 | Sân bóng đá Đông Kết | 2.450 | |
| 3 | Sân bóng đá Phùng Hưng | 3.473 | |
| 4 | Sân bóng đá Liên Khê | 2.847 | |
| 5 | Sân thể thao thôn Ngọc Nha Hạ | 1.250 | |
| 6 | Sân thể thao thôn Ngọc Nha Thượng | 1.365 | |
| 7 | Sân thể thao thôn Kim Quan | 1.422 | |
| 8 | Sân thể thao thôn Thị Tứ | 1.156 | |
| 9 | Sân thể thao thôn Cẩm Khê | 834 | |
| 10 | Sân thể thao Bối Khê | 1.574 | |
| 11 | Sân thể thao thôn Kênh Thượng | 1.337 | |
| 12 | Sân thể thao thôn Kênh Hạ | 1.790 | |
| 13 | Sân thể thao thôn Ninh Vũ | 950 | |
| 14 | Sân thể thao An Cảnh | 1.450 | |
| 15 | Sân thể thao Bình Kiều | 2.011 | |
| 16 | Sân thể thao Phú Hòa | 2.278 | |
| 17 | Sân thể thao Bắc Châu | 764 | |
| 18 | Sân thể thao Hồng Thái | 836 | |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

U.B.N.D XÃ KHOÁI CHÂU T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

NGUYỄN TƯỜNG TUẤN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Khoái Châu, ngày 10 tháng 9 năm 2026*

# BIỂU 18: HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

*(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)*

| TT | Tên | Diện tích đất (m2) | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 1 | Chợ Phủ | 3.600 | |
| 2 | Chợ Bái | 4200 | |
| 3 | Chợ Tiểu Quan | 1500 | |
| | **Tổng** | **9.300** | |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

U.B.N.D XÃ KHOÁI CHÂU T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
NGUYỄN TƯỜNG TUẤN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

*Khoái Châu, ngày 10 tháng 9 năm 2026*

# BIỂU 19: THỐNG KÊ DIỆN TÍCH CÂY XANH TRÊN ĐỊA BÀN

*(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)*

| TT | Khu vực | Quy mô diện tích (m2) | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| | **Tổng đất cây xanh** | | |
| I | Cây xanh sử dụng công cộng *(công viên, vườn hoa)* | 298.716 | |
| II | Đất cây xanh sử dụng hạn chế *(bao gồm đất cây xanh trồng trong khuôn viên các công trình; công viên chuyên đề do tổ chức, cá nhân quản lý và sử dụng)* | 92.558 | |
| III | *Đất cây xanh chuyên dụng (bao gồm đất cây xanh trong vườn ươm, đất cây xanh phục vụ nghiên cứu, đất cây xanh cách ly, cây xanh cách ly Khu công nghiệp, cây xanh cách lý các cơ sở xử lý chất thải rắn, cây xanh cách ly các tuyến đường giao thông).* | 64.191 | |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

U.B.N.D XÃ KHOÁI CHÂU T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
NGUYỄN TƯỜNG TUẤN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

*Khoái Châu, ngày 10 tháng 9 năm 2026*

**BIỂU 20: DANH SÁCH TUYẾN PHỐ VĂN MINH TRÊN ĐỊA BÀN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025**

*(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)*

| TT | Tuyến phố | Số lượng | Chiều dài (m) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Số lượng tuyến phố được đánh giá công nhận là tuyến phố văn minh đô thị | 0 | | |
| 2 | Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị (%) | 0 | | |

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ KHOÁI CHÂU T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
NGUYỄN TƯỜNG TUẤN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

*Khoái Châu, ngày 10 tháng 9 năm 2026*

**BIỂU 21: DANH MỤC CÔNG TRÌNH VĂN HOÁ, DI TÍCH LỊCH SỬ HIỆN CÓ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025**

*(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)*

| TT | Tên di tích lịch sử, văn hóa | Địa điểm | Danh hiệu | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Cấp quốc gia đặc biệt | Cấp tỉnh | Cấp quốc gia | |
| 1 | Đình Vinh Quang | xã Khoái Châu | | X | | |
| 2 | Đền Thông Quan Hạ | xã Khoái Châu | | | X | |
| 3 | Chùa Lạc Thuỷ | xã Khoái Châu | | | X | |
| 4 | Đền Hậu | xã Khoái Châu | | | X | |
| 5 | Đình Tiểu Quan | xã Khoái Châu | | X | | |
| 6 | Cụm di tích Đền, Chùa, Miếu Tiểu Quan | xã Khoái Châu | | X | | |
| 7 | Đình Ngọc Nha Thượng | xã Khoái Châu | | | X | |
| 8 | Miếu Dạ Trạch (Đền chúa Tiên Dung) | xã Khoái Châu | | X | | |
| 9 | Cụm di tích Đình, Chùa Bối Khê | xã Khoái Châu | | | X | |
| 10 | Đình Phú Hoà | xã Khoái Châu | | X | | |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

U.B.N.D XÃ KHOÁI CHÂU T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

NGUYỄN TƯỜNG TUẤN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Khoái Châu, ngày 10 tháng 9 năm 2026*

**BIỂU 22: HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XỬ LÝ QUA DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025**

*(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)*

| TT | Tên Đơn vị hành chính | Tổng hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công | Tổng hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình | Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình (%) | Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị (%) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | UBND xã Khoái Châu | 10.404 | 6.898 | 66,30 | 100% | |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

CHỦ TỊCH
NGUYỄN TƯỜNG TUẤN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Khoái Châu, ngày 10 tháng 9 năm 2026*

**BIỂU 23: DANH MỤC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG ĐƯỢC CẢI TẠO CHỈNH TRANG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025**

*(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)*

| TT | Danh mục | Địa điểm | Năm cải tạo, chỉnh trang xây dựng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Kết ( đoạn từ ngã tư ông Lợi thôn Đông Kết đi xóm 5 thôn Trung Châu) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 2 | Nâng cấp đường và xây mới kênh tiêu thoát nước đoạn từ nhà Oanh Lượng thôn Trung Châu đi KT12 | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 3 | Sửa chữa đường giao thông nội đồng đoạn Đồng Rùa từ KT14 thôn Lạc Thủy đi ruộng xóm 15 thôn Đông Kết | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 4 | CTNC một số tuyến đường GTNT xã Đông Kết, đoạn 1 từ ruộng nhà ông Ninh đến trục đường trục xóm 22 thôn Hồng Thái, đoạn 2 từ ruộng ông Khương đến đường trục thôn Đi Kênh tây và thôn Hồng Thái, đoạn 3 cải tạo rãnh nước khu gốc đa đường 383 dọc theo chiều dài nhà ông Doanh) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 5 | Duy tu, sửa chữa đường GTNĐ thôn Kênh Hạ, xã Liên Khê, đoạn từ cống tiêu Mào Gà đi ruộng ông Tài | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 6 | Duy tu, sửa chữa đường nội đồng xã Đông Kết đoạn KT14 Đồng Sống đi Cừ Liên Khê thôn Lạc Thuỷ | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 7 | Duy tu, sửa chữa đường GTNĐ đoạn từ trục thôn Lạc Thuỷ ruộng Đồng Bói đi cử Liên Khê và ao công điền thôn Lạc Thuỷ xã Đông Kết | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 8 | Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông nội đồng đường Đỗi Đá xóm Trầm, thôn Tiểu Quan, xã Phùng Hưng | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 9 | Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông nội đồng đoạn nối từ đường Vành Khanh đến đường bờ máng Xóm Trại, thôn Thị Tứ, xã Phùng Hưng | Xã Khoái Châu | 2025 | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 10 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (Đoạn từ nhà cụ Lê Tiến Xương đến nhà ông Mạnh; Tuyến đường Đỗi Nhội, đoạn từ nhà ông bà Kha Quế đến ĐT.384; Đoạn từ giếng xóm 1 đến bờ máng kênh đông) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 11 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (Đoạn từ cổng chợ Tiểu Quan đến nhà Thụ Đóa; Đoạn từ nhà ông Thụy đến trường mầm non xóm 4; Đoạn từ đình làng Tiểu Quan đi bờ máng Kênh Đông Xóm 4) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 12 | Sửa chữa đường giao thông nội đồng xã Phùng Hưng (tuyến đường máng hai thôn Ngọc Nha Hạ điểm đầu bờ máng kênh Đông điểm cuối Đống Mít) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 13 | Sửa chữa đường GT nội đồng xã Phùng Hưng (đoạn từ đường trục Nội Giàn đến Bầu Nam thôn Kim Quan). | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 14 | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Bình Kiều ( đoạn 1 từ ruộng nhà ông Hưng Phúc đến đầu cầu xóm 3 đội 11 giáp nhà bà Thiệu, đoạn 12 từ đường máng đội 9 hướng ra nghĩa trang) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 15 | Cái tạo, nâng cấp dường giao thông nội đồng xã Bình Kiều (đoạn 1 từ ruộng nhà ông Hiệp đến đường ngang đội 7 thôn an Cảnh, đoạn 2 từ ruộng nhà bà Lũy ra đường Sông Mười) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 16 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bình Kiều ( đoạn từ đầu làng thôn An Cảnh đến nhà ông Tràng Áp lạc thủy xã Đông Kết) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 17 | Cải tạo, nâng cấp rãnh thoát nước đường giao thông Thị Trấn Khoái châu (đoạn từ nhà ông Đông đến bở ván) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 18 | Duy tu, sửa chữa đường GTNĐ Ninh Vũ, thị trấn Khoái Châu (đoạn từ ruộng ông Thuyên đến ruộng bà Bề) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 19 | Cải tạo, nâng cấp đường GNTN xã Bình Kiều (đoạn từ nhà ông Lưu, thôn An Cảnh đến nhà ông Hoà Don thôn Ninh Vũ | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 20 | Cải tạo, nâng cấp đường nội đồng thôn Kim Quan xã Phùng Hưng (đoạn từ đường 377 đi Nghĩa trang nhân dân thôn Kim Quan) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 21 | Cải tạo , nâng cấp đường GT nội đồng xã Phùng Hưng, đoạn từ Đồng mới (máng kênh Đông) đến sông Đại Thần, thôn Ngọc Nha Thượng | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 22 | Xây dựng tuyến đường bờ đông máng kênh đông xã Phùng Hưng | Xã Khoái Châu | 2025 | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 23 | Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông nội đồng cánh Đồng Năng, xã Phùng Hưng | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 24 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 25 | Cải tạo, nâng cấp đường nội đồng xã Phùng Hưng đoạn từ Đỗi 10 (điểm giao với ĐT204) đến Đỗi 12 (nhà máy gạch Minh Đức) thị tứ Phùng Hưng. | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 26 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (đoạn từ Ngõ Chùa đến Ngõ Thị; đoạn từ đình làng Tiểu quan đến Cầu Trầm) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 27 | Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường GTNT: đoạn từ cửa đình dưới giáp cừ Liên Khê đến đường 2 và từ ruộng Hậu đến cừ Liên Khê thôn Lạc Thủy, xã Đông Kết | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 28 | Sửa chữa đường GTNĐ thôn Bối Khê( đoạn từ ruộng ông Lan Thuỷ đến gốc gạo thôn Bối Khê) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 29 | Sửa chữa đường GTNĐ xã Liên Khê ( đoạn từ ruộng ông Tưởng lộc đến sông năm giáp xã Chí Minh) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 30 | Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Liên Khê ( đoạn 2 từ dốc Kênh đi cống Mốc đá đường ĐH 59) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 31 | Nâng cấp đường từ Kênh Tây đi thôn Hồng Thái và các đường nhánh 383 | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 32 | Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng đường GTNT xã Đông Kết (đoạn từ đường tỉnh ĐT383 vào đường trục thôn Hồng Thái) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 33 | Cải tạo, nâng cấp dường trục xã Liên Khê ( tuyến 1: đoạn từ đường ĐT.378 đến máng nổi kênh Tây, tuyến 2 : từ ngã tư sân bóng cấp đến kênh Thượng) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 34 | Cải tạo năng cấp đường GTNT xã Liên Khê đoạn từ nhà Thu Hùng đến máng nổi kênh tây thôn Bối Khê | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 35 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Liên Khê (Đoạn từ đường ĐT.384 đến đầu Kênh Thượng) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 36 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Kênh Hạ xã Liên Khê đoạn từ nhà bà Táu đến nhà ông Cung | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 37 | Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Liên Khê (đoạn từ Máng nổi kênh Tây đến đường ĐT.384) | Xã Khoái Châu | 2025 | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 38 | CTNC đường GTNT xã Liên Khê (đoạn từ ngã ba quỹ tín dụng đến hội trường thôn Bối Khê) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 39 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng đoạn từ cổng làng Kim Quan đến đình Ngọc Nha Thượng) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 40 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng ( đoạn từ dốc trường Tiểu học Phùng Hưng đến tiếp giáp xã Đại Hưng) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 41 | Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính và xây dựng hệ thống chiếu sáng, sử dụng đèn LED – Năng lượng mặt trời xã Phùng Hưng | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 42 | Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường thuộc Thị Tứ và xây dựng hệ thống chiếu sáng, sử dụng đèn LED – Năng lượng mặt trời xã Phùng Hưng | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 43 | Xây dựng đường giao thông nông thôn xã Phùng Hưng (đoạn từ cầm Trầm đến giáp cầu Kim Quan) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 44 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (Đoạn từ nhà Thoan Khởi đến giáp nghĩa trang Phần Ba) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 45 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (Đoạn từ nhà ông Mười Mấu đến nghĩa trang thôn Ngọc Nha Thượng) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 46 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (đoạn 1: Từ nhà ông Hòa đến bờ kênh Đông thôn Tiểu Quan; đoạn 2: từ nhà anh Chiến đến ao thôn Chùa thôn Ngọc Thượng; đoạn 3: Từ nhà ông Khải đến nhà ông Phan; đoạn 4: Từ nhà ông Mận đến nhà ông Tuấn; đoạn 5: Từ nhà bà Thắm đến nhà ông May; đoạn 6: Từ nhà bà Hiền đến nhà ông Cứ) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 47 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (Đoạn 1: Từ ĐH377 đến xóm Đông; Đoạn 2: Từ đường trục chính thôn Ngọc Nha Thượng đến nhà Cường Thủy, Đoạn 3: Từ đường trục chính thôn Ngọc Nha Thượng đến nhà bả Chung; Đoạn 4: Từ nhà Nga Sao đến nhà cô Ngà; Đoạn 5: Từ nhà Thạo Kế đến nhà cụ Thoa; Đoạn 6: Từ nhà cụ Quyết đến nhà cụ Hùng thôn Ngọc Nha Thượng, Đoạn 7: Từ nhà ông Chung Khảm đến nhà bà Sáng Mùi; Đoạn 8: Từ nhà ông Hảo Ánh đến nhà cụ Khám) | Xã Khoái Châu | 2025 | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 48 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (đoạn từ giáp quán cây đa đến nhà ông Sinh xóm Trầm thôn tiểu quan) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 49 | Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng nội đồng đường khu chăn nuôi xóm Trại thôn Tiểu Quan, xã Phùng Hưng | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 50 | Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng tuyến đường giao thông nội đồng từ nhà ông Hùng đến sông Từ Hồ - Sài Thị, thôn Tiểu Quan, xã Phùng Hưng | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 51 | Cải tạo, nâng cấp đường nội đồng xóm Chỗ thị tứ Phùng Hưng (đoạn từ máng Kênh Đông đi Dân Tiến) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 52 | Cải tạo, nâng cấp đường nội đồng xã Phùng Hưng (đoạn từ nhà ông Tân Hà đi mương gốc Quất) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 53 | Duy tu, sửa chữa đường GTNĐ xã Phùng Hưng đoạn từ cánh đồng Phần Ba đi trạm bơm | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 54 | Duy tu, sửa chữa đường GTNĐ thôn Ngọc Nha Hạ, xã Phùng Hưng (đoạn cống ông Tấu đi cánh đồng Mào Gà) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 55 | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Tiểu Quan, xã Phùng Hưng (Đoạn từ Ngã ba gốc bàng đến đỗi đá trong xóm 5). | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 56 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Tiểu Quan, xã Phùng Hưng (Đoạn từ nhà anh Phương Ảnh đi qua trường mầm non xóm Trại đi đường ĐT.384) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 57 | Cải tạo nâng cấp đường vỉa hè thôn Tiểu Quan xã Phùng Hưng | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 58 | Công trình: Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Ngọc Nha Hạ, xã Phùng Hưng ( Đoạn từ giáp địa phận xã Liên Khê đến nhà ông Thu, Đoạn từ nhà ông Tí đến nhà Ông Lịch ) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 59 | Đầu tư xây dựng cầu thôn Ngọc Nha Hạ xã Phùng Hưng | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 60 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bình Kiều ( đoạn từ thôn Bình Kiều đi Sông 9 Phùng Hưng) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 61 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bình Kiều ( đoạn từ nhà văn hóa thôn Bình Kiều đi xã Phùng Hưng) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 62 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bình Kiều ( đoạn từ nhà văn hóa thôn Bình Kiều đi nhà ông Trượng thôn An Cảnh) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 63 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bình Kiều ( đoạn từ trạm y tế đi ĐT.384) | Xã Khoái Châu | 2025 | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 64 | Cải tạo nâng cấp đường GTNT Xã Bình Kiều (đoạn từ nhà ông Trượng thôn An Cảnh đến đường DT.383) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 65 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bình Kiều ( đoạn từ nhà mẫu giáo đội 4 đi đường ĐT.383) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 66 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bình Kiều ( đoạn từ ĐT,383 đến thôn Ninh Vũ) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 67 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Phú Hòa xã Bình Kiều (đoạn từ đường ĐT.383 đến đường DH.54) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 68 | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Phủ hòa xã Bình Kiều ( đoạn từ đường ĐT.383 đến miều đôi cô | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 69 | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Phú hòa xã Bình Kiều (đoạn từ đường ĐT.383 đến điểm tập kết rác thải thôn Phú Hòa) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 70 | Sửa chữa đường GT nội đồng thôn Ninh Vũ xã Thị trấn Khoái Châu (đoạn từ vườn nhà ông Phạm Công Mạnh đến cống Quay) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 71 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bình Kiều ( đoạn từ nhà ông Tẩy đến nhà Ông Đổi đội 5 thôn Binh Kiều) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 72 | Cải tạo, nâng cấp đường thôn Ninh Vũ xã Bình Kiều (đoạn từ sân kho Đội 10 đến sông Mười và đoạn từ đường ĐT.384 đến Công Quay) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 73 | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Bình Kiêu (đoạn từ nhà văn hóa thôn An Cảnh ra đường Sông Mười) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 74 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (Đoạn từ Ngã ba hội trường thôn đến ngã tư Nhà cụ Oánh thôn Kim Quan và Đoạn từ Nhà Ông Hoạch đến Cống cụ Mầu thôn Ngọc Nha Hạ) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 75 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT đoạn từ ngã 4 đầu làng thôn Trung Châu đi đường trục xóm 12 thôn Đông Kết | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 76 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT (Đoạn từ nhà ông Bắc đến trường Mầm Non thôn Ngọc Nha Hạ; Đoạn từ nhà thờ họ Lê đi qua Nghè Khói đến nhà ông Thu) và xây dựng hệ thống chiếu sáng đường giao thông thôn Ngọc Nha Hạ, thôn Ngọc Nha Thượng xã Phùng Hưng | Xã Khoái Châu | 2025 | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 77 | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Phùng Hưng (Đoạn từ gần nhà bà Thảo Khứa đến giếng đình làng Tiểu Quan; Đoạn từ gần nhà hàng cây đa đến miếu Đôi Bà và các đoạn ngõ xóm thôn Tiểu Quan) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 78 | Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông ngõ xóm Trầm, Xóm Trại, Xóm Xuôi, xã Phùng Hưng | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 79 | Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông ngõ xóm 3, xóm 4 - Thôn Tiểu Quan, xã Phùng Hưng | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 80 | CTNC đường GTNT xã Phùng Hưng (đoạn 1 từ Cầu máng kênh đông thôn Kim Quan đến giáp xã Việt Hòa; đoạn 2 từ cổng làng thôn Ngọc Nha Thượng đến ngõ thổ) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 81 | Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (Đoạn từ trạm biến áp TT Phùng Hưng đến máng Kênh Đông). | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 82 | Xây dựng ĐT.377 mới đoạn tuyến nối ĐT.383 - ĐT.384 (đoạn qua thị trấn Khoái Châu đến xã Phùng Hưng) huyện Khoái Châu | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 83 | Cải tạo nâng cấp Đường Nguyễn Kỳ (đoạn từ ĐT.377 đến khu đấu giá TTKC) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 84 | Cải tạo mở rộng Đường Quy hoạch đô thị (đoạn từ trường THCS Nguyễn Thiện Thuật - Kênh Đông) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 85 | Xây dựng đường Kênh Đông, huyện Khoái Châu đoạn từ ĐH.57 đến ĐT.384 | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 86 | Cải tạo nâng cấp Đường nối từ ĐT.377 (xã Phùng Hưng) đến trung tâm xã Bình Kiều. | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 87 | Cải tạo, nâng cấp ĐT.383 đoạn từ ngã tư giao ĐT.379 đến ĐT.378 | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 88 | Cải tạo nâng cấp ĐT.384 đoạn từ ĐT.377 đến đường Kết nối di sản, huyện Khoái Châu | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 89 | Xây dựng ĐT.377 quy hoạch mới, đoạn từ điểm giao với ĐT.377B đến điểm giao với ĐT.383 (khoảng Km11+200 đến Km13+800) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 90 | Cải tạo nâng cấp Đường liên xã Đông Kết Bình Kiều (Điểm đầu giao ĐT.383 xã Đông Kết – điểm cuối giao ĐT.384 xã Bình Kiều). | Xã Khoái Châu | 2025 | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 91 | Cải tạo mở rộng Đường Triệu Quang Phục (đoạn từ ĐT.377 đi qua trường THCS Thị trấn đến Bình Kiều) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 92 | Cải tạo, nâng cấp Đường Bãi Sậy (Đoạn từ ĐT.377 đến đường tránh ĐT.377) | Xã Khoái Châu | 2025 | |
| 93 | Cải tạo, nâng cấp đường kênh tây (điểm đầu từ ĐT.383 - điểm cuối đến hết khu dân cư mới xã Đông Kết) | Xã Khoái Châu | 2025 | |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

U.B.N.D XÃ KHOÁI CHÂU T. HƯNG YÊN

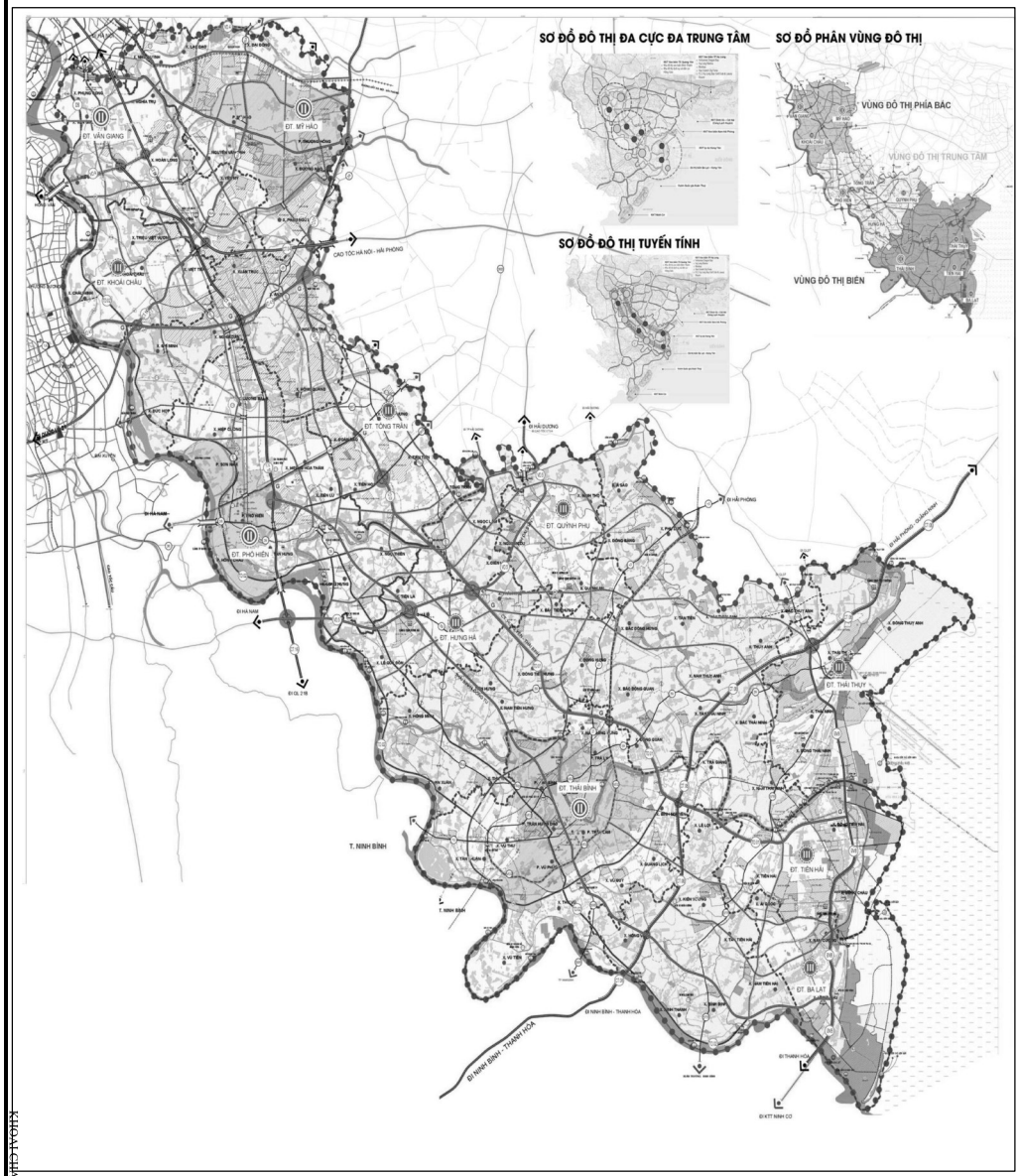
CHỦ TỊCH

NGUYỄN TƯỜNG TUẤN

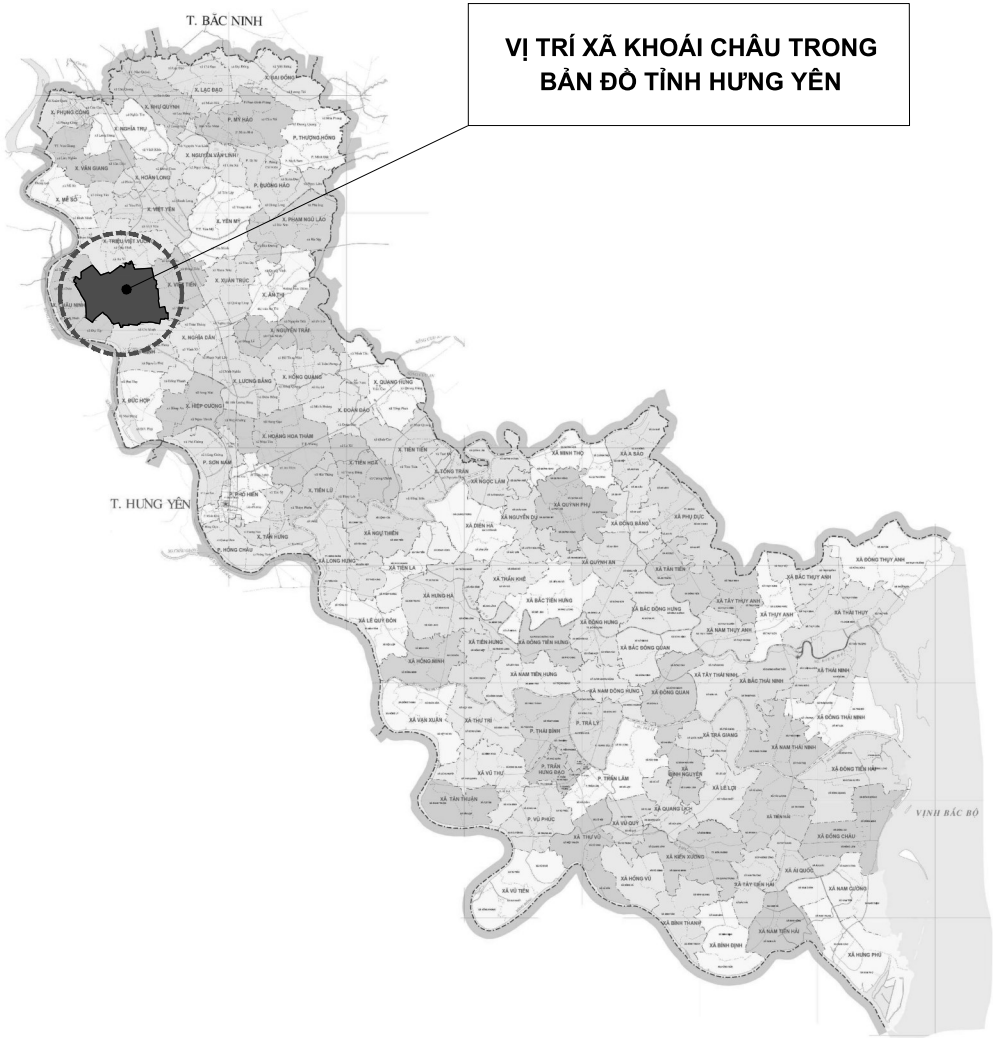
# CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN

# ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT ĐÔ THỊ LOẠI III
# SƠ ĐỒ VỊ TRÍ VÀ MỐI LIÊN HỆ VÙNG

## SƠ ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TỈNH HƯNG YÊN




## VỊ TRÍ XÃ KHOÁI CHÂU TRONG BẢN ĐỒ TỈNH HƯNG YÊN



# ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT ĐÔ THỊ LOẠI III

## SƠ ĐỒ PHẠM VI RANH GIỚI XÃ KHOÁI CHÂU

B

### PHẠM VI RANH GIỚI XÃ KHOÁI CHÂU






KHOAI CHAU - 26

# ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT ĐÔ THỊ LOẠI III

## BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG XÂY DỰNG ĐÔ THỊ VÀ VỊ TRÍ CÁC DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI



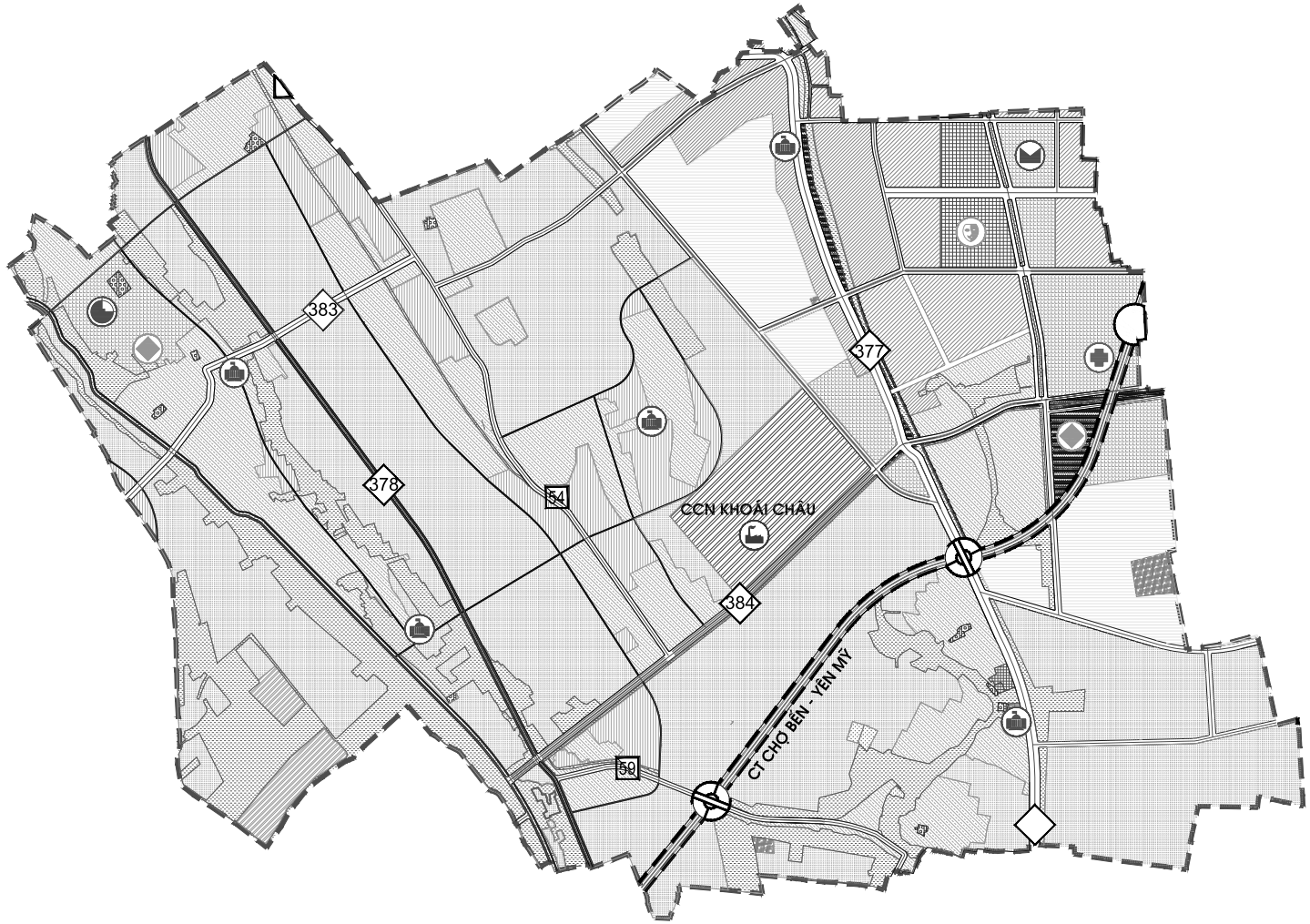

KÍ HIỆU:

- ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
- ĐẤT DỊCH VỤ, THƯƠNG MẠI
- ĐẤT CƠ QUAN
- ĐẤT GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
- ĐẤT TRƯỜNG HỌC
- ĐẤT Y TẾ
- ĐẤT Ở ĐÔ THỊ
- ĐẤT Ở LÀNG XÓM
- ĐẤT CÂY XANH, CÔNG VIÊN VUI CHƠI GIẢI TRÍ
- ĐẤT THỂ DỤC THỂ THAO
- ĐẤT CÔNG NGHIỆP, TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP
- ĐẤT TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG
- ĐẤT NÔNG NGHIỆP
- ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM
- ĐẤT HOA MÀU
- ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM
- ĐẤT ĐẦU MỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT
- ĐẤT CÔNG TRÌNH CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH
- ĐẤT NGHĨA TRANG
- ĐẤT AN NINH QUỐC PHÒNG
- ĐẤT CÔNG TRÌNH NĂNG LƯỢNG
- MẶT NƯỚC
- CAO TỐC
- QUỐC LỘ
- ĐƯỜNG TỈNH
- ĐƯỜNG LIÊN KHU VỰC
- RANH GIỚI XÃ
- RANH GIỚI QHC XÂY DỰNG KHU BÔ THỜI - DÂN TIẾN

KHOAICHAU - 3/6

# ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT ĐÔ THỊ LOẠI III

## BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT




KÍ HIỆU:

HIỆN TRẠNG | QUY HOẠCH

- KHU CƠ QUAN
- KHU HỖN HỢP - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ
- KHU CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
- KHU GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU
- KHU ĐÔ THỊ
- KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN HIỆN HỮU CẢI TẠO
- KHU DÂN CƯ PHÁT TRIỂN MỚI
- CÔNG TRÌNH TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG
- KHU VỰC CÔNG NGHIỆP
- KHU VỰC SXKD PHỤC VỤ NÔNG THÔN
- KHU VỰC DỰ TRỮ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
- KHU NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA
- KHU ĐẦU MỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT
- KHU CÂY XANH, CÔNG VIÊN, TDTT
- KHU VỰC NÔNG NGHIỆP

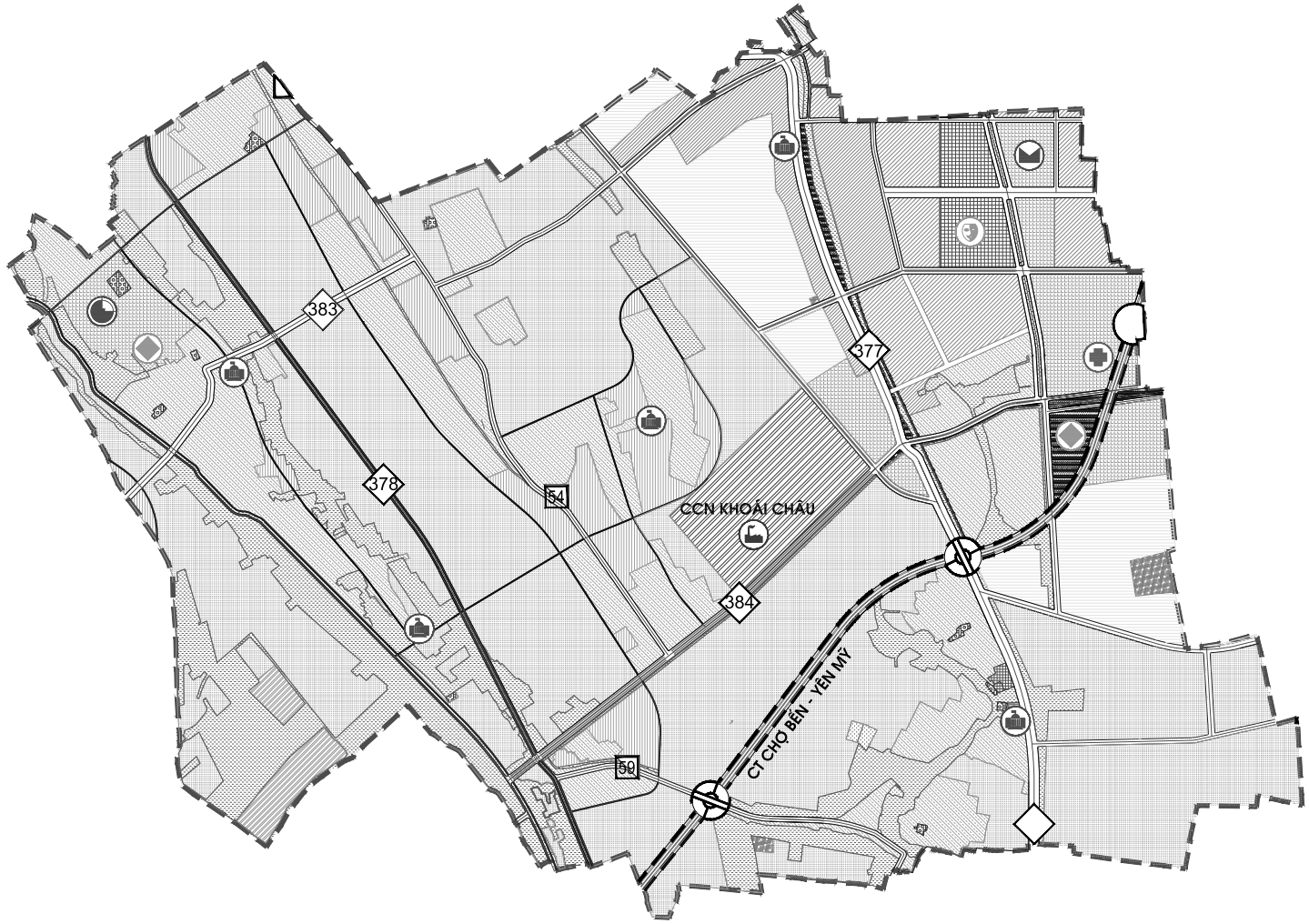
- MẶT NƯỚC
- GIAO THÔNG
- ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA
- ĐƯỜNG SẮT TỐC ĐỘ CAO
- ĐƯỜNG SẮT NỘI VÙNG
- RANH GIỚI XÃ

- TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH, CHÍNH TRỊ
- TRUNG TÂM DỊCH VỤ, THƯƠNG MẠI
- TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO
- TRUNG TÂM VĂN HÓA
- TT GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU
- TRUNG TÂM Y TẾ
- TRUNG TÂM CÔNG NGHIỆP
- TRUNG TÂM HỖN HỢP
- TRUNG TÂM DU LỊCH, NGHỈ DƯỠNG

KHOÁI CHÂU - 49

# ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT ĐÔ THỊ LOẠI III

## SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN




KÍ HIỆU:

HIỆN TRẠNG | QUY HOẠCH

- KHU CƠ QUAN
- KHU HỖN HỢP - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ
- KHU CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
- KHU GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU
- KHU ĐÔ THỊ
- KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN HIỆN HỮU CẢI TẠO
- KHU DÂN CƯ PHÁT TRIỂN MỚI
- CÔNG TRÌNH TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG
- KHU VỰC CÔNG NGHIỆP
- KHU VỰC SXKD PHỤC VỤ NÔNG THÔN
- KHU VỰC DỰ TRỮ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
- KHU NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA
- KHU ĐẦU MỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT
- KHU CÂY XANH, CÔNG VIÊN, TDTT
- KHU VỰC NÔNG NGHIỆP

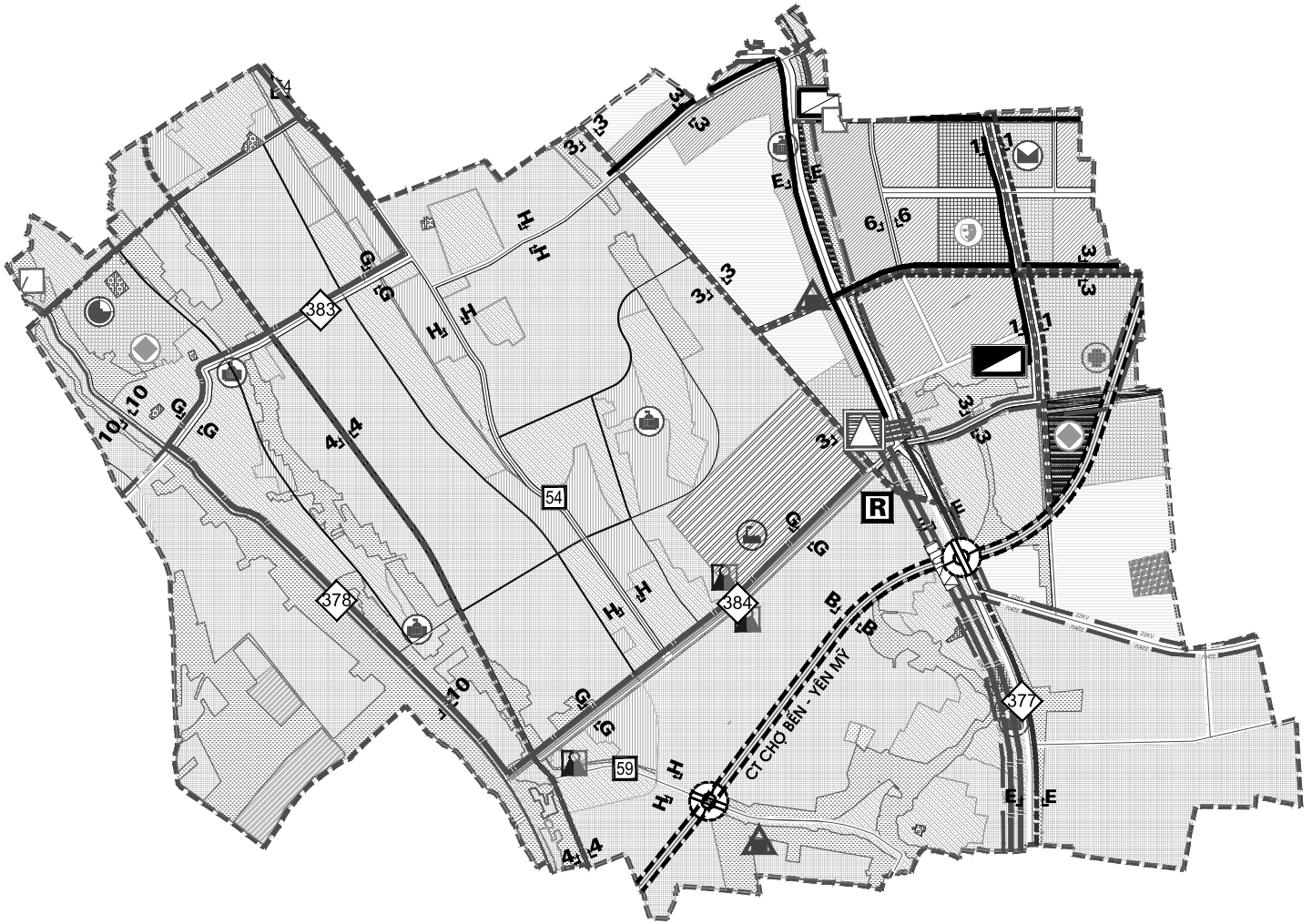
- MẶT NƯỚC
- GIAO THÔNG
- ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA
- ĐƯỜNG SẮT TỐC ĐỘ CAO
- ĐƯỜNG SẮT NỘI VÙNG
- RANH GIỚI XÃ

- TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH, CHÍNH TRỊ
- TRUNG TÂM DỊCH VỤ, THƯƠNG MẠI
- TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO
- TRUNG TÂM VĂN HÓA
- TT GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU
- TRUNG TÂM Y TẾ
- TRUNG TÂM CÔNG NGHIỆP
- TRUNG TÂM HỖN HỢP
- TRUNG TÂM DU LỊCH, NGHỈ DƯỠNG

KHOÁI CHÂU - 5/6

# ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT ĐÔ THỊ LOẠI III

## SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT




**KÍ HIỆU:**

- ĐÊ QUỐC GIA
- ĐÊ BỐI
- TRẠM BƠM TIÊU
- TRẠM BƠM TƯỚI
- TRẠM BƠM TƯỚI TIÊU KẾT HỢP
- ĐƯỜNG PHÂN LƯU
- RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH
- TRẠM 220KV HIỆN CÓ
- TRẠM 220KV DỰ KIẾN
- TRẠM 110KV HIỆN CÓ
- TRẠM 110KV DỰ KIẾN
- ĐƯỜNG DÂY 22KV DỰ KIẾN
- TRẠM 220KV HIỆN CÓ
- TRẠM 220KV DỰ KIẾN
- TRẠM 110KV HIỆN CÓ
- TRẠM 110KV DỰ KIẾN
- ĐƯỜNG DÂY 22KV DỰ KIẾN
- TỔNG ĐÀI VỆ TINH HIỆN CÓ VÀ DỰ KIẾN
- TRẠM BTS HIỆN CÓ VÀ DỰ KIẾN
- ĐƯỜNG CÁP QUANG HIỆN CÓ
- ĐƯỜNG CÁP QUANG DỰ KIẾN
- D300 ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI DỰ KIẾN
- TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- KHU VỰC NGHĨA TRANG TẬP TRUNG
- ĐIỂM TRUNG CHUYỂN CTR

